



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



Một đời được mấy điều mong ước
Núi lở sông bồi đã mấy khi
Lịch sử ngời đi nhiều tiếng động
Mười năm cổ lục đã ai ghi?
(Ta về, thơ Tô Thùy Yên)

115

THÁNG 06.2021



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Tăng xá PHV Hải Đức**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hướng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- **PHẬT ĐẢN TÂN SỬU 2565 - 2021** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 8
- **BIÊN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH, t.t.** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- **THÔNG BẠCH PHẬT ĐẢN PL. 2565 - 2021** (Hội Đồng Giáo Phẩm), tr. 13
- **THÔNG ĐIỆP ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN VESAK LIÊN HIỆP QUỐC 2021** (Thích Phước Hạnh dịch), trang 14
- **ĐIỆN THƯ PHÂN ƯU TLTHT THÍCH THIÊN HẠNH VIÊN TỊCH** (GHPGVNTNHNK), trang 16
- **SỐNG TRONG ĐẠI DƯƠNG PHẬT TÁNH** (Nguyễn Thế Đăng) tr. 17
- **THÔNG TƯ V/V ĐÌNH HOẢN LỄ PHẬT ĐẢN & AN CƯ...** (Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK), trang 21
- **HẠT MẦM VƯỜN LÊN TỪ ĐẤT** (Nguyễn Siêu), trang 22
- **THIỆN TĂNG VỊNH** (thơ Thích Chúc Hiền), trang 23
- **HÒA NHẬP TRONG TỪ ÁI CỨU KÍNH** (Tuệ Uyển dịch), trang 24
- **BÁT CHÁNH ĐẠO – CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ** (Bhikkhu Bodhi - Thích Tâm Hạnh & Cs. Tâm Cảnh dịch), trang 28
- **TAM HỢP** (thơ Hiền Nguyễn), trang 32
- **CON ĐƯỜNG THỐNG NHẤT, t.t., VNPG Sử Luận, Chương 35** (Nguyễn Lang), trang 33
- **PHẬT DẠY CHỌN BẠN MÀ CHƠI** (Quảng Tánh), trang 36
- **HÃY TỰ HỎI, TỰ HỎI...** (thơ Huệ Trân), trang 37
- **TU SỬA NĂM CĂN – Câu Chuyện Cuối Tuần** (Nhóm Áo Lam), tr. 38
- **ĐANG RƠI** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 39
- **LỄ PHẬT ĐẢN MÙA DỊCH** (Đồng Thiện), trang 40
- **TÌNH THỨC VỚI TÂM KHÔNG BIẾT** (Nguyễn Giác), trang 47
- **MỜI NHAU** (thơ Thy An), tr. 50
- **GIỚI THIỆU "TỪ HUỖN THOẠI TỐI TÂM KINH" CỦA CS. NGUYỄN GIÁC** (Tâm Diệu), tr. 51
- **LỊCH SỬ VIÊN ASPIRIN** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 52
- **HÁT VỚI CHIỀN CHIỀN** (thơ Trần Hoàng Vy), trang 53
- **TỘI XEM THƯỜNG** (TK. Vĩnh Hữu), trang 54
- **CÓ NIẾT BÀN KHÔNG?** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 56
- **NĂM KIM CHÂM XÀO THẬP CẨM CHAY** (G. Phương) trang 57
- **HẠNH PHÚC VÀ KHỔ ĐAU** (Tịnh Khả), trang 58
- **TÓI CỎI NÀY** (thơ Diệu Viên), trang 60
- **ĐỒ HOA** (Hoàng Phong), tr. 61
- **CHỖ NÀO CŨNG NẮNG** (Nguyễn Ngọc Tư), trang 62
- **TÌNH YÊU THIÊN NHIÊN** (thơ Thực Uyên), trang 63
- **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N.), trang 64
- **THE STORY OF AN OLD BRAHMIN** (Daw Tin), trang 66
- **TÁC PHẨM ĐỂ ĐỜI** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 67
- **HƯƠNG THIÊN** (thơ Nguyễn An Bình), trang 70
- **VƯỜN THIÊN** (thơ Lương Mạnh, nhạc Phan Bá Kiệt), trang 71
- **GIỚI THIỆU THƯ VIỆN PHẬT VIỆT** (Bạch Xuân Phê), trang 72
- **VUA ƯU ĐIỀN VỚI PHÁP LY DỤC** (Truyện cổ Phật giáo), trang 73
- **KANSHI 31** (thơ Ikkyu Sojan – Pháp Hoan dịch), trang 75
- **NGỖ THOÁT – chương 7** (truyện dài Vĩnh Hào), trang 81

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 115, tháng 06.2021, do Chùa Phật Tổ (Long Beach, CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

BƯỚC QUA LỊCH SỬ

Cơn đại dịch quét qua địa cầu gây điều đứng và làm xáo trộn cả đời sống của nhân loại. Nó tước đi những sinh mệnh, làm đảo lộn nếp sống của từng cá nhân, gia đình, xã hội, quốc gia và quốc tế. Nó không phân biệt, nặng trọng hay nhường nhịn ai; không kỳ thị trí thức hay bình dân, giàu hay nghèo, già hay trẻ, nam hay nữ, khỏe mạnh hay yếu đuối. Nó ly cách từng cá nhân, chia lìa những gia đình, khoanh vùng từng xã hội; và như lưỡi hái khổng lồ của tử thần, nó phạt ngang, san bằng tất cả những gì nằm trên lối đi thần tốc của nó.

Hơn ba triệu người nằm xuống (1) dưới lưỡi hái này kể từ khi dịch bắt đầu lây lan; và số nhân mạng tử vong vẫn còn tăng lên từng ngày ở quốc gia này, quốc gia kia, dù các khoa học gia đã bào chế và sản xuất được thuốc chủng ngừa từ cuối năm trước.

Hãy thử nhìn những con số của dịch cúm năm 1918: khoảng 500 triệu người bị lây nhiễm, và khoảng ít nhất là 50 triệu người tử vong trên toàn thế giới (2). Số người chết năm xưa so với ngày nay thật quá khủng khiếp. Nhưng ngày nay đọc lại từ sử liệu, chỉ thấy tử vong trên những con số. Hình ảnh chết chóc sẽ được gợi lên bằng phép toán so sánh thật nhanh: năm ấy và năm nay, con số và người chết. Mức độ xúc cảm sẽ không nhiều, nếu không muốn nói là vô cảm.

Thống kê về tử vong trong chiến tranh, thiên tai, ôn dịch... ở khắp nơi trên thế giới với cấp số nghìn, muôn, ức, triệu không thể nào chính xác, để rồi con số cuối cùng lưu vào sử chỉ là ước tính. Những con số trên trang sử, dù chuẩn xác hay chỉ ước tính, cũng đã lược bỏ đi danh tánh, tuổi tác, giới tính, chức nghiệp... của từng phận người. Và, sử đã không ghi được nỗi thống khổ cùng tận của những con người bằng xương bằng thịt, có ý thức, xúc cảm và tình thương, phải đau đớn quằn quại khi mất đi một phần cơ thể, hoặc mất đi người thân yêu trong gia đình. Sử không ghi được máu đổ nơi chiến trường hay hậu phương, không ghi được nước mắt lăn dài trên những gương mặt sầu đau khổ nạn. Sử cũng không mô tả được nỗi âu lo, niềm hy vọng, thất vọng và từng giây phút căng thẳng của những người ở tuyến đầu lửa đạn hay đại dịch: người lính ở trận tiền, y sĩ y tá

nơi phòng cấp cứu bệnh viện, trực tiếp chứng kiến, cảm nhận và chia sẻ nỗi đớn đau và cái chết với đồng đội, với bệnh nhân.

Có những cơn đau làm oằn cả thân, rồi mau chóng mang đi một đời người. Có những cơn đau vật vã kéo dài như hành hạ xác thân trong nhiều kiếp. Có những cuộc chia ly vội vàng không kịp nói lời từ giả, và những cuộc từ biệt đã biết từ nhiều ngày trước. Có những lời trăng trối đứt quãng theo hơi thở phập phều, và những lời nhắn nhủ ngắn gọn chỉ được gửi qua vị y sĩ. Có những cái chạm tay qua mặt kiếng, hay vẫy tay từ một khoảng cách xa thăm như từ hai thế giới cách biệt. Những lời ghen ngào. Những tiếng khóc lặng câm, đau buốt ở tận tim gan. Sự đau đớn và khiếp hãi của bệnh nhân khi đối diện với cái chết là không cùng tận; niềm đau mất mát của người thân ở lại cũng không cùng tận.

Cái khổ của sinh, già, bệnh, chết đã được nói nhiều trong kinh điển các tôn giáo, trong sử sách, văn chương, báo chí, lời truyền giảng... Nhưng nếu không trực tiếp ở ngay tuyến đầu của chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, người ta khó có thể khởi lên niềm trắc ẩn, xót xa hay phát lòng từ bi ảnh hưởng lên hành động cứu giúp, vỗ về. Khi khổ nạn chưa đến với bản thân, người ta hãy còn thờ ơ, không quan tâm gì lắm; cho đến khi dịch bệnh lan đến bạn bè, hàng xóm, người thân, mới để ý và tin rằng nó có thật. Và rồi khi khổ nạn ấy đến với chính tự thân, lời trăng trối cũng không kịp cất lên, niềm hối hận cũng muộn màng không thể chận thành biểu lộ. Tin tức từ các phương tiện truyền thông đại chúng đến lúc này mới được ghi nhận là có thật, mà căn bệnh nguy hiểm đang hành hạ xác thân, hăm he tước đi mạng sống của mình còn thật hơn.

Cho nên, sống trên cuộc đời khổ đau này, cần phải học và phát triển lòng thương. Thiếu lòng thương, người ta sẽ mất đi sự nhạy cảm, đồng cảm với khổ nạn của kẻ khác. Thiếu lòng thương, người ta chỉ biết có mình, niềm đau của mình, mà không hề biết rằng có những người khác cũng đau khổ, có khi còn trầm trọng hơn. Lòng thương là chất liệu có sẵn trong mỗi con người, là sức mạnh vô song có thể vực dậy được những gì đã ngã đổ của tự thân và gia đình; xa hơn, có thể làm với đi những khổ đau bệnh hoạn của xã hội, cứu vớt an ủi những số

phận hẩm hiu nghèo đói.

Hạt mầm thương yêu có sẵn, nhưng không tạo môi trường tốt đẹp và thích hợp thì mầm ấy cũng không thể nứt lên cây, cho ra hoa trái. Bởi vậy tình thương, hay lòng từ bi, cần phải trau luyện và nuôi lớn. Lòng từ bi nên được ứng dụng vào tất cả mọi sinh hoạt của con người, từ cá nhân đến gia đình và xã hội, từ giáo dục đến y tế, kinh tế. Động lực và chức năng của lòng từ bi là nâng dậy. Từ sự nâng dậy ấy, nhân gian sẽ an vui hơn, cuộc đời sẽ hạnh phúc hơn.

Hãy nghe lời nguyện tha thiết phát khởi từ lòng yêu thương con người và cuộc đời, được tụng đọc mỗi sáng trong chốn thiền môn: "Vào những lúc tật dịch tràn lan, con sẽ hóa hiện thành thuốc men (được thảo), cứu chữa cả những bệnh trầm kha; gặp khi nạn đói hoành hành, con sẽ hóa hiện thành lương thực để cứu người đói lạnh cơ khổ. Bất cứ điều lợi ích (thiết thực) nào, con nguyện sẽ không từ nan" (3).

Với lòng từ bi được trau luyện và nuôi dưỡng ấy, chúng ta đối diện và đối kháng với thảm họa dịch bệnh hôm nay bằng trái tim và bàn tay nhân ái. Bất cứ điều gì có thể góp phần vào việc phòng ngừa và chống lại dịch bệnh, chúng ta sẽ tận lực thực thi, vì điều này sẽ cứu mạng rất nhiều người, trong đó có cả bản thân và gia đình chúng ta. Chúng ta không quên tri ân những nhà khoa học suốt mấy chục năm qua đã vui mình vào các chương trình nghiên cứu về vi trùng để kịp bào chế thuốc chủng ngừa cho dịch bệnh ngày nay. Chúng ta biết trân quý, biết ơn và hết sức ca ngợi lòng hy sinh, ý thức trách nhiệm và lòng nhân ái của những y sĩ, y tá, y công ở tuyến đầu đại dịch.

Trăm năm sau, hình ảnh cao đẹp và bi tráng của các nhà khoa học và những người ở tuyến đầu dịch bệnh sẽ được nhắc qua loa trong sách sử; và người đời sau cũng sẽ nhìn thấy những con số lây nhiễm, tử vong, ở nước này nước kia với một thoáng bi thương, hoặc hoàn toàn vô tâm vô tình. Người viết sử chỉ khách quan ghi nhận các sự kiện đã xảy ra trong quá khứ cho nên sách sử là những trang giấy khô chết, chứa đựng dữ liệu, sự kiện. Người đọc sử có trách nhiệm nghiên cứu và rút tỉa những bài học từ lịch sử khô chết ấy để tránh tái diễn những thảm họa khó thể lường trước ở tương lai.

Đã khắc ghi bài học lịch sử ấy rồi thì tiếp đến, cần nhớ rằng bài học vỡ lòng của tiến bộ là hãy quên đi quá khứ. Bám víu vào những sai lầm lịch sử sẽ ngăn cản bước đi của người trí tuệ hiện tại, ảnh hưởng tiêu cực đến các thế hệ mai sau.

Nơi trạm xe buýt cuối ngày, chuyến xe cuối cùng chuẩn bị lần bánh. Những người đến trễ và những người muốn ngủ lại nơi

bằng ghế chờ đợi, sẽ bị bỏ lại. Cơ hội tái diễn cho một chuyến xe khác, có thể là ngày hôm sau. Nhưng hôm sau, nào ai đoán được chuyện gì sẽ xảy ra. Người ta cần phải bước qua, bỏ lại lịch sử phía sau, bằng không sẽ bị bỏ lại bên lề lịch sử.

1) Theo số liệu thống kê từ Worldometer, <https://www.worldometers.info/coronavirus/> tính đến ngày 23/5/2021, trên thế giới đã có 167,362,130 ca lây nhiễm, 148,377,916 trường hợp được hồi phục, và 3,475,053 trường hợp tử vong vì COVID-19.

2) Theo CDC (Centers for Disease Control and Prevention – Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh), đại dịch cúm năm 1918 là đại dịch nghiêm trọng nhất trong lịch sử gần đây. Nó được gây ra bởi một loại vi-rút H1N1 với gen có nguồn gốc từ gia cầm. Mặc dù không có sự đồng thuận về nguồn gốc của virus, nhưng nó đã lây lan trên toàn thế giới trong giai đoạn 1918-1919. Tại Hoa Kỳ, nó lần đầu tiên được xác định ở các quân nhân vào mùa xuân năm 1918. Người ta ước tính rằng khoảng 500 triệu người hoặc một phần ba dân số thế giới đã bị nhiễm vi-rút này. Số người chết ước tính lên tới ít nhất 50 triệu người trên toàn thế giới với khoảng 675.000 người xảy ra ở Hoa Kỳ. (Nguồn: <https://www.cdc.gov/flu/pandemic-resources/1918-pandemic-h1n1.html>)

Theo Wikipedia, đại dịch năm 1918 được ghi vào sử với tên gọi là Spanish Flu (cúm Tây Ban Nha). Nhưng kể từ năm 2015, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO – World Health Organization) đã yêu cầu các nhà khoa học nên tránh dùng địa danh hay tên gọi cá biệt của một chủng loại nào đó để đặt cho một loại virus hay đại dịch nhằm tránh sự kỳ thị chủng tộc cũng như tác hại về kinh tế đối với địa phương ấy.

3) "*Tật dịch thế nhi hiện vi dược thảo, cứu liệu trầm kha; cơ căn thời nhi hóa tác đạo lương, tế chư bản nổi. Đản hữu lợi ích, vô bất hưng sung.*" Đoạn này trích từ bài "Phát Nguyện Văn" (mà thiền môn Việt Nam gọi nôm na là *Sám Qui Mạng*) của Thiền sư Di Sơn, đời Đường bên Trung Hoa. Để tỏ lòng tôn kính, môn đồ lấy tên ngọn núi (Di Sơn) để gọi thay vì gọi thẳng tên là Thiền sư Kiều Nhiên. Bài Phát Nguyện Văn này được đưa vào nghi thức tụng niệm để tụng đọc vào mỗi thời công phu sáng tại các chùa miền Trung và Nam Việt Nam.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HOA KỲ: Phật tử Mỹ gốc Á tổ chức lễ tưởng niệm Phật giáo toàn quốc

Los Angeles, CA - Các nhà lãnh đạo Phật giáo người Mỹ gốc Á - bao gồm Duncan Ryuken Williams, Funie Hsu và Chenxing Han - đã tổ chức lễ tưởng niệm Phật giáo quốc gia đầu tiên để phản ứng bạo lực chống lại người châu Á.

Theo trang web của họ, sự kiện có tựa đề "Chúng ta Có thể Hẹn mặt: Lễ tưởng niệm Phật giáo Quốc gia dành cho Tổ tiên người Mỹ gốc Á" này mời gọi các Phật tử người Mỹ gốc Á và các đồng minh đến với nhau để "thương tiếc, hàn gắn và đổi mới".

Dựa trên nghi thức để tang 49 ngày sau khi chết của Phật giáo, "Chúng ta Có thể Hẹn mặt" diễn ra vào ngày 4-5-2021, 49 ngày sau vụ xả súng ở Atlanta - nơi một tay súng đã sát hại 8 người, trong số đó có 6 người gốc Á.

Xuyên suốt sự kiện kéo dài 90 phút này, 49 nhà lãnh đạo Phật giáo người Mỹ gốc Á sẽ chủ trì các bài tụng và suy niệm để vinh danh những sinh mạng đã mất vì các hành động bạo lực chống lại người gốc Á tại Hoa Kỳ.

Buổi lễ được truyền trực tiếp từ Chùa Higashi Honganji ở Los Angeles vào thứ Ba, ngày 4-5 lúc 4 giờ chiều PT (7 giờ tối ET).

(Big News Network - May 3, 2021)

Poster lễ tưởng niệm Phật giáo toàn quốc "Chúng ta Có thể Hẹn mặt: Lễ tưởng niệm Phật giáo Quốc gia dành cho Tổ tiên người Mỹ gốc Á"
Minh họa: Rob Sato →

CỘNG HÒA KALMYKIA (Liên bang Nga): Hội thảo quốc tế tại Kalmykia hợp nhất các học giả Phật giáo hàng đầu

Hội thảo khoa học quốc tế đầu tiên mang tên "Giáo dục Phật giáo: Vấn đề và Quan điểm của Phát triển," đã được tổ chức tại Cộng hòa Kalmykia từ ngày 28 đến 30-4-2021, với sự tham dự của các chuyên gia hàng đầu của Nga và nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục Phật giáo.

Được tổ chức trực tiếp tại Trung tâm Khoa học Kalmyk của Viện Hàn lâm Khoa học Nga và trực tuyến thông qua diễn đàn Zoom, hội nghị đã đánh dấu kỷ niệm 15 năm thành lập tu viện trung tâm của Kalmykia, và kỷ niệm 25 năm thành lập tu viện Geden Sheddup Choikhorling - tu viện Phật giáo đầu tiên được thành lập sau khi tất cả các ngôi chùa và tu viện Phật giáo bị phá hủy trong thời kỳ tập thể hóa của Liên Xô và cuộc Đại thanh trừng của những năm 1930.

Diễn đàn được tổ chức bởi Tổ chức Giải cứu Tây Tạng (Moscow), Hiệp hội Phật giáo Kalmyk, tu viện trung tâm của Kalmykia, Trung tâm Khoa học Kalmyk và Đại học Nhà nước Kalmyk - B.B. Gorodovikov.

(Buddhistdoor Global - May 3, 2021)



Hội thảo khoa học quốc tế đầu tiên mang tên "Giáo dục Phật giáo: Vấn đề và Quan điểm của Phát triển" tổ chức tại Cộng hòa Kalmykia
Photo: facebook.com

NHẬT BẢN: Ngôi chùa ở Kyoto thành lập ủy ban để mở chi nhánh trong không gian

Với sự hợp tác của một công ty phát triển vệ tinh, chùa Daigo-ji ở Kyoto đã thành lập một ủy ban để mở một chi nhánh trong không gian bằng cách lắp đặt các vật thể Phật giáo trên một vệ tinh dự kiến được phóng lên vào năm 2023.

Chùa Daigo-ji cho biết ý tưởng này được đưa ra sau khi các thành viên của chùa bày tỏ nhu cầu cầu nguyện cho nền hòa bình và sự an toàn vượt qua ranh giới khu vực và quốc gia.

Chùa đã đặt tên cho ngôi chùa trong không gian là "Jotenin Gouun-ji"- kết hợp các thuật ngữ Phật giáo "go" và "un" có nghĩa là dòng chảy của một thời kỳ vĩ đại và các yếu tố hình thành sự tồn tại của con người.

Vệ tinh sẽ mang các vật tượng trưng cho Phật giáo - chẳng hạn như tranh, tượng Đức Phật - để phục vụ như một trung tâm tâm linh cho những người cầu nguyện trên

Trái đất.

Chùa Daigo-ji cho biết đã tiến hành một nghi lễ Phật giáo để cầu nguyện cho hòa bình và an toàn trong vũ trụ lần đầu tiên vào tháng 2, và có kế hoạch tổ chức các dịch vụ như vậy theo định kỳ. "Sau khi phóng, chúng tôi muốn truyền bá thể giới cầu nguyện qua vệ tinh, chẳng hạn như bằng cách tổ chức các buổi lễ Phật giáo trong khi xem các hình ảnh được gửi từ không gian", một vị chức sắc của chùa cho biết.

(Big News Network - May 3, 2021)



Chùa Daigo-ji
Photo: The Kyoto Shimbun

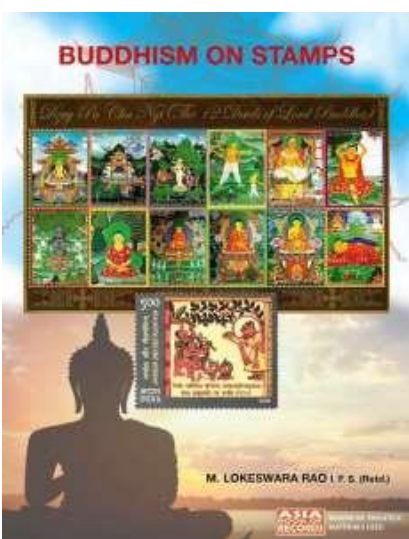
ẤN ĐỘ: Sách mới cung cấp cái nhìn bưu chính học về câu chuyện của Đức Phật

Được xuất bản gần đây, cuốn sách của tác giả M. Lokeswara Rao tìm cách cung cấp cách kể lại độc đáo về Phật giáo và câu chuyện về Đức Phật thông qua tem bưu chính và các tài liệu bưu chính học (philatelic) khác. Với tựa đề "Phật giáo trên tem", tập sách này được cho là giữ kỷ lục về các tài liệu bưu chính học nhiều nhất được sử dụng để thuật lại câu chuyện của Đức Phật Thích Ca.

Xem xét cách các tài liệu bưu chính học khắc nhau tường thuật câu chuyện của Đức Phật Thích Ca, cuốn sách này bao gồm tem bưu chính tiêu chuẩn, tem khối, tem 3D, tem lụa, tem kết hợp, bì tem ra ngày đầu tiên, tờ thu nhỏ, tờ lưu niệm, thẻ châm ngôn, bưu thiếp, bì, tập sách nhỏ, bản lỗi, bản kiểm chứng - và hơn thế nữa, từ khắp nơi trên thế giới.

"Phật giáo trên tem" bao gồm 22 chương, trong số đó có những câu chuyện về các tiền thân của Đức Phật, cuộc đời của Đức Phật, các biểu tượng và vật dụng Phật giáo, tu viện và thánh địa Phật giáo, lễ hội Phật giáo v.v.

(Buddhistdoor Global - May 5, 2021)



"Phật giáo trên tem" của tác giả M. Lokeswara Rao



HÀN QUỐC: Ấn Độ và Hàn Quốc củng cố mối quan hệ với món quà tượng Phật

Hội đồng Quan hệ Văn hóa Ấn Độ - một tổ chức tự trị trực thuộc chính phủ Ấn Độ - đã trao tặng một pho tượng Phật bằng đồng cho đại diện của Chùa Tongdo ở thành phố Yangsan, Hàn Quốc. Món quà này nhằm tăng cường sự kết nối giữa cộng đồng Phật giáo hai nước.

Lễ bàn giao diễn ra tại Trung tâm Văn hóa Swami Vivekananda tại Đại sứ quán Ấn Độ ở Seoul vào ngày 30-4-2021, với sự hiện diện của Đại sứ Ấn Độ Sripriya Ranganathan, và Yeo Han-gu, thư ký của Tổng thống Hàn Quốc Moon Jae-in, cùng với các nhà sư từ Chùa Tongdo ở tỉnh Gyeongsang Nam, và các vị khách khác.

Sau lễ trao tặng, pho tượng đã được chuyển vào chùa. Các vị chức sắc tại chùa đã lên kế hoạch cho một buổi lễ vào ngày 16-5 để chính thức tôn trí pho tượng nói trên. Vào ngày 19-5, là Ngày Phật Đản ở Hàn Quốc, pho tượng sẽ được công bố trước công chúng.

Công chúng cũng sẽ có thể xem trực tuyến pho tượng Phật này và các tác phẩm nghệ thuật và hiện vật khác - vốn ghi lại lịch sử của mối quan hệ Phật giáo Ấn Độ và Hàn Quốc - trong một cuộc triển lãm có tiêu đề "Bồ đề tâm: Truyền thống nghệ thuật Phật giáo đan xen từ Ấn Độ trên khắp châu Á".

Triển lãm do Bảo tàng Quốc gia Ấn Độ quản lý và sẽ được khởi động cùng lúc với lễ lắp đặt bức tượng tại Chùa Tong-do vào ngày 16-5.

Buddhistdoor Global - May 7, 2021)



Pho tượng Phật của Ấn Độ tặng Hàn Quốc tại lễ bàn giao



*Đại sứ Ấn Độ tại Hàn Quốc
Photos: koreatimes.co.kr*

ẤN ĐỘ: Phật tử mừng sinh nhật lần thứ 32 của Ban thiền Lạt ma, người vẫn bị bắt làm con tin bởi Bắc Kinh

Phật tử ở Ladakh và tu viện Tashi Lhunpo ở Bylakuppe (Karnataka) đã cùng với người Tây Tạng trên khắp thế giới kỷ niệm sinh nhật lần thứ 32 của Ban thiền Lạt ma. Các lễ kỷ niệm này được tổ chức vào ngày 25-4, đi kèm với những lời kêu gọi mới về việc Trung Quốc trả tự do cho ngài.

Đây là lần đầu tiên sinh nhật của Ban thiền Lạt ma được tổ chức ở Ladakh. Đối với những người theo đạo Phật, đây là một dấu hiệu của sự quan tâm mới đến số phận của ngài và của chính nghĩa Tây Tạng.

Chính quyền Trung Quốc đã bắt cóc Gedhun Choekyi Nyima và gia đình ngài vào

ngày 17-5-1995, ba ngày sau khi ngài được Đức Đạt lai Lạt ma hiện tại, Tenzin Gyatso, công nhận là Ban thiền Lạt ma. Kể từ đó, ngài đã bị giam giữ ở một địa điểm không được tiết lộ.

Được xem là Lạt ma cấp cao thứ hai trong Phật giáo Tây Tạng theo truyền thống, Ban thiền Lạt ma đóng một vai trò quan trọng trong tôn giáo này vì, ngoài những việc khác, ngài được giao nhiệm vụ công nhận sự tái sinh của Đạt lai Lạt ma sau khi vị đương nhiệm viên tịch.

(NewsNow - May 8, 2021)



Ban thiền Lạt ma, người vẫn bị bắt làm con tin bởi Bắc Kinh—Photo: AsiaNews

THÁI LAN: Chùa Dhammakaya lập kỷ lục thế giới vào ngày Trái đất

Các nhà sư tại chùa Dhammakaya ở ngoại ô Bangkok đã thắp sáng 330,000 ngọn nến trong Ngày Trái đất (22-4-2021) nhằm phá vỡ Kỷ lục Guinness Thế giới (GWR) về hình ảnh thắp sáng lớn nhất.

Các ngọn nến được sắp xếp xung quanh điện thờ trung tâm của ngôi chùa theo hình ảnh bản đồ thế giới và một hình tượng lớn đang ngồi thiền, cùng với khẩu hiệu của sự kiện: "Thanh tẩy tâm trí, thanh tẩy thế giới". Hơn 400,000 người đã xem qua Zoom khi các nhà sư thắp nến, tụng kinh và dẫn đầu một nhóm thiền định từ tâm.

Với tổng số chính thức là 256,477 ngọn nến thắp sáng, màn trình diễn ấn

tượng của chùa Dhammakaya đã phá kỷ lục thế giới - đánh bại kỷ lục trước đó là 56,680.

Mặc dù ngôi chùa này đã thành công trong mục tiêu của mình, nhưng việc họ chọn đốt quá nhiều nến vào Ngày Trái đất - một sự kiện toàn cầu ủng hộ bảo vệ môi trường - đã làm dấy lên một số lo ngại về tác hại của việc đốt sáp parafin. Chuyên gia sức khỏe môi trường Thái Lan Suwimon Kanchanasuta nói rằng mặc dù hiện vẫn chưa rõ loại nến nào đã được sử dụng, nhưng một số sản phẩm nhất định có thể góp phần gây ô nhiễm không khí.

(Big News Network May 10, 2021)



Chùa Dhammakaya đã thắp sáng 330,000 ngọn nến trong Ngày Trái đất (22-4-2021) - lập Kỷ lục Guinness Thế giới (GWR) về hình ảnh thắp sáng lớn nhất —Photo: Reuters

MIỀN ĐIỆN: Các Nhóm Phật tử Tham gia Xã hội cứu trợ y tế cho những người biểu tình ủng hộ dân chủ

Trong bối cảnh quân đội đàn áp ngày càng bạo lực, một liên minh các tổ chức Phật giáo chuyên tham gia xã hội và cứu trợ nhân đạo đã bắt đầu cung cấp viện trợ y tế cần thiết khẩn cấp cho những người biểu tình ủng hộ dân chủ ở Miền Điện. Nhằm phản đối việc quân đội đảo chính giành chính quyền của chính phủ dân cử diễn ra vào tháng 2- 2021, những người biểu tình dân sự đã dẫn đầu một phong trào bất tuân dân sự (CDM) đang diễn ra trên toàn quốc.

Sáng kiến nhân đạo nói trên đang được lãnh đạo bởi Mạng lưới Phật tử Dẫn thân

Quốc tế (INEB) với sự hỗ trợ tài chính từ tổ chức phi chính phủ quốc tế Những người bạn tốt. Các nỗ lực cứu trợ đang được điều phối tại Miến Điện bởi Phong trào Tinh thần trong Giáo dục (SEM) có trụ sở tại Bangkok, Thái Lan.

Tổ chức phi chính phủ quốc tế Những người bạn tốt cho đến nay đã cung cấp 44,500 đô la Mỹ tài trợ cho sáng kiến cứu trợ y tế của INEB ở Miến Điện, được sử dụng để hỗ trợ y tế tại điểm nóng cho thường dân bị thương bởi các cuộc tấn công do quân đội dẫn đầu - đặc biệt là những người ở các cộng đồng nghèo và dễ bị tổn thương mà không được tiếp cận điều trị y tế.

INEB và SEM cũng đã cung cấp thức ăn và nước uống cho những người tị nạn tản cư đến khu vực biên giới giữa Myanmar và Thái Lan.

(Buddhistdoor Global - May 12, 2021)



Các tổ chức Phật giáo INEB và SEM cung cấp thức ăn và nước uống cho những người tị nạn tản cư đến khu vực biên giới giữa Myanmar và Thái Lan



Photos: INEB

MÔNG CỔ: Ngày lễ Phật đản - ngày công lễ năm nay rơi vào ngày 26 tháng 5

Vào ngày 5-6-2020, lần đầu tiên Mông Cổ kỷ niệm Ngày Phật đản (Buddha Purnima) như một ngày lễ chính thức.

Vào năm 2021, Ngày Phật đản sẽ được cử hành vào thứ Tư ngày 26- 5. Ngày này, rơi vào ngày 15 của tháng đầu mùa hè hàng năm, theo Phật lịch, được dành để đánh dấu ba sự kiện trọng đại trong cuộc đời của Đức Phật - sự đản sinh, giác ngộ và nhập diệt của Ngài từ thế giới loài người.

Quốc hội Mông Cổ đã sửa đổi Luật Ngày Công lễ vào tháng 12-2019, biến Ngày lễ Phật đản trở thành ngày lễ chung trên toàn quốc, và một số thành viên quốc hội chỉ ra rằng Ngày lễ Phật nên được tổ chức như một ngày để khuyến khích lòng tử bi, sự đồng cảm và lòng nhân ái cũng như thúc đẩy tình yêu đối với mẹ thiên nhiên, cha mẹ và gia đình.

Vào ngày này năm ngoái, các buổi tụng kinh và cầu nguyện, các nghi lễ và buổi lễ Phật giáo, các sự kiện trao giải, triển lãm và cuộc thi được tổ chức tại hầu hết các tự viện và cơ sở Phật giáo.

(MONTSAME - May 12, 2021)

Phật tử Mông Cổ chiêm bái tượng Phật
Photo: MONTSAME



TRUNG QUỐC: Những bức tượng La Hán 1,000 năm tuổi được trùng tu ở tỉnh Sơn Đông

Lần đầu tiên sau 39 năm, 12 pho tượng La Hán tại chùa Lingyan - ở thủ phủ Tế Nam của tỉnh Sơn Đông - có niên đại gần 1,000 năm đã được phục chế.

Các pho tượng đất sét màu nói trên được tạo tác cách đây hơn 1,600 năm trong triều đại Đông Tấn (317-420).

Tại chùa Lingyan có 40 pho tượng La Hán được bảo quản tốt, nổi tiếng trong và ngoài nước, hầu hết được tạo tác vào thời nhà Tống (960-1279). Với nhiều màu sắc, hình dạng khác nhau và với các biểu cảm đa dạng, những pho tượng Phật giáo này đã được tu bổ nhiều lần trong lịch sử, lần tu sửa cuối cùng vào năm 1982.

Su Bomin, Phó Giám đốc Học viện Nghiên cứu Đôn Hoàng cho biết: "Kết quả bảo tồn và phục chế lần này vượt ngoài mong đợi. Các công nhân đã sử dụng các kỹ thuật an toàn để phục chế, bao gồm sửa chữa một số vết sơn bị nứt và làm sạch bụi trên các bức tượng," ông Su nói.

Ông cho biết, phần lớn hư hại là do sự thay đổi nhiệt độ và độ ẩm trong thời gian dài. (NewsNow - May 13, 2021)



12 pho tượng La Hán tại chùa Lingyan - ở Tế Nam, Sơn Đông - có niên đại gần 1,000 năm đã được phục chế lần đầu tiên sau 39 năm, Photo: Google



TÒ ĐÌNH TỪ ĐÀM HẢI NGOẠI - TÒ ĐÌNH TỪ ĐÀM HẢI NGOẠI TEMPLE

Irving, Texas, U.S.A.
615 N. Gilbert Road, Irving, TX 75061
Tel: (972) 986-1019, (214) 636-6689

Photo by VÕ VĂN TƯỜNG

PHẬT ĐẢN TÂN SỬU 2565 – 2021

Phật Đản năm nay (2021) lại đến rồi,
Đồng hương Phật tử chẳng mấy vui!
Một năm Cô-Vit (Covid-19) ai như nấy,
Than thở thở than, đứng lại ngồi...

Than thở thở than, đứng lại ngồi,
Ngồi buồn suy nghĩ của riêng tôi,
Tuổi già sức yếu, thân bì quyện, ...
Bái sám, tụng kinh muốn hụt hơi...

Sanh, già, bệnh chết là tứ khổ,
Phật dạy ngàn xưa rõ mười mười,
Phật Đản năm nào đều thiết lễ,
Năm nào Phật Đản cũng nhớ Ngài...

Thế nhưng nhớ thì cứ nhớ thôi,
Còn chuyện tu theo ý nguyện Ngài,
Chỉ nguyện nhất tâm mới xứng ý,
Ngôn hành hợp nhất phải đi đôi...

Đó là báo đáp ơn Phật Tổ,
Đó là đánh lễ Phật đản sanh,
Đó là kỷ niệm rất tốt thượng,
Đó là báo đáp đáng Cha lành...

Phật Đản năm nay còn Cô-vit (Covid-19),
Nhất tâm cầu nguyện ở tự thân,
Nhất tâm Kết hạ An cư tốt,
Con Phật nhất tề nhớ đền ơn.

Dâng lời tưởng niệm ngày Phật Đản,
Đánh lễ chư Tôn đức thập phương,
Pháp giới chúng sanh đều hoan duyệt, ...
Tiêu trừ nghiệp chướng, hương Tây phương.

Trọng hạ Tân sửu, May 10th, 2021

thơ ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

TRỞ VỀ MỤC LỤC

BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biện Minh Trung Đạo
và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

4)- Ngũ Căn Lực:

Bài Tụng:

**“Đã thứ thuận giải thoát; khôi phục
tu năm tăng thượng, gọi là: Dục, Hành,
Không Quên, Không Tán Loạn, Tư Trạch
(Tư duy chọn lựa). Tức là tôn chương tên
lực, nhân quả lập thứ đệ. Hai thuận
quyết trạch, hai, tại Ngũ Căn,
Ngũ Lực.”**

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích Ngũ Căn và Ngũ Lực. Câu Tụng thứ nhất là trước hết vận giải thích kết thúc, chính là chỗ tu Tứ Thần Túc, v.v..., tu theo chỗ này đều là tùy thuận nơi pháp thiện của giải thoát phần. Nhờ đã tu tập các pháp thiện đây, cho nên được gọi là đã thứ thuận giải thoát (đã theo thứ lớp của thuận giải thoát). Tiếp theo sau chính là tu tập nhằm khôi phục năm thứ tăng thượng. Năm thứ tăng thượng gồm có Ngũ Căn: Tín, Tấn, Niệm, Định và Huệ. Nhờ năm thứ này có thể khiến cho Ngũ Lực gia hạnh càng thêm tăng thượng. Ngũ Lực tăng thượng gồm có năm thứ: Dục, Thắng Giải, Niệm, Định và Huệ. Như tu Tín thì phát khởi nguyện Dục, Tín tức là tăng thượng của Dục. Cũng như đối với Di Đà Tịnh Độ sở dĩ không phát sanh tín ngưỡng là do bởi quan niệm cho rằng, cảnh giới Di Đà Tịnh Độ là ảo tưởng không thể tin được, cho nên không thể phát nguyện vãng sanh. Còn như đối với ba Thừa của Phật Pháp nếu không phát sanh tín tâm thì cũng không có thể nguyện chứng Bồ Đề. Cho nên nguyện Dục một khi phát sanh thì Định tất nhiên cần phải

có Tín để làm tăng thượng, nguyên vì Tín có thể khiến sanh ra Dục. Thứ hai là Tinh Tấn, Tinh Tấn chính là yếu tố của người tu hành, nguyên vì người tu hành tất nhiên cần phải tinh tấn và nhờ có tinh tấn sự tu hành mới có thể nuôi lớn pháp thiện, cho nên tinh tấn là tăng thượng của tu hành. Thứ ba là Niệm, Niệm chính là ghi rõ không quên, không luận đối với năm pháp, chánh hạnh, chánh quả, thấy đều không quên mất, là không quên cảnh tăng thượng. Thứ tư là Định, Định nghĩa là tâm chuyên nhất vào tánh cảnh không có tán loạn, đây có thể làm tăng thượng không tán loạn. Thứ năm là Huệ, Huệ nghĩa là đối với tất cả pháp đều có thể tư duy chọn lựa, đây là tăng thượng của tư trạch (tư duy và chọn lựa). Năm thứ Tín, v.v... đối với năm thứ Dục, v.v... có công dụng tăng thượng cho nên gọi là Căn. Nghĩa là năm Căn đây hoàn toàn đã được thành tựu thì có khả năng



HT Thắng Hoan

thẳng có thể chế phục được chướng và lần lôm giảm lực lượng của chướng, cho nên gọi là Tổ Lực. Ở nơi năm Căn (Ngũ Căn) theo thứ lớp gọi là năm Lực (Ngũ Lực), tức là chỉ cho nhân quả thứ tự: như nhờ Tín Dục cho nên phát khởi gia hạnh Tinh Tấn, nhờ Tinh Tấn cho nên nơi Phật Pháp không quên, nhờ ghi nhớ cho nên không bị tán loạn, nhờ không bị tán loạn cho nên phát huệ để tư trạch. Thứ tự của nhân quả là như thế. Lại lần nữa trình bày phương diện của Căn Lực, năm Căn chính là nhân và năm Lực chính là quả, ở địa vị chưa tự tại thì gọi là nhân, còn ở địa vị đã tự tại thì gọi là Lực.

Như trước đã nói, Chỗ tu Tứ Niệm Xứ là



chỉ chú trọng nơi Tu Huệ, Tứ Chánh Đoạn là chỉ chú trọng nơi Trì Giới, Tứ Thần Túc là chỉ chú trọng nơi Tu Định, Ngũ Căn đã thành tựu thì có công dụng chính là Lực của tầng thượng nhằm để chế phục phiền não. Người tu Huệ nếu đem Ngũ Lực tổng hợp cùng với Giới và Định thì sự tu tập dễ thành tựu viên mãn. Bốn lãnh vực này không luận vị trí phân định của Đại Thừa và Tiểu Thừa, cả hai đều có phần vị của thuận giải thoát và phần vị của thuận quyết trạch (chọn lựa), hoặc gọi là Tư Lương Vị và Gia Hạnh Vị. Như Ngũ Đình Tâm (Bất Tịnh, Tử Bi, Nhân Duyên, Giới Phân Biệt, Sở Túc), Tổng Tướng Niệm (niệm tướng tổng hợp), Biệt Tướng Niệm (niệm riêng từng tướng) của Tiểu Thừa chính là Tư Lương Vị thuộc phần vị Thuận Giải Thoát; Noãn, Đánh, Nhẫn, Thế Đề Nhất là Gia Hạnh Vị thuộc phần vị Thuận Quyết Trạch của Đại Thừa. Nay trong vị trí Ngũ Đình Tâm đây, Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Đoạn, Tứ Như Ý Túc là ở nơi phần vị Thuận Giải Thoát. Còn Ngũ Căn, Ngũ Lực thì thuộc phần vị Thuận Quyết Trạch. Riêng Noãn, Đánh, Nhẫn, Thế Đề Nhất của phần vị Thuận Quyết Trạch được nhận thức như là: Noãn và Đánh là thuộc về hai phần đầu của Ngũ Căn; Nhẫn và Thế Đề Nhất là thuộc về hai phần sau của Ngũ Lực. Nghĩa là nơi phần vị Noãn và Đánh là thuộc về tu Căn; nơi phần vị Nhẫn và Thế Đề Nhất là thuộc về tu Lực. Cho đến giáo thuyết của Đại Thừa thì nói rằng, tu đến Niệm Trụ là có thể phát tâm Bồ Đề Đại Thừa, tức là vào được ngôi vị Sơ Trụ của Thập Tín. Tu Tứ Chánh Căn, Tứ Như Ý Túc tức là vào được ngôi vị của Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Còn Tu Ngũ Căn, Ngũ Lực thì cũng còn ở trong ngôi vị Tứ Gia Hạnh. Chẳng qua so sánh nơi Đại Thừa thì rộng lớn hơn, như chỗ tu Lục Độ và Tứ Nhiếp Pháp, v.v... thật ra trong đây thì cũng có thể bao quát Tứ Gia Hạnh. Bồ Tát đã đến Gia Hạnh Vị thì thường ở trong Định Vị, chỗ tu Gia Hạnh của họ cũng tương tục không gián đoạn, cho nên trong đó chỗ nói đích thực đều là phương pháp để tu hành của

hạnh xuất thế chân chánh. Hạnh đây chỗ nói đơn giản là Tam Học: Giới, Định, Huệ, nói rộng ra chính là Lục Ba La Mật, lại rộng hơn chính là Ba Mươi Bảy Pháp Bồ Đề Phần. Pháp Bồ Đề Phần đây lại phân ra gồm có: Tư Lương, Gia hạnh, Kiến Đạo, Tu Đạo, Vô Học Đạo, năm ngôi vị này trước đã trình bày, đều là ngôi vị thuộc Kiến Đạo cả.

5)- Thất Giác Chi:

Bài Tụng:

"Giác Chi lược có năm: chỗ gọi là Sở Y, Tự Tánh, Xuất Ly, gồm Lợi Ích, và ba Vô Nhiễm Chi. Do Nhân Duyên, Sở Y, Tự Tánh nghĩa sai biệt cho nên Khinh An, Định, Xả gọi là Vô Nhiễm Chi."

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích Thất Giác Chi. Thất Giác Chi là bảy chỉ giác ngộ. Thất Giác Chi gồm có: 1- Niệm, 2- Trạch Pháp, 3- Tinh Tấn, 4- Hỷ, 5- Khinh An, 6- Định, 7- Xả. Nay ở trong Luận này trước hết là đem bảy Giác Chi hợp lại thành năm Giác Chi để trình bày, nhân vì ba Giác Chi sau kỳ thật lại giống nhau cho nên ghép lại làm một Chi thứ năm gọi là Vô Nhiễm Chi. Xưa nay Ba Mươi Bảy Bồ Đề Phần đều là Giác Chi cả. Thất Giác Chi đây đúng ra chính là trình bày Kiến Đạo Chân Lý làm tự thể cho nên biệt danh là Giác Chi và khi trở thành Giác Bất Giác là do quan hệ thứ nhất của Thánh Giả và Phàm Phu. Nghĩa là Thất Giác Chi đã viên mãn thì đặng Thánh Quả; Thất Giác Chi chưa viên mãn chính là Phàm Phu. Thất Giác Chi này lẽ tất nhiên là chỗ tu của Tam Thừa.

1, Sở Y Giác Chi, trong Tụng nói Sở Y chính là chỉ cho Niệm Giác Chi. Niệm Giác Chi nghĩa là nương nơi nghe chánh Pháp ghi nhớ được thuần thực, chánh niệm thời khắc nào cũng hiện tiền rõ ràng, cho nên gọi là Niệm. Niệm đây là một trong năm Biệt Cảnh Tâm Sở, nghĩa là nơi cảnh đã từng tu tập liền ghi nhớ rõ ràng không hề quên làm tánh. Niệm đây tức là Chánh Huệ và Nghiệp dụng là chỗ nương tựa của Niệm. Hơn nữa Niệm là sở y của Huệ, cho nên nương nơi Niệm thì Huệ liền được an trụ ngay.

2, Tự Tánh Giác Chi chính là Trạch Pháp Giác Chi. Trạch Pháp nghĩa là đối với sự lý của tất cả pháp tiến hành chọn lựa một cách tinh tường. Những thứ là có là không, là chân là vọng, là nhiễm là tịnh, là thiện là ác đều do công dụng của Huệ giải pháp mự cách tinh tường. Cho nên Trạch Pháp là tự tánh của Huệ, như hiện thấy Khổ là tánh bức bách, hiện thấy Tập là nghĩa nhân duyên, hiện thấy Diệt là tánh vắng lặng, hiện thấy Đạo là nghĩa Chánh Hạnh, v.v..., tất cả đều công dụng của Trí Huệ soi sáng.

3, Giác Xuất Ly Chi chính là Tinh Tấn Giác Chi, nghĩa là ở nơi trí huệ sau khi chọn

lựa, muốn lìa khỏi từ trong pháp nhiệm gần che chỉ có tinh tận là trên hết.

4, Giác Lợi Ích Chi chính là Hỷ Giác Chi. Hỷ ở nơi Đại Thừa là thuộc về Hoan Hỷ Địa ban đầu và Địa đây có khả năng đoạn hoặc chứng chân, có khả năng chứng đẳng chân lý Hưởng Vị Chứng Đắc (Hưởng nơi chỗ chứa chứng đắc). Như cầu chứng Phật Pháp, như muốn hiểu rõ tánh chân như của Sanh Không và Pháp Không, người tu tập cần phải lắng nghe chánh pháp, rồi sau đó nương nơi chỗ nghe phát tâm tu tập chỉ quán và sau đó giác ngộ được chân như, cho nên gọi là Đại Hoan Hỷ. Nhân của Sơ Địa gọi là Hoan Hỷ Địa. Còn Giác Lợi Ích Chi đây chính là trình bày thông cả ba Thừa (Thịnh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát). Riêng hai Thừa (Thịnh Văn và Duyên Giác) thì chứng đẳng Sanh Không Chân Như và cũng gọi là Tổ Lợi Ích Chi, nguyên vì hai Thừa này đã lìa khỏi tất cả chướng và đã được phát sanh Đại Hoan Hỷ.

5, Và Ba Vô Nhiễm Chi, nghĩa là ba thứ Khinh An, Định và Xả từ trong pháp nhiệm ra khỏi mà thành thanh tịnh; tự tánh của ba thứ này cũng là Huệ, cho nên gọi là Giác Chi. Tụng nói rằng, do nhân duyên đây chính là giải thích Khinh An Vô Nhiễm Chi, nghĩa là phạm được Khinh An thì hoàn toàn tương phản với pháp hữu lậu thô trọng, cho nên Khinh An chính là nhân duyên của pháp lìa tạp nhiễm. Sở Y tức là chỉ cho Định Vô Nhiễm Chi. Chữ Định, tiếng Phạn gọi là Tam Ma Địa, dịch là Đăng Trì, nghĩa là giữ gìn bình đẳng các pháp thanh tịnh, không cho chìm mất. Nghĩa Tự Tánh tức là giải thích Xả Vô Nhiễm Chi, nghĩa là nhờ nương nơi Định trên, tâm cảnh không bị chấp trước trói buộc, bình đẳng tự tại mặc tình vận hành không gặp trở ngại, hiện tượng đây chính là xả, cho nên được xác nhận Định chính là chỗ Sở Y (chỗ nương tựa) và tự tánh của vô nhiễm chính là Xả. Chẳng qua Xả đây là thuộc về Hành Xả và khác biệt với Xả trong Xả Thọ. Hành Xả là Xả của mười một Tâm Sở Thiện; còn Thọ Xả tức là Xả Thọ của năm Thọ: Khổ, Lạc, v.v..., nhưng Xả Chi đây chính là chỉ cho Hành Xả. Như Kinh Kim Cang nói rằng: “Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm.” Vô Sở Trụ xuất sắc sanh khởi thiện tâm tức là sanh khởi Hành Xả. Vô Sở Trụ xuất sắc cũng là Xả cùng với Không Huệ bình đẳng tương ứng, giống như thật hành hạnh bố thí đã ở trong trạng thái không tỏ thái độ năng thí, không tỏ thái độ sở thí và cũng không tỏ thái độ vật thí để được thành tựu Đại Thí Vô Tướng của Tam Luận Thể Không, công dụng đây chính là công dụng của Xả. Lại nữa như Tổ Sư của Cổ Lai Thiền Tông nói rằng: “Dụng Tâm cần không lạc vào khuôn sáo cũ.” Nhân vị dụng tâm bình thường đại đa số đều có chỗ thiên trọng, đã thiên trọng tức là lạc vào khuôn



sáo cũ, lẽ tất nhiên là có chấp trước, nếu như đã có chấp trước trong tâm thì nhất định có bốn bên: nhân, ngã, bỉ, thử, muốn trừ khử thứ tai vạ lỗi lầm này phải nhờ đến Xả ra tay. Như Thất Giác Chi là pháp làm chỗ tương ứng của ba Thừa khi ba Thừa chứng được Thánh Quả, nguyên do không luận địa vị Thánh Quả nào, Thiện Tâm Sở của họ là chỗ tương ứng nhưng chỉ có hai mươi một thứ. Trong hai mươi một thứ đây, Thất Giác Chi chính là công án căn yếu của chỗ đề xuất, như Niệm Giác Chi, Trạch Pháp Giác Chi, Định Giác Chi là thuộc nơi Biệt Cảnh Tâm Sở. Tinh Tấn, Khinh An, Xả, ba Giác Chi này là thuộc nơi Thiện Tâm Sở. Hỷ Giác Chi là thuộc nơi Thọ trọng Biến Hành Tâm Sở. Thất Giác Chi có thể khẳng định là chỗ của hai mươi một Vô Lậu Thiện thân nhiếp.

6)- Bát Chánh Đạo:

Bài Tụng:

“Phân biệt và khuyên bảo; khiến họ tin có ba; đối trị chướng cũng ba; cho nên Đạo Chi (Bát Chánh Đạo) thành tám. Biểu Kiến, Giới, Viên Ly; khiến họ thâm tín thọ; đối trị gốc, tùy hoặc; và tự tại chướng.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích Bát Chánh Đạo. Bát Chánh Đạo gồm có tám thứ: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định. Tám thứ đây lại gọi là Bát Chánh Hạnh, tức là từ nơi Kiến Đạo trở về sau nương nơi chân lý chỗ thấy đây, luôn luôn lúc nào cũng tu tập tám thứ Chánh Hạnh. Nơi trong bốn Luận này, Bát Chánh Đạo được phân làm bốn loại để giải thích:

1, Phân Biệt, chính là Chánh Kiến, nghĩa là ở nơi trí vô phân biệt sau khi chứng được chân như sâu kín, liền phát khởi trí Hậu Đắc và lập tức phân biệt thánh phàm, thiện ác, nhiễm tịnh, nhân quả; sự phân biệt đây chính là sự phân biệt của trong Tụng đã đề

cập, nó được dẫn khởi bởi Trí Căn Bản. Như người nghiền cứu địa lý xưa nay đối với địa đồ rất quan hệ thấu triệt, một khi thân họ ngăn cách bởi cảnh của họ thì ngay lúc đó sự thật bối cảnh lập tức vẫn hiện rõ trước mắt và họ vẫn nhớ rất rành mạch. Như thế Trí Hậu Đắc của chánh kiến, liền đem cảnh giới chỗ chứng được của Trí Căn Bản ôn lại rất chính xác sáng trong.

2, Khuyên Bảo, chính là nương nơi Chánh Kiến chỗ thấy được mà phát khởi Chánh Tư Duy và nương nơi Chánh Ngữ mà đi giáo hoá chúng sanh, khuyên bảo người khác tu tập, chỗ gọi là tự ngộ ngộ tha, đây là một phần của Chánh Tư Duy và Chánh Ngữ sanh hoạt.

3, Khiến Họ Tin, nghĩa là dùng Phật Pháp khai thị cho người khác, khiến họ thâm tín tiếp nhận, đây cũng là hạnh của Bồ Tát Đại Thừa, nguyên do chỗ chủ yếu của Bồ Tát là nương nơi Pháp làm lợi ích cho mọi người, khiến họ đối với Phật Pháp sanh tín tâm và phát nguyện tu hành; vấn đề này bao gồm có ba thứ: Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng. Chánh Ngữ, nghĩa là chỗ thuyết minh phải là thẳng nghĩa của Phật Pháp, chính xác phi thường, lìa khỏi ý ngừ trong các ngôn ngữ, lìa khỏi lỗi lầm của vọng ngữ, v.v... có thể khiến người nghe sanh tín tâm. Chánh Nghiệp, nghĩa là nghiệp gồm cả ba thứ, chính là ba nghiệp thân, miệng và ý, ba nghiệp đây phải thanh tịnh và nhờ đó mới có thể khiến người sanh tín tâm. Chánh Mạng, nghĩa là phương thức sanh hoạt phải chân chánh, nhờ đó có thể khiến sanh mạng tương tục duy trì, lẽ tất nhiên cần phải có đầy đủ ý thực của tự thân, mà những thứ ý thực đây nhất định phải chân chánh. Như khi Phật còn tại thế, người xuất gia cần phải khát thực; hoặc nương tựa chức nghiệp phải chân chánh, sanh hoạt phải chân chánh, đây đều là Chánh Mạng. Ba thứ chân chánh này có thể giáo hoá người khác sanh tín tâm, nguyên do người tu đạo nếu như tu hành thành thực ba thứ chân chánh này thì có thể khiến người khác đối với Phật Pháp sanh tín tâm, khiến hạt giống Phật Pháp không bị đứt đoạn. Nhờ Chánh Ngữ biểu thị thấy thanh tịnh, có thể khiến người khác tự biết đã có huệ thù thắng; nhờ Chánh Nghiệp có thể khiến người khác tự biết đã có giới thanh tịnh; nhờ Chánh Mạng có thể khiến người khác tự biết đã được viên ly. Tuy nhiên trong đây chỗ giải thích Giới thanh tịnh chính là chỉ cho Giới Biệt Giải Thoát, cũng gọi là Đạo Cộng Giới, nghĩa là Giới cùng Định sau khi được phối hợp. Thiền Định chưa phát khởi gọi là Giới Biệt Giải Thoát; Thiền Định đã sanh khởi thì tự nhiên không phạm giới đó chính là Định Cộng Giới; người tu cùng với trí vô lậu đồng thời hiện tiền đó chính là Đạo Cộng Giới.

4, Đối Trị Chương đây bao gồm cũng có ba: gọi là Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định. Tụng nói rằng đối trị Hoặc căn bản chính là tu chỗ đoạn Câu Sanh Hoặc; nhờ ở trong địa vị tu đạo này phiền não đã không còn phân biệt thì mặc dù tham, v.v... câu sanh vẫn còn. Đối Trị Tùy Hoặc chính là chỉ cho Hôn Trầm, v.v... thuộc Đại Tùy Phiền Não, do Đại Tùy có mặt khắp tất cả tâm nhiệm ô, hễ phiền não phát khởi thì chúng nhất định cùng phát khởi theo. Đối Trị Tự Tại Chương nghĩa là công đức tự tại của năng lực chướng ngại thù thắng có thể đối trị những thứ Câu Sanh Căn Bản Phiền Não này; muốn có công đức tự tại thù thắng nói trên, cần phải tiến hành ba thứ Chánh Tinh Tấn. Nhờ Chánh Tinh Tấn cho nên Định và Huệ có năng lực thù thắng và năng lực thù thắng đây có thể đối trị câu sanh căn bản phiền não. Mặc dù Niệm, v.v... cũng có thể đối trị, nhưng khi đối trị thì tất nhiên cũng phải phát khởi tinh tấn. Kể đến nhờ Chánh Niệm thì mới có khả năng trói buộc Niệm an trụ trong Chỉ Đăng Tướng (định chỉ tất cả tướng), có thể đối trị Hôn Trầm, v.v... của Đại Tùy Phiền Não. Hơn nữa nhờ Chánh Định thì mới có khả năng đối trị Định Chương không tự tại, như Định chẳng thâm sâu thì không thể hướng dẫn các thứ công đức, cho nên chỉ bậc La Hán thì mới có Huệ Giải Thoát. Mặc dù có trí huệ đoạn trừ phiền não, nhưng Thiền Định chưa từng viên mãn thì các thứ pháp định không thể tự tại, nhưng vì Huệ Giải Thoát của người ở trong Định Tự Tại còn bị chướng ngại. Tất cả Bát Chánh Hạnh đây nếu như tu được viên mãn hoàn toàn thì có thể chứng đắc quả vị vô học.

(còn tiếp)





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
CHÁNH VĂN PHÒNG

704 East "E" Street., Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433

Thông Bạch Phật Đản Phật Lịch 2565 - 2021

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Thiên đức Tăng Ni

Kính thưa quý Cư Sĩ, Thiện nam Tín nữ, Gia đình Phật tử các cấp và Đồng hương



Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ xin nhất tâm đánh lễ tri ân tất cả chư Tôn Thiên đức Tăng Ni đã nỗ lực đề gìn giữ Phật pháp và làm nơi nương tựa lớn lao cho các cộng đồng Phật tử ở đất nước Hoa Kỳ trong mùa đại dịch hơn một năm qua. Giáo hội xin tán thán tinh thần hộ đạo và tu đạo của quý Thiện nam Tín nữ trong hoàn cảnh tai ương đầy kinh hãi hiện nay. Tất cả năng lực và công đức lớn lao này của người đệ tử, chúng con xin dâng lên cúng dường đức Thế Tôn trong ngày Đản sinh. Hàng trăm ngàn trái tim, hàng vạn ngàn bàn tay siết chặt giữa những thương đau tràn ngập của nhân loại, chúng con nguyện quán chiếu thật sâu sự khổ nạn hiện nay để kiên nhẫn mà vượt qua.

Có nghịch cảnh nào không là những bài pháp vô ngôn màu nhiệm. Có giọt nước mắt nào mà không ẩn chứa vị ngọt của nước cam lồ. Đức Phật Thích Ca Đản sanh, Xuất gia, Thành đạo để khai thị cho chúng con thấy và cảm nhận ra điều đó. Nếu không suy nghiệm được vậy, chúng con sẽ khổ đau nhiều hơn, trách móc và thù hận cũng nhiều hơn. Tâm trạng bức xúc, lòng căm phẫn, sự chia rẽ là những đau thương lớn trong đời sống nhân sinh và cũng đang xảy ra trên đất nước này. Hỡi những người con Phật, hãy xây dựng những hải đảo tự thân để chúng ta trụ vững trước đại nạn hiện nay. Dầu cho không may, nếu phải ra đi vì bệnh dịch thì lòng này xin được thoát nhẹ như mây trôi. Những tháng ngày qua sự sợ hãi đã phủ kín đời sống chúng ta. Hiểu biết, bình tĩnh và lòng kiên nhẫn là liệu pháp giúp chúng ta giảm bớt khiếp sợ trước một dịch hạn.

Chưa bao giờ chúng ta thấy năng lực của sự tu tập vô cùng quý giá như hiện nay. Giáo pháp Phật đà là để sống chứ không phải để quảng diễn suông. Đã bao lần ta lập đi lập lại câu “đời là vô thường”, nhưng thực sự điều ấy có thể hiện một cách trầm hùng trong ta hay không khi phải đối diện với đại dịch đầy sợ hãi như thế này. Đất nước Hoa Kỳ có cùng chung đại nạn của nhân loại nhưng chúng ta vẫn còn may mắn so với nhiều quốc gia khác. Điều ấy cũng khẳng định phước báo của người dân nước này. Phước báo này cần được vun bồi từ mỗi người trong đó có người đệ tử Phật. Mỗi ngày chúng ta sống trong thiện ý, lòng bao dung và trách nhiệm với quê hương này sẽ là phước lợi cho hôm nay và mai sau của chúng ta.

Phật đản năm nay sẽ không có nhiều hình thức uy nghiêm, người con Phật quy tụ không đông đảo như những năm trước, ngược lại chúng ta sẽ dành nhiều thì giờ hơn để tưởng nhớ về ngày ra đời của Phật bằng cách cùng trầm nghĩ: **Bản nguyện của Ngài là gì khi hóa thân đến trần gian?** Chúng ta đã đáp lại phần nào ước vọng này? Có nhiều cách cử hành lễ Phật Đản, trầm lặng và tư duy cũng là một cách được trân trọng. Mỗi chùa viện, mỗi gia đình tổ chức ngày Phật đản theo điều kiện địa phương của mình. Đại dịch còn có mặt. Luật pháp còn ràng buộc. Hãy như một con nước nhỏ và hãy tùy thuận mà chảy về biển. Xin nhất tâm cung thỉnh tất cả chúng ta dồn hết định lực ngày Phật đản năm nay hướng về bệnh dịch, thảm họa và mong được chuyển hóa.

Chúng ta không thù ghét trước một tình thế không may. Chúng ta không nản lòng vì mọi việc không như ý. Năm 2020 và 2021 là hai năm nhiều tang thương của đất nước Hoa Kỳ. Mọi sinh hoạt của Giáo hội cũng chung cùng. Nhưng mùa Đông sẽ đi qua, chỉ còn thời gian và sự kiên nhẫn. Giáo Hội luôn luôn đặt trọn niềm tin vào quý vị. Một niềm tin của hiểu biết và trọn lành.

Phật lịch 2565, California ngày 01 tháng 05 năm 2021

TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK

Chánh Văn Phòng

Sa môn Thích Thắng Hoan

THÔNGIỆP

ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN VESAK LIÊN HIỆP QUỐC 2021

Thông điệp muôn thuở về hòa hợp và phụng sự tha nhân thì quan trọng hơn bao giờ hết. Thông điệp có khả năng nói rằng chúng ta sẽ chấm dứt sự lây lan dịch bệnh con vi rút Corona và bình phục khỏi bệnh.

Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc (LHQ) António Guterres

"Vesak", ngày trăng tròn vào tháng năm, là ngày thiêng liêng nhất đối với hàng triệu người Phật tử trên khắp thế giới. Ngày Đại lễ Vesak cách đây hai thiên niên kỷ rưỡi (2500 năm), vào năm 623 trước công nguyên, Đức Phật đản sinh. Ngày Đại lễ Vesak cũng là ngày Đức Phật thành đạo, và là ngày vào năm tám mươi tuổi Đức Phật nhập Niết bàn.

Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc, bằng nghị quyết số 54/115 năm 1999, đã công nhận ngày Đại lễ Vesak quốc tế để tỏ lòng biết ơn sự đóng góp mà Đạo Phật, một trong những tôn giáo lâu đời nhất trên thế giới, đã đồng hành hơn hai thiên niên kỷ rưỡi và tiếp tục thích hợp cho tinh thần nhân loại. Ngày Đại lễ này được tổ chức tưởng niệm hằng năm tại trụ sở chính LHQ (New York) và các trụ sở LHQ khác trên thế giới, được tham khảo ý kiến với các trụ sở LHQ các nơi có liên quan và với sứ mệnh thường xuyên cũng muốn được tham khảo.

Bối Cảnh Sự Kiện Vesak

Giáo lý của Đức Phật, và thông điệp từ bi, hòa bình, và thiện chí của ngài đã cảm hóa hàng triệu người. Hàng triệu người trên khắp thế giới đang tu tập theo giáo lý của Đức Phật và vào ngày Đại lễ Vesak tổ chức tưởng niệm Đản sinh, Thành đạo và Niết bàn của Đức Phật.

Bức thông điệp của cựu tổng thư ký LHQ, Javier Perez de Cuellar, gửi đến quý Phật tử vào ngày Đại lễ Vesak tháng năm, 1986 nói rằng:

"Đối với người Phật tử khắp nơi, ngày Đại lễ Vesak quả thực là một cơ hội hạnh phúc, tưởng niệm ngày Đản sinh, Thành đạo, và Niết bàn của Đức Phật Cồ Đàm, là để tôn vinh bức thông điệp từ bi và hiền lương phụng sự nhân loại. Bức thông điệp này có lẽ ngày nay thích đáng hơn bao giờ hết trước đây."

Hòa bình, hiểu biết và tầm nhìn về nhân loại thay thế các sự dị biệt giữa các quốc gia và quốc tế thì cần thiết nếu chúng ta đang đương đầu với các phức tạp của thời kỳ hạt nhân.

Triết lý này nằm ở ngay trung tâm bản hiến chương của LHQ và là nét nổi bật trong suy nghĩ của tất cả chúng ta, đặc biệt trong Năm Hòa Bình quốc tế này", Javier Perez de Cuellar.

THÔNGIỆP CỦA TỔNG THƯ KÝ LIÊN HIỆP QUỐC

Tôi xin gửi lời chúc tốt đẹp nồng nàn đến tất cả quý Phật tử đang cử hành ngày Đại lễ Vesak, một sự kiện thiêng liêng đối với hàng triệu người Phật tử trên thế giới.

Khi chúng ta tôn kính ngày Đản sinh, Thành đạo, và Niết bàn của Đức Thế Tôn, thì giáo lý của ngài có thể truyền cảm hứng cho tất cả chúng ta.

Và khi từng gia đình con người chịu khổ đau do ảnh hưởng cơn đại dịch COVID-19, thì bài kinh Phật nhắc nhở chúng ta rằng: "Vì muôn loài chúng sinh bị bệnh, nên ta cũng bệnh."

Bức thông điệp muôn thuở này về hòa hợp và phụng sự tha nhân thì quan trọng hơn bao giờ hết. Thông điệp chỉ có khả năng nói rằng chúng ta sẽ chấm dứt việc lây lan dịch bệnh con vi rút Corona và bình phục khỏi bệnh.

Vào ngày Đại lễ Vesak, chúng ta hãy tôn vinh trí tuệ Đức Thế Tôn bằng hành động vì tha nhân với lòng từ bi và đoàn kết, và làm mới lời cam kết của chúng ta để xây dựng một thế giới bình an.

António Guterres

(**Thích Phước Hạnh** chuyển dịch, May 16, 2021)

UNITED NATIONS VESAK DAY

26 May 2021



This timeless message of unity and service to others is more important than ever. It is only together that we will stop the spread of the coronavirus and recover.

UN Secretary-General António Guterres

"Vesak", the Day of the Full Moon in the month of May, is the most sacred day to millions of Buddhists around the world. It was on the Day of Vesak two and a half millennia ago, in the year 623 B.C., that the Buddha was born. It was also on the Day of Vesak that the Buddha attained enlightenment, and it was on the Day of Vesak that the Buddha in his eightieth year passed away.

The General Assembly, by its [resolution 54/115](#) of 1999, recognized internationally the Day of Vesak to acknowledge the contribution that Buddhism, one of the oldest religions in the world, has made for over two and a half millennia and continues to make to the spirituality of humanity. This day is commemorated annually at the UN Headquarters and other UN offices, in consultation with the relevant UN offices and with permanent missions, which also wish to be consulted.

Background

The teachings of the Buddha, and his message of compassion and peace and goodwill have moved millions. Millions around the world follow the teachings of the Buddha and on the Day of Vesak commemorate the birth, the attainment of enlightenment and the passing away of the Buddha.

A Message from the former Secretary-General, Javier Perez de Cuellar, to Buddhists on the Day of Vesak in May 1986 reads:

"For Buddhists everywhere it is indeed a felicitous opportunity, while commemorating the birth, enlightenment and passing away of Guatama Buddha, to celebrate his message of compassion and devotion to the service of humanity. This message is today perhaps more relevant than ever before."

Peace, understanding and a vision of humanity that supersedes national and other international differences are essential if we are to cope with the complexities of the nuclear age.

This philosophy lies at the heart of the [Charter of the United Nations](#) and should be prominent in all our thinking, especially during this International Year of Peace"--Javier Perez de Cuellar.

Message of the UN Secretary-General

I send warm wishes to all celebrating the Day of Vesak, a sacred occasion to millions of Buddhists around the world.

As we honour the birth, enlightenment and passing of Lord Buddha, we can all be inspired by his teachings.

And as the human family suffers the impacts of the COVID-19 pandemic, we are reminded of the sutra: "Because all living beings are subject to illness, I am ill as well."

This timeless message of unity and service to others is more important than ever. It is only together that we will stop the spread of the coronavirus and recover.

On the Day of Vesak, let us celebrate Lord Buddha's wisdom by taking action for others with compassion and solidarity, and by renewing our commitment to build a peaceful world.

António Guterres
(Source: www.un.org)

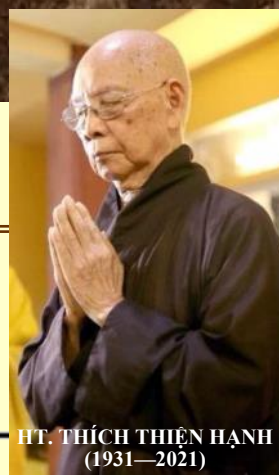


GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473



HT. THÍCH THIÊN HẠNH
(1931—2021)

Điện Thư Phân Ưu

Kính gửi: Chư Tôn Thiền Đức Tổ Đình Báo Quốc Huế cùng Môn đồ Pháp quyền Cổ
Trường Lão Hòa Thượng Thích Thiện Hạnh

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mẫu Ni Phật

Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK vừa nhận được ai
tin: **Trường lão Hòa Thượng Lệ Chân**, đạo hiệu **THÍCH THIÊN HẠNH**, môn phái Tổ
đình Báo Quốc Huế, nguyên Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt
Nam Thống Nhất, đã thuận thế vô thường, thân thần viên tịch vào lúc 12 giờ ngày 21
tháng 5 năm 2021 (nhằm mồng 10 tháng Tư năm Tân Sửu) tại Chùa Phước Thành Huế;
thọ thế 91 năm, hạ lạp 65 năm.

Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK nhất tâm cầu
nguyện Giác linh Trường Lão Hòa Thượng **CAO ĐẲNG PHẬT QUỐC**; đồng thời thành
kính phân ưu cùng chư Sơn môn Thiền đức Thừa Thiên-Huế và Môn đồ Pháp quyền của
Trường lão Hòa thượng tân viên tịch.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Santa Ana, ngày 21 tháng 05 năm 2021

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK

Chủ Tịch



Sa Môn Thích Tin Nghĩa



TỔ ĐÌNH BÁO QUỐC—HUẾ

SỐNG TRONG ĐẠI DƯƠNG PHẬT TÁNH

Nguyễn Thế Đăng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Kinh Đại Bát Niết Bàn thí dụ Phật tánh như biển lớn, như đại dương:

"Tám là chẳng tăng chẳng giảm, vì không có biên giới, vì không thủy không chung, vì chẳng phải sắc, vì chẳng do tạo tác, vì là thường trụ, vì chẳng sanh diệt, vì đều bình đẳng với tất cả chúng sanh, vì tất cả đồng một Phật tánh. Đây gọi là chẳng tăng chẳng giảm" (phẩm Bồ tát Sư Tử Hống).

Đại dương Phật tánh "chẳng tăng chẳng giảm, không có biên giới, không thủy không chung" nên trùm khắp, vượt ngoài thời gian và không gian, và dung chứa tất cả chúng sanh cho đến chư Phật. Tất cả mọi vật, cây cối, đất đai đều ở trong cái chẳng tăng chẳng giảm, không biên bờ này. Hơn nữa Phật tánh ấy đều bình đẳng với tất cả chúng sanh, tất cả đồng một Phật tánh.

Tất cả mọi hiện hữu đều ở trong Phật tánh và chính là Phật tánh. Đây là đức tin căn bản để từ đó khai triển thiền định và trí huệ tánh Không, mở rộng tâm từ bi và các hạnh Bồ tát.

Nhờ thiền định, thiền quán và các hạnh mà chúng ta có thể thấy ra sự thật này. Đó gọi là thấy Phật tánh.

"Ba là đồng một vị: Tất cả chúng sanh đồng có Phật tánh, đều đồng Nhất thừa, đồng một giải thoát, một nhân một quả, đồng một cam lồ, tất cả đều sẽ đắc thường lạc ngã tịnh. Đây gọi là đồng một vị".

Thấy được một vị đồng nhất này của trời đất, núi sông, con người, chư thiên và các bậc giải thoát giác ngộ tức là thấy tất cả đồng một vị Phật tánh. Như những hình bóng trong tấm gương thấy như có khác nhau nhưng đều là tấm gương, đồng một vị là tấm

gương. Như tất cả các món đồ làm bằng vàng, hình tướng có khác nhau nhưng đồng một vị là chất vàng.

Thấy tất cả đều đồng một vị, một nhân một quả, thì không còn có không gian và thời gian, tất cả đều là Phật tánh. Tất cả tướng đều là tánh, tất cả sanh tử đều là Niết bàn, đây là sự đồng một vị Thường Lạc Ngã Tịnh của Phật tánh Đại Niết bàn vậy.

Đại dương Phật tánh này đầy đủ tất cả các công đức, các đức tánh mà con người luôn luôn mơ ước:

"Thiện nam tử! Như Lai thường trụ thì gọi là ngã. Pháp thân Như Lai là vô biên, vô ngại, là không sanh không diệt, đủ tám đức tự tại, đó gọi là ngã. Chúng sanh quả thật không có cái ngã như vậy và những đức của ngã như vậy, chỉ vì quyết định sẽ được rốt ráo đệ nhất nghĩa Không, nên gọi là Phật tánh."

Đại từ đại bi gọi là Phật tánh, Phật tánh gọi là Như Lai. Đại hỷ đại xả chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai. Đại tín tâm chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là Nhất tử địa. Vì do nhất tử địa nên Bồ tát được tâm bình đẳng với tất cả chúng sanh. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được Nhất tử địa, cho nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nhất tử địa chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai".

Tin và thấy mình đang sống trong đại dương Phật tánh vốn có sẵn này tức là đang tu hành Phật tánh. Sống trong đại dương Phật tánh là chúng ta đang tương ứng, kết thông với những đức của Phật tánh. Sống trong đại dương Phật tánh là chúng ta đang sống những đức của Phật tánh.



Như nhất tử địa, địa vị xem tất cả chúng sanh như con một. Nếu chúng ta sống trong đại dương Phật tánh, chúng ta có thể tiếp thông với tâm từ bi xem tất cả chúng sanh như con một. Ngược lại, nếu chúng ta tiếp thông với tâm từ bi xem tất cả chúng sanh như con một tức là chúng ta đang sống trong đại dương Phật tánh.

Như thế, tu tập một đức tính của Phật tánh tức là đang sống trong Phật tánh, đang tu Phật tánh.

Cũng trong phẩm Bồ tát Sư Tử Hống này, kinh nói về tương quan giữa sắc, thọ, tưởng, hành, thức, ngã và Phật tánh qua thí dụ sáu người mù sờ voi. Mỗi người đều diễn tả kinh nghiệm về con voi của mình, sau đó đức Phật kết luận:

"Thiện nam tử! Như những người mù kia, mỗi người đều nói về con voi, tuy chẳng được đúng thật, nhưng chẳng phải không nói về con voi."

Những người nói về Phật tánh cũng như vậy, Phật tánh chẳng phải tức là sáu pháp (sắc, thọ, tưởng, hành, thức, ngã), nhưng cũng không là ngoài sáu pháp ấy. Thế nên ta nói Phật tánh của chúng sanh chẳng phải sắc, chẳng là sắc, cho đến chẳng phải ngã, chẳng là ngã."

Sau đây chúng ta xem những người mù vô minh kinh nghiệm sáu pháp sắc, thọ, tưởng, hành, thức, ngã như thế nào, để biết *"tuy chẳng được đúng thật, nhưng không phải không nói về con voi"*, nghĩa là có phần đúng, nhưng chưa hoàn toàn đúng thật, như cái thấy của Phật, *"chẳng phải sắc, chẳng phải là sắc"*.

"Thiện nam tử! Như những người mù kia chẳng nói được (đầy đủ) hình thể con voi, nhưng cũng chẳng phải là không nói được. Các hình tướng ấy chẳng phải hoàn toàn là voi, nhưng là ngoài chúng thì không có riêng con voi nào nữa."

Thiện nam tử! Vua ví như Như Lai chánh biến tri. Đại thân ví như kinh Phương đẳng Đại Niết Bàn. Voi ví như Phật tánh. Các người mù ví như tất cả chúng sanh vô minh."

Những chúng sanh này sau khi nghe Phật nói, có người nói rằng: *"Sắc là Phật tánh. Vì sao thế? Vì sắc này tuy diệt, nhưng vẫn tuần tự tương tục, thế nên mới đạt được ba mươi hai tướng tốt vô thượng của Như Lai. Sắc Như Lai là thường vì sắc Như Lai thường hằng chẳng dứt, cho nên nói sắc là Phật tánh. Thí như vàng thật, tuy hình tướng dù thay đổi nhưng màu sắc vàng vẫn thường như vậy chẳng đổi khác; hoặc làm vòng đeo tay, làm lược, làm mâm... nhưng màu sắc vàng của chúng vẫn không đổi khác. Phật tánh chúng sanh cũng như vậy, hình tướng tuy vô thường nhưng sắc là thường. Vì thế nên nói: Sắc là Phật tánh'."*

Câu nói của Đức Phật: *"Các hình tướng ấy chẳng phải hoàn toàn là voi, nhưng là ngoài chúng thì không có con voi nào khác nữa"*. Cho nên muốn tìm voi, thấy voi thì phải tìm nơi cảm nhận có phần mờ mờ của những người mù, tức là của các chúng sanh vô minh.

Suy luận của chúng sanh vô minh là: sắc là thường, là tương tục, có như thế thì sắc của chúng sanh mới sẽ trở thành sắc thường của Phật được. Nhưng suy luận ấy là sai lầm vì căn cứ trên hình tướng của sắc; sắc phải diệt, phải thay đổi, cho nên sắc không thể thường được. Vậy thì cái gì nơi sắc là thường? Chính là bản tánh của sắc vậy. Bản tánh của sắc *"chẳng phải sắc, nhưng chẳng phải là sắc"*.

Cũng như vàng, những đồ vật làm bằng vàng thì không thường, không tương tục, nghĩa là vô thường, nhưng bản tánh của vàng không thay đổi dù các hình tướng của các đồ vật làm bằng vàng khác nhau đến mấy đi nữa. Đoạn kinh ở trên nói, *"tất cả đồng một Phật tánh"* nghĩa là Phật tánh hay bản tánh của vàng thấm nhuần khắp, có mặt khắp tất cả những sự vật làm bằng vàng.

Người tu hành muốn nhìn thấy bản tánh của sắc thì không phải tìm ngoài sắc, mà chính là khéo léo bằng thiền định và thiền quán nhìn thấy bản tánh của sắc ở ngay nơi sắc. Nghĩa là Phật tánh thấm nhuần khắp, có mặt khắp tất cả mọi không gian và thời gian, thế nên muốn thấy Phật tánh thì phải tìm nơi không gian và thời gian, vì Phật tánh là bản tánh của không gian và thời gian vậy.

"Lại có người nói rằng: 'Thọ là Phật tánh. Vì sao thế? Vì thọ làm nhân duyên mà được lạc chân thật của Như Lai. Thọ của Như Lai là thọ rất ráo, là thọ đệ nhất nghĩa. Tánh thọ của chúng sanh dù vẫn là vô thường, nhưng tuần tự tương tục chẳng dứt, nên được thọ chân thường của Như Lai. Ví như có người, họ là Kiều Thi Ca, người tuy vô thường nhưng họ là thường, trải qua ngàn vạn đời không thay đổi. Phật tánh chúng sanh cũng lại như vậy, do đó nên nói: Thọ là Phật tánh'."

Thọ thì vô thường, khi có khi không, nhưng tánh của thọ thì thường vì là tánh Không, *"chẳng sanh chẳng diệt, chẳng tăng chẳng giảm"*. Biết như thế thì khi thọ khởi, nghĩa là có cảm thọ, bèn biết ngay nền tảng, bản tánh của thọ. Thọ sanh, trụ, di, diệt từ và trong bản tánh của thọ là tánh Không.

"Hoặc có người nói: 'Tưởng là Phật tánh. Vì sao thế? Vì tưởng làm nhân duyên mà được tướng chân thật của Như Lai. Tưởng của Như Lai gọi là cái tướng không có tướng"

(tưởng vô tưởng). Cái tưởng không có tưởng ấy chẳng phải tưởng chúng sanh, chẳng phải tưởng nam nữ, cũng chẳng phải tưởng về sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải cái tưởng đoạn dứt tưởng. Tưởng của chúng sanh tuy là vô thường, nhưng do tuần tự tương tục chẳng đoạn, cho nên được cái tưởng thường hằng của Như Lai. Ví như mười hai nhân duy-ên của chúng sanh, chúng sanh tuy diệt nhưng mười hai nhân duyên vẫn thường. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, do đó nên nói: *Tưởng là Phật tánh'."*

Tưởng của Như Lai là cái tưởng không có tưởng. Tưởng là tri giác, nhận thức, là một hoạt dụng của tâm để sống ở thế gian này. "Không có tưởng" là tánh Không của tưởng. Cái tưởng không có tưởng của Phật là cái tưởng hoàn toàn là tánh Không, như Bát Nhã Tâm kinh nói, "Tưởng tức là Không, Không tức là tưởng". Như sóng khởi lên từ đại dương nhưng sóng vẫn cùng một tánh nước của đại dương, sóng vẫn là đại dương.

Suy luận của người mù, tượng trưng cho chúng sanh vô minh, sai lầm ở chỗ cái tưởng vô thường ấy "mà do tuần tự tương tục chẳng đoạn" thì thành cái tưởng thường hằng của Như Lai. Cái sanh diệt không thể trở thành cái không sanh diệt được. Cái tưởng thường hằng này chính là tánh Không thường hằng của các tướng. Các tướng thì vô thường, sanh diệt, chúng chỉ được giải thoát khi nhận biết bản tánh của chúng là tánh Không mà từ đó chúng xuất hiện và tiêu tan vào. Kinh nói, "lìa ngoài các hình tướng ấy thì không có riêng con voi nào nữa", lìa ngoài các tướng thì không thể tìm thấy "cái không có tướng" nào cả. Ngay nơi tướng là "cái không có tướng", và tướng là hình tướng xuất hiện của "cái không có tướng".

Cho nên tu hành là tu "cái tưởng không có tướng", đưa các tướng trở lại bản tánh Không của chúng để chúng tuy có xuất hiện nhưng vẫn giải thoát. Trong ý nghĩa "tưởng không có tướng", "tưởng tức là Không, Không tức là tưởng", thì nói "tưởng là Phật tánh" là đúng thật.

"Hoặc có người nói: 'Hành là Phật tánh. Vì sao thế? Hành gọi là thọ mạng. Vì thọ mạng làm nhân duyên mà được thọ

mạng thường trụ của Như Lai. Thọ mạng chúng sanh tuy là vô thường nhưng tuần tự tương tục không dứt, nên được thọ mạng chân thật thường trụ của Như Lai. Ví như mười hai bộ kinh, người nói người nghe tuy là vô thường, nhưng kinh điển này thường tồn bất biến. Phật tánh chúng sanh cũng lại như vậy, do đó nên nói: Hành là Phật tánh'."

Hành là hình thành, tạo tác. Sự tạo thành lớn là một thọ mạng, cho đến sự tạo thành nhỏ là một ý tưởng là hành. Dầu có tổng cộng tất cả hành của một con người cũng không thể tạo thành cái thọ

mạng thường trụ của Như Lai, bởi vì thọ mạng thường trụ của Như Lai là "đại dương Phật tánh, chẳng tăng chẳng giảm, không thủy không chung, vì tất cả đồng một Phật tánh".

Cho nên phải đưa cái hành thọ mạng vô thường này về bản tánh của chúng, tức là cái thọ mạng thường trụ của Như Lai chẳng tăng chẳng giảm, không thủy không chung thì những cái hành này mới không trở thành nghiệp

mà tan vào bản tánh trống không của chúng. Người tu hành là thường an trụ trong bản tánh của mọi hành, tức là thực tại không sanh không diệt, vô thủy vô chung này để các hành đều sanh ra từ nó và tiêu tan giải thoát vào nó.

"Hoặc có người nói: 'Thức là Phật tánh. Vì sao thế? Do thức làm nhân duyên mà được tâm bình đẳng của Như Lai. Ý thức của chúng sanh tuy là vô thường, nhưng thức tuần tự tương tục chẳng đoạn, nên được tâm chân thật thường trụ của Như Lai. Như lửa tánh nóng, ngọn lửa tuy vô thường nhưng tánh nóng chẳng phải vô thường. Phật tánh chúng sanh cũng lại như vậy, do đó nên nói: Thức là Phật tánh'."

Ý thức của chúng sanh là vô thường nhưng suy nghĩ kỹ, sờ dĩ những ý tưởng vô thường ấy vẫn khởi liên tục chẳng khi nào đoạn dứt hẳn, bởi vì những ý tưởng ấy khởi và diệt trên một nền tảng luôn luôn hiện diện suốt ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Nền tảng đó là bản tánh thường hằng của tâm, hay là tâm bình đẳng chân thật thường trụ của Phật.

Vậy thì làm sao để ý thức khỏi lạc lõng mà gây thêm nghiệp? Hãy đưa nó về nhà của



nó, về bản tánh của nó, và nhà hay bản tánh của nó nằm ngay dưới nó, làm nền tảng cho nó. Tu tập cho đến lúc thuần thục thì sẽ nhận ra “*thức tức là trí*” “*thức là Phật tâm, Phật tánh*”. Khi ấy tuy thức có sanh nhưng không gây nghiệp, vì sanh mà thật là vô sanh. Thức vô nghiệp vì thức là Phật tâm, Phật tánh; vì thức là vô sanh.

Qua cả năm cái sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chúng ta thấy để cho chúng được giải thoát, được chân thật thường trụ như Phật thì phải đưa về bản tánh của chúng. Bản tánh ấy là “*đồng nhất một Phật tánh*”. Khi ấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức chỉ là sự biểu lộ của trí, của bản tánh của tâm, của Phật tánh. Như tất cả các món đồ làm bằng vàng, tất cả là sự biểu lộ của tánh vàng.

Khi tất cả sắc, thọ, tưởng, hành, thức, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp... là sự biểu lộ của Phật tánh thì tất cả thể giới chúng sanh, thân tâm chúng ta là sự biểu lộ của Phật tánh. Tất cả là Phật, như kinh nói, “*Phật tánh là cảnh giới của chư Phật*”.

Chúng ta đọc lại đoạn kinh trên nói Phật tánh như đại dương:

“Chẳng tăng chẳng giảm, vì không có biên giới, vì không thủy không chung, vì chẳng phải sắc, vì chẳng do tạo tác, vì là thường trụ, vì chẳng sanh diệt, vì đều bình đẳng với tất cả chúng sanh, vì tất cả đồng một Phật tánh.

Tất cả chúng sanh đồng có Phật tánh, đều đồng Nhất thừa, đồng một giải thoát, một nhân một quả, đồng một cam lồ, tất cả đều sẽ đắc thường lạc ngã tịnh. Đây là đồng một vị”.

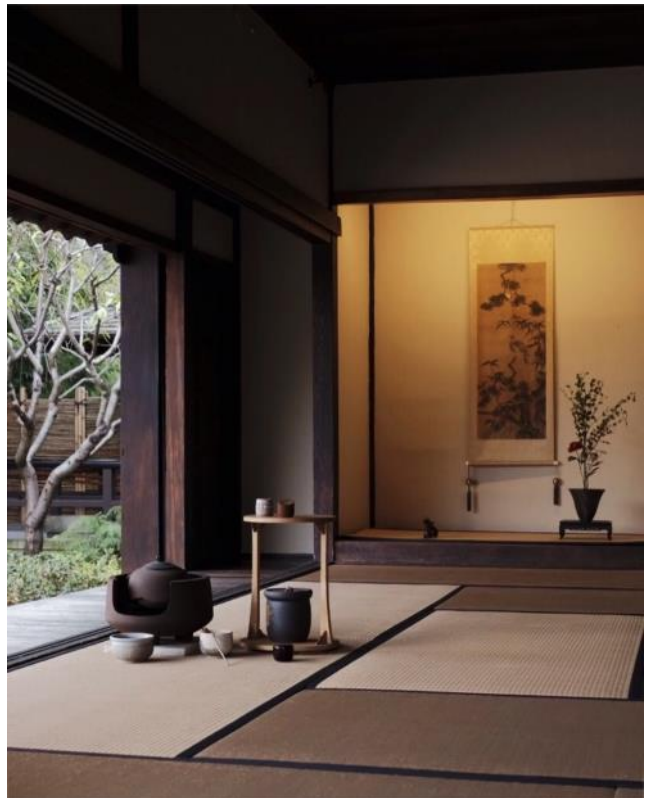
Phật tánh thì bình đẳng với tất cả chúng sanh, tất cả đồng một Phật tánh, đồng Nhất thừa, đồng một giải thoát, đồng một nhân một quả. Đồng một nhân một quả, nhưng tất cả đồng một Phật tánh, nên một nhân là Phật tánh và một quả cũng là Phật tánh. Như thể suốt nhân là quả, nhân tức là quả, tất cả nhân đều là quả.

“Ta lại nói chúng sanh chính là Phật tánh, vì nếu rời chúng sanh thì chẳng được Vô thượng Bồ đề”.

“Chúng sanh tức là Phật tánh, Phật tánh tức là chúng sanh” (phẩm Bồ tát Ca Diếp).

Bởi vì Phật tánh là tánh Không, ánh sáng và năng lực hóa hiện như huyền, cho nên đồng một Phật tánh là đồng một tánh Không, đồng một ánh sáng, đồng một năng lực hóa hiện như huyền. Thấy tất cả thể giới, chúng sanh đồng một tánh Không, đồng một ánh sáng, đồng một năng lực hóa hiện như huyền, đó là thấy “*pháp giới của chư Phật*”.

Tu Phật tánh là tu cái “*tất cả đồng*



một Phật tánh, một nhân một quả, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng tăng chẳng giảm, bình đẳng một vị” này. Phật tánh ấy không chỉ tất cả chúng sanh đều có mà còn tất cả chúng sanh đều là, đang là.

Tu Phật tánh là đưa sắc, thọ, tưởng, hành, thức, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp hòa vào đại dương Phật tánh, đưa thân tâm, thể giới, chúng sanh hòa tan vào Phật tánh để tất cả trở thành một vị Phật tánh.

Tu Phật tánh như vậy là tu trên Quả Phật tánh vốn đã viên thành. Tu trên Quả gọi là Quả thừa (Phalayana) khác với Nhân thừa (Hetuyana), tu trên Nhân để đi đến Quả. Tu trên Quả nghĩa là tất cả các pháp tu không phải là nhân để đạt đến quả, mà tất cả các pháp môn chính là sự khai triển, sự biểu hiện của Quả Phật tánh nơi thể giới hình tướng. Nói cách khác các pháp môn chính là các Hóa thân của Pháp thân Phật tánh bất sanh bất diệt, bất tăng bất giảm, bất cấu bất tịnh nơi thể giới hình tướng.

Khi “*chúng sanh tức là Phật tánh, Phật tánh tức là chúng sanh*” thì tất cả thể giới hiện tượng mà chúng sanh kinh nghiệm qua sáu giác quan cũng là sự biểu lộ của Phật tánh.

Những hiện tượng chúng sanh thấy, nghe, hiểu, nghĩ... là sự biểu lộ của Pháp thân Phật tánh: tất cả thể giới, con người, sự vật là Hóa thân của Pháp thân Phật tánh.

Hạt mầm vươn lên từ đất

NGUYỄN SIÊU

ĐOÀN VĂN / TÙY BÚT

Đất ướt. Đất khô. Đất mềm. Đất cứng, tất cả đều là chất liệu nuôi dưỡng trưởng thành hết thảy mọi sự vật.

Con người, sống là nhờ đất và chết cũng là nhờ đất. Giá trị sống có từ đất như là bác nông phu, quần xắn bó gối, màu da sạm nắng, chiếc nón rách vành, dắt trâu ra đồng cày lên những mảnh ruộng màu mỡ, đầm ướt như bùn để chuẩn bị cho mùa lúa mới. Từng hàng người bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, cong mình thật thấp, cũng những chiếc quần bó gối, chiếc nón cời nhuộm màu mưa nắng, tay cầm bó mạ, tay cấy những nhúm mạ xanh xuống thửa ruộng ngập nước. Họ lần lượt lui dần, lui dần, đục bở sau lưng, thửa ruộng đã được cấy xong. Từ đó, đất nuôi mạ lớn thành ruộng lúa xanh tươi. Lúa trở đồng đồng. Lúa đơm bông. Thân lúa nặng trĩu, nghiêng mình cảm tạ đất trời. Đất nuôi lúa, đủ ngày đủ tháng cho người nông dân gặt hái gĩa thành những hạt gạo nuôi người. Người sống như hôm nay. Đó là triết lý Duyên Sinh. Trùng trùng vô tận của sự vật trong thế giới ba ngàn. Rồi những loài vật khác, chim muông, cầm thú, súc vật... cỏ cây, hoa lá, vàng, ngọc, kim cương... hàng muôn ngàn các loại khác cũng được nuôi dưỡng từ đất mà có. Cái triết lý này làm sao nghĩ tưởng. Làm sao giải thích để người nghe thấu hiểu mà không thắc mắc. Không dài dòng. Không mất thời gian. Được gọi là triết lý về Đất.

Khi xưa là những thửa ruộng bùn nước, nhưng vì nắng hạn lâu ngày mà thành nứt nẻ, tạo thành mọi hình dạng, những hình tam giác, lục giác, bát giác, những đường cong ngoằn ngoèo, chằng chịt. Dầu vậy, vẫn có những hạt mầm ẩn tàng trong đất, nhờ sương lạnh của đêm. Nhờ ánh nắng của ngày, nhờ khí trời hít thở mà hạt mầm chui qua khe đất, từ từ bung lên. Thân mầm trắng nõn. Lá mầm xanh nhạt, biểu tỏ một sức sống lớn mạnh, bất kể đất khô nứt nẻ. Từ đó

một triết lý sống luôn hiện hữu trong đất, luôn được bảo tồn từ đất, luôn được nuôi dưỡng từ nơi đất cho đến ngày hạt mầm vươn lên, đơm bông kết trái. Một triết lý sống có từ nơi đây. Tiềm tàng trong sự vật. Dinh dưỡng từ đất sâu. Bao nhiêu núi đồi. Biển cả. Núi cao. Biển rộng. Đồi xanh. Nước

biếc. Đất dung chứa. Đất che chở. Đất dang đôi tay. Đất ôm vào lòng đất như đất ôm hạt mầm. Đất nuôi lúa mạ. Tất cả không vật gì xa lạ lòng đất.

Ngồi đây, tựa lưng vào gốc thông trên đồi Pháp Vương, thả tầm nhìn xa quang cảnh lô nhô cây lá xinh tươi ẩn hiện dưới ánh trăng mười hai, mười ba. Trăng chưa tròn như trăng 16.

Nhưng chừng ấy ánh trăng cũng đủ để thấy từng con ốc sên bò trên phiến lá, để lại phía sau một đường bọt trắng. Thấy năm Mẹ con chồn dất dấn nhau đi trước sân nhà, nghe tiếng động, chồn Mẹ ngẩng đầu nhìn quanh như tỏ ý bảo vệ đàn con. Một sức sống hiện hữu trên mặt đất. Hạt mầm hiện hữu trong lòng đất. Tất cả mang sức sống của sự vật. Lớn có sức sống lớn. Nhỏ có sức sống nhỏ. Còn triết lý sống ở đây là tồn trọng sự sống. Sự sống của hạt mầm giống như sự sống của ốc sên. Sức sống của biển xanh giống như sức sống của đỉnh cao rừng núi. Mọi vật đều im lìm, bất động, phơi mình dưới ánh trăng huyền hoặc. Lúc ẩn, lúc hiện. Lúc mờ, lúc tỏ. Làm người đối cảnh càng thêm mông lung.

*Tôi mơ ánh trăng 16
Rọi trên đồng lúa thơm
Quê hương Việt Nam còn
Trái tim nồng dân tộc
Lạc Hồng Văn Hiến
Con cháu Rồng Tiên
Mẹ hiền Quán Âm
Hộ dân, hộ nước
Thanh bình yên vui.*

Chiếc lá ngọc lan rụng về cội. Nằm yên gác đầu trên phiến đá. Nắng về trưa đốt



cháy ngọc lan, khô dòn như bao chiếc lá trên rừng, mang sắc thắm ban mai, chiều trở thành héo úa. Như sự vận chuyển của thời gian đến đi vô tận. Nuôi sự sống. Đốt cháy sự sống. Một triết lý sống và chết, thiên thu bất tận.

*Đỉnh núi rừng sâu vách đá
Mây trời phủ kín sương mai
Bụi mờ đường dài lữ thứ
Nhọc nhằn một kiếp trần ai!*

*Bó gối ngồi ôn chuyện cũ
Năm xưa từ thuở lên mười
Mòn chân hình hài in dấu
Khe sâu vực thẳm đôi mươi*

Ấy là hạt mầm vươn lên từ đất. Như đàn mối đục lên từ đất. Như dế mèn đội lên từ đất. Triết lý đội đất. Vun đất. Nhóm đất của loài vật sống trong đất. Triết lý đội cát. Vun cát. Nhóm cát của loài vật sống nơi biển. Cua còng. Cá thóc. Cá nhầy. Nếu có ai đó suy tư trên dòng tâm thức chuyển biến nhấp nhô như hàng trăm nghìn con sóng lượn, đứng trên bờ cát mà nhìn nhủ loài tôm cua xin hãy thương nhau.

*Con sâu róm bò trên phiến lá
Giọt sương mai còn đọng trên cành
Tử sinh rụng lòng vòng đầu đó
Vết thời gian nắng rọi lều tranh*

*Chim vẫn hót gió ngàn vẫn thổi
Mây cứ bay giăng kín tờ màn
Thoảng phút chốc thấy mình như đã
Viết lời thơ trên ánh trăng thanh*

*Dòng suối lạnh in hình bóng hạc
Gối đầu Tây giấc mộng đôi Đông
Du tử cuồng rêu phong rục rã
Bụi đường mù phủ kín mênh mông*

*Ráng trời nọ pha màu hủy thế
Đốt sương khuya lạnh buốt tờ chùng
Cúi xuống nữa nhìn sâu phút chốc
Đồng xương tàn mộ nọ ai vun.*

Ánh trăng đã khuất bên kia đồi cỏ. Chỉ còn văng nghe tiếng chim đêm tìm ăn lẻ loi đầu đó. Nhưng không, ấy là dáng dấp của tạo hóa, bằng đôi tay khéo léo, thô phù để nuôi dưỡng sự sống và giết chết sự sống.

*Con chim nhỏ hót bên trời
Gợi lời từ biệt gãy đôi cánh hồng*

Triết lý và thi ca như hai cung bậc để tạo dựng cái có, cái không, cái thực cái hư ẩn tàng trên vách đá của núi cao. Và chìm sâu dưới lòng hồ thẳm.

(trích từ *Triết Lý và Thi Ca*, Nguyên Siêu, xuất bản tháng 5.2021)



ĐỜI TU SĨ

*Thảnh thơi một gánh quảy an nhiên,
Phủ sạch trần ai bao chương duyên,
Thay áo tình yêu choàng áo đạo,
Tắt tâm ô trược hiện tâm thiền.
Đắp xây chánh niệm qua bờ giác,
Hóa độ quần mê thoát nẻo phiền.
Soi sáng phù du sanh tử kiếp,
Triển khai Diệu Pháp hướng chân nguyên.*

HT. THÍCH THẮNG HOAN

HOẠ:

THIÊN TĂNG VỊNH

Kính họa y vận bài: “ĐỜI TU SĨ” của HT.Thích Thắng Hoan
Kính dâng các bậc Thiên Tăng Cao Đức

*Thiên Tăng trí sáng ý như nhiên
Phật đạo hoàng truyền hoá chúng duyên
Mở cửa Từ Bi khơi suối đạo
Thắp đèn Trí Tuệ dựng cơ thiền
Dịu người lỡ bước lên thuyền giác
Dắt kẻ lầm đường thoát cảnh phiền
Tự tại ung dung du trước kiếp
Tiêu dao nhật nguyệt hướng tâm nguyên...!*

Hậu Học **THÍCH CHÚC HIỀN**
(kính họa)
California, 22-02-2021

HÒA NHẬP TRONG TỪ ÁI CỨU KÍNH

Nguyên bản: Absorbing Yourself in Ultimate Love

Tác giả: ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA

Chuyển ngữ: Tuệ Uyển

PHÁP LUẬN

*Giáo thuyết vĩ đại là không đủ,
Con người phải có một thái độ rộng rãi.
- CHÂM NGÔN TÂY TẠNG*

Bây giờ chúng ta đến trình độ thậm thâm nhất của từ ái và bi mẫn, trình độ này là có thể bởi kiến thức về tính không của sự tồn tại cổ hữu. Nguyệt Xứng nêu ra trong cách này:

"Tôi dâng cúng lòng cung kính để yêu thương quan tâm xem những chúng sanh luân hồi như tánh không của sự tồn tại cổ hữu mặc dù chúng hiện hữu như tồn tại một cách cổ hữu, giống như việc quán chiếu ánh trăng trong nước."

Sự quán chiếu ánh trăng trong nước trong suốt, tĩnh lặng xuất hiện là một ánh trắng với mọi khía cạnh nhưng không phải là ánh trắng trong bất cứ sự quan tâm nào với ánh trắng thật sự trên bầu trời. Sự tưởng tượng này biểu tượng sự xuất hiện của cái "tôi" và tất cả những hiện tượng khác giống như chúng tồn tại một cách cổ hữu: dù cho sự xuất hiện để tồn tại trong trong chính chúng, nhưng chúng là trống rỗng vậy, chúng là những sản phẩm nào của đó. Giống như người nào đó hiểu sai sự phản chiếu của ánh trăng với mặt trăng, chúng ta hiểu sai sự xuất hiện của cái "tôi" và những hiện tượng khác với những thứ tồn tại trong chính chúng.

Quý vị có thể dùng ẩn dụ này như một cách để phát triển tuệ giác vào trong vấn đề chúng ta không nhất thiết phải bị cuốn vào trong những khổ đau bằng việc chấp nhận những hiện tượng sai lạc, do thể biến thành nạn nhân của tham dục và thù hận và tất cả những hành vi xuất phát từ chúng, tích lũy

nghiệp chướng, và bị sanh mãi trong vòng đau khổ. Tuệ giác này sẽ kích thích lòng từ ái và bi mẫn thậm thâm bởi vì quý vị sẽ thấy một cách sinh động vấn đề tất cả những thứ này không cần thiết như thế nào.

Ở đây, chúng sanh được thấy không chỉ đau khổ trong sáu cõi luân hồi giống như một chiếc thùng trong cái giếng, và bị nhào nặn trong vô thường nhấp nhô như sự phản chiếu lung linh, nhưng cũng như đối tượng đối với vô minh si ám đi cùng với hiện tượng sai lầm của sự tồn tại cổ hữu. Với tuệ giác này sáng sủa trong tâm thức quý vị, đại từ và đại bi sinh khởi trong bạn cho tất cả chúng sanh; bạn cảm thấy gần gũi với họ bởi vì họ muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau giống như bạn, và bạn cảm thấy tác động với việc họ đã từng là những người bạn thân thiết nhất của quý vị trải qua vô lượng kiếp sống, nuôi dưỡng quý vị với lòng ân cần tử tế của họ.

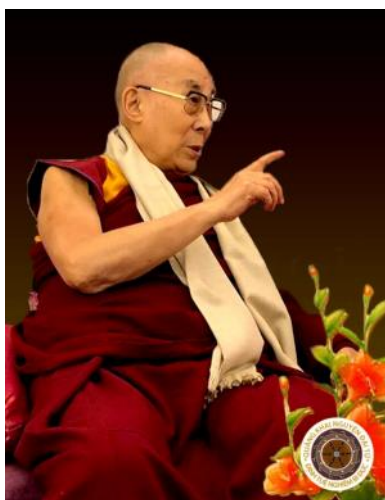
Để có được lối vào cho chiều sâu này của từ ái và bi mẫn, trước nhất cần thấu hiểu rằng tự chính quý vị và những chúng sanh khác đều là trống rỗng sự tồn tại cổ hữu. Do thế, chúng ta hãy ôn lại những bước cho việc nhận ra bản chất tối hậu của cái "tôi".

Thiên tập quán chiếu

Như quý vị đã làm trước đây, đem mục tiêu lý luận của quý vị, cái "tôi" tồn tại cổ hữu, được nhắc nhở bằng việc nhớ lại hay tưởng tượng một thí dụ khi quý vị tin tưởng một cách mạnh mẽ vào trong ấy.

Chú ý sự si mê đã thêm vào (hay chồng thêm vào) sự tồn tại cổ hữu, và nhận diện nó.

Đặt sự nhấn mạnh vào việc quán chiếu



sự kiện rằng nếu có sự tồn tại được thiết lập một cách cố hữu như vậy, thì cái "tôi" và phức hợp thân-tâm sẽ phải hoặc là giống nhau hoặc khác nhau.

Sau đó sự quán chiếu mạnh mẽ tính phi lý về sự xác định của tự ngã và thân-tâm như hoặc là giống nhau hay khác nhau, thấy và cảm nhận sự không thể có những xác định như vậy.

DUY NHẤT

- "Tôi" và thân-tâm phải là một, một cách hoàn toàn và trong mọi cách.
- Trong trường hợp ấy, việc thừa nhận một cái "tôi" sẽ là vô nghĩa.
- Sẽ không thể nghĩ về "thân tôi" hay "đầu tôi" hay "tâm tôi".
- Khi tâm và thân không tồn tại nữa, thì tự ngã cũng sẽ không tồn tại.
- Vì tâm và thân là số nhiều, những tự ngã của một người cũng phải là số nhiều.
- Vì "tôi" chỉ là một, tâm và thân cũng phải là một.
- Giống như tâm và thân sinh xuất và tàn hoại, vì thế phải thừa nhận rằng cái "tôi" cũng vốn được sinh xuất và tàn hoại. Trong trường hợp này, những ảnh hưởng hỉ lạc của những hành vi đạo đức cũng như những tác động khổ đau của những hành vi phi đạo đức sẽ không đem bông kết trái cho chúng ta, hay chúng ta sẽ trải nghiệm những ảnh hưởng của những hành vi mà chính chúng ta đã không từng làm.

DỊ BIỆT

- "Tôi" và thân-tâm sẽ phải là hoàn toàn riêng biệt.
- Trong trường hợp ấy, "tôi" phải có thể tìm thấy được sau khi dẹp hết thân và tâm.
- "Tôi" sẽ không có những tính chất sinh xuất, vĩnh cửu, và suy tàn, và như vậy là ngớ ngẩn.
- "Tôi" phải là ngớ ngẩn để chỉ là hư ảo của sự tưởng tượng hay thường còn.
- Một cách ngớ ngẩn, "tôi" sẽ không có bất cứ tính chất vật chất hay tinh thần nào.
- Không thể tìm thấy một cái "tôi" như vậy, hãy quyết định một cách kiên quyết, "Không tôi cũng như không bất cứ người nào được thiết lập một cách cố hữu."



- *Kết quả: từ những chiều sâu của tim tôi, tôi nên tìm cách để vượt khỏi vòng đau khổ này đã bị đem đến cho chính tôi qua việc nhận thức sai lầm những gì không tồn tại một cách cố hữu như tồn tại một cách cố hữu.*

MỞ RỘNG ĐIỀU NÀY ĐẾN NHỮNG NGƯỜI KHÁC

Những thái độ tàn phá (bất thiện) là những kẻ thù nội tại của chúng ta, căn bản của mọi rắc rối. Chúng sản sinh như thế nào? Từ tham dục và thù hận, mà gốc rễ của chúng là si mê. Vì những

cảm xúc phiền não này chỉ tạo ra tổn hại và không bao giờ có lợi, nên chúng phải được vượt thắng. Nhằm để làm như vậy chúng ta phải đối diện với những nguyên nhân của chúng.

Tất cả những cảm xúc rắc rối xuất phát từ cảm xúc căn bản tiêu cực tàn phá, một thứ si mê không biết cả cọng người và mọi thứ thật sự là thế nào và hiểu sai bản chất của chúng một cách cực đoan quá đáng. Chúng ta nên xem những cảm xúc tiêu cực như các kẻ thù, trước nhất xác định chúng và rồi thì bắt tay vào trong những kỹ năng để tiêu hủy chúng.

Bị lèo lái bởi những cảm xúc phiền não, chúng ta lao vào những hành vi thiết lập những khuynh hướng phiền não chướng ngại ẩn tàng trong tâm thức. Những hành vi tiêu cực kết quả trong tái sinh vào những kiếp sống khổ đau và những hành vi tích cực kết quả tái sinh trong những kiếp sống hạnh phúc. Tuy thế, cả hai đều xuất phát từ sự vô minh mệnh mang. Qua việc nhận ra một cách trực tiếp lẽ thật - tính không của sự tồn tại cố hữu, vô tự tính - và trở thành quen thuộc với nó trong thiền quán, quý vị sẽ chấm dứt việc tích lũy nghiệp báo đã đưa quý vị tái sinh trong vòng luân hồi; tái sinh sẽ đến dưới năng lực của chính quý vị chi phối nó nhằm để hỗ trợ người khác một cách hiệu quả hơn.

Vì vòng luân hồi có gốc rễ trong sự hiểu biết sai lầm về sự tồn tại cố hữu, cho nên cách duy nhất để thoát khỏi vòng luân hồi là việc nhận ra sự lừa dối này là gì. Mặc dù có nhiều nhân tố sản sinh ra vòng luân hồi, duy chỉ tại gốc rễ của nó - si mê - nó mới có thể đáp ứng được, bởi vì đây là nguồn gốc của tất cả mọi nguyên nhân khác. Qua những sự thiền tập quán chiếu trong quyển sách này, quý vị đã học vấn đề trau dồi những phương

pháp đối trị đến những nguyên nhân ấy nhằm để đặt dấu chấm hết mọi khổ đau và nguyên nhân của đau khổ. Khi quý vị tiếp thu tiến trình này, thì quý vị sẽ phát sinh một mục tiêu để đạt đến giải thoát hơn chỉ là chữ nghĩa.

Qua thực hành, mục tiêu của quý vị sẽ chuyển hóa, quý vị phát sinh một xu hướng chân thành để xa lìa vòng khổ đau, ở điểm ấy quý vị trở thành một hành giả tâm linh với năng lực tăng trưởng. Như hành giả du già Tây Tạng, Tông Khách Ba nói trong "*Ba Điểm Chính Yếu của Con Đường Giác Ngộ*" rằng, ở chỗ ấy quý vị sẽ tập trung ngày đêm cho việc đạt đến giải thoát. Quý vị nhiệt tình trong việc cứu tế. Từ chiều sâu của tâm thức, quý vị quyết định rằng nếu quý vị không đạt được giải thoát khỏi toàn bộ tiến trình luân hồi sinh tử, thì giá trị kiếp sống con người của quý vị sẽ không được trọn vẹn.

Là một con người là căn bản thuận lợi nhất cho việc đạt đến sự giải thoát khỏi vòng luân hồi cho việc sử dụng ba sự thực tập giới, định, tuệ. Sự thực tập đạo đức (giới) liên hệ đến việc kiểm chế khỏi thái độ tệ hại quá mức của thân thể, lời nói, và tâm ý. Những thái độ tiêu cực vi tế hơn được chuyển hóa qua thiền nhất tâm (định). Việc loại bỏ cuối cùng những hành vi tiêu cực được thành tựu qua việc tu tập về tuệ quán chiếu vào trong tính không của sự tồn tại cố hữu.

Khởi đầu, quý vị tu tập đạo đức (giới) bởi vì khi quý vị biểu hiện chức năng dưới sự ảnh hưởng của những cảm xúc phiền não thô, thái độ của thân thể và lời nói trở hành thô tháo, tự tổn hại chính mình và người khác. Hành động đạo đức liên hệ đến kiểm soát và điều khiển những hành vi thô thiển này vì thế chúng không thể biểu hiện: tuy nhiên, sự thực tập đạo đức không thể tẩy xóa những cảm xúc phiền não. Và chỉ khi những cảm xúc loại bỏ hoàn toàn thì quý vị mới có thể đạt đến giải thoát.

Đây là tiến trình mà quý vị phải chịu đựng một khi quý vị thấu hiểu cảnh ngộ của quý vị trong vòng luân hồi.

1. Thứ nhất, rèn luyện trong việc nhận ra quy mô của khổ đau trong kiếp sống này.
2. Sau đó, hãy phát sinh sự chán ghét vòng khổ đau luân quần từ kiếp này đến kiếp khác, gọi là "vòng luân hồi", và rèn luyện trong đạo đức (giới), thiền định (định), và tuệ.
3. Cuối cùng, qua việc hoàn thành những thực hành này, quý vị có thể thành tựu cảnh giới giải thoát khỏi vòng luân hồi mà trong ấy khổ đau đã được hoàn toàn tận diệt.

Trong cách này, quý vị có thể đạt đến

giải thoát, nhưng ngay cả như vậy mục tiêu của quý vị sẽ không đạt được trọn vẹn. Quý vị chưa vượt thắng chướng ngại chính để hoàn thành năng lực cứu hộ người khác là: xu hướng sót lại trong tâm thức bởi si mê vô tính bản nhiên thật sự của con người và mọi thứ (sở tri chướng). Mặc dù chính tự si mê đã được vượt thắng, nhưng xu hướng phiền não tiềm tàng trong tâm thức, hạn chế nó biết tất cả mọi thứ có thể biết.

Trong khi quý vị ở trong trạng thái này, ngay cả nếu quý vị cố gắng để hỗ trợ người khác, không gì hơn là một chút lợi ích có thể được hoàn tất. Mặc dù không nghi ngờ gì lợi lạc để đạt đến giải thoát khỏi vòng luân hồi, trong dạng thức phẩm chất của tâm, nhưng quan điểm của quý vị vẫn liên hệ một cách chính yếu với lợi ích của riêng bản thân quý vị. Trong hình thức tiến trình của chính quý vị, tiến trình vượt thắng những chướng ngại và thực chứng những cảnh giới cao cấp vẫn chưa được hoàn thành: quý vị vẫn đang ở trong một hình thức của một sự hòa bình cô tịch.

Thật quan trọng để không trở thành có khuynh hướng đối với sự hòa bình cô tịch - vì qua đơn thuần với xu hướng giải thoát vì lợi ích cho riêng quý vị - thì quý vị sẽ kéo dài tiến trình của việc đạt đến sự Giác Ngộ vị tha hướng đến lợi ích của người khác - mục tiêu cứu kính. Bằng việc chăm sóc chính yếu cho chính mình, quý vị nuôi dưỡng một thái độ vị kỷ, và thái độ này là rất khó để chiến thắng sau này, khi quý vị tu tập trong đại từ và đại bi. Do thế, thật rất quan trọng là ngay từ lúc đầu không hoàn toàn đầu tư sức mạnh của tâm thức trong lợi ích của riêng mình.

Bằng việc thấu hiểu tính không, quý vị nhận ra rằng thật có thể phá vỡ và thoát khỏi cái bẫy của chính quý vị trong vòng luân hồi, chính là điều làm vững chắc quyết tâm xa lìa vòng sinh tử: khi quý vị thấu hiểu rằng khổ đau của người khác cũng bị gây ra bởi si mê, thì quý vị nhận ra rằng họ thật có thể tự thoát khỏi tất cả mọi khổ đau, điều này làm tăng cường quyết tâm của quý vị để giúp đỡ người khác. Trong cách này, tuệ giác làm cho từ ái và bi mẫn thành những biểu hiện thực tiễn của sự thông hiểu thâm thâm. Như Đức Phật nói, "Lòng từ bi của Đức Phật vì chúng sinh được phát sinh qua quán chiếu, 'Trong khi tất cả mọi hiện tượng là trống rỗng, nhưng chúng sinh lại bám lấy những quan điểm tồn tại cố hữu.'"

Thấu hiểu rằng tất cả chúng sinh là trống rỗng sự tồn tại cố hữu, quý vị sẽ phát triển thậm chí lòng từ ái và bi mẫn thậm thâm hơn bằng việc thấy mối quan hệ hữu cơ giữa các thành phần và tổng thể một cách toàn diện, vấn đề chúng sinh tự đem đến khổ đau cho chính họ như thế nào qua si mê

trong tính bản nhiên của con người và những hiện tượng khác. Thực chứng tính không của sự tồn tại cố hữu sẽ mở ra con đường để tăng trưởng từ ái và bi mẫn. Việc thấu hiểu tính bản nhiên cứu kính của con người và hiện tượng kêu gọi quan tâm đến những chúng sinh giới hạn những người giống như quý vị trong việc muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau, những kẻ đã trải qua vô lượng kiếp sống đã từng là những người bạn thân nhất của quý vị, ban cho quý vị lòng ân cần tử tế. Từ ý nghĩa thân mật này phối hợp với tri thức của vấn đề tại sao họ lại khổ đau mãi trong vòng đau khổ qua tái sinh, thì quý vị đánh thức sự quan tâm đầy năng lực cho sự cát tường của họ.



Thiền quán phản chiếu

Đem một người thân đến tâm thức và, trong khi nhớ lại tiến trình tự tàn hoại của vòng luân hồi, quan tâm những điều sau đây:

- 1) Giống như tôi, người này lạc lối trong một đại dương hiểu lầm về cái "tôi" như sự tồn tại cố hữu, được nuôi dưỡng bởi dòng sông khổng lồ của si mê thấu hiểu sai tâm thức và thân thể là tồn tại cố hữu và bị khuấy động bởi nhng làn gió của những tư tưởng và hành động phiền não ẩn tàng.
- 2) Giống như người nào đấy nhận lầm ánh trăng trong nước như chính mặt trăng, người này nhận lầm hiện tượng của cái "tôi" và những hiện tượng khác như là chúng tồn tại từ phía chính chúng.
- 3) Bằng việc chấp nhận hiện tượng sai lầm này, người này bắt lực bị đưa vào trong tham dục và thù hận, tích tập nghiệp chướng và bị sinh ra hết lần này đến lần khác trong vòng đau khổ.
- 4) Qua tiến trình này, người này đem những khổ đau không cần thiết cho chính người ấy cũng như những người khác.

Bây giờ trau dồi ba trình độ của từ ái:

- 1) Người này muốn hạnh phúc nhưng bị lấy mất đi. Thật dễ thương làm sao nếu người ấy có thể được thấm đẫm với hạnh phúc và tất cả những nguyên nhân của hạnh phúc.
- 2) Người này muốn hạnh phúc nhưng bị lấy mất đi. Nguyên cho người ấy được thấm đẫm với hạnh phúc và tất cả những nguyên nhân của hạnh phúc.
- 3) Người này muốn hạnh phúc nhưng bị lấy mất đi. Tôi sẽ làm bất cứ điều gì tôi có thể làm để giúp cho người này được thấm đẫm với hạnh phúc và tất cả những nguyên nhân của hạnh phúc.

Bây giờ trau dồi ba trình độ của bi mẫn:

- 1) Người này muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau, tuy thế lại bị đưa vào khổ đau kinh khủng. Giá mà người này cuối cùng có thể thoát khỏi khổ đau và những nguyên nhân của đau khổ!
- 2) Người này muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau, tuy thế bị đưa vào khổ đau khủng khiếp. Nguyên cho người này được thoát khỏi khổ đau và những nguyên nhân của đau khổ!
- 3) Người này muốn hạnh phúc và không muốn đau khổ, tuy thế lại bị đưa vào khổ đau kinh khủng. Tôi sẽ giúp người này thoát khỏi khổ đau và tất cả các nguyên nhân của đau khổ!

Bây giờ trau dồi chí nguyện tròn

ven:

- 1) Luân hồi là một tiến trình bị lèo lái bởi si mê.
- 2) Do thế, thật thực tiễn để tôi hành động đạt đến Giác Ngộ và để giúp người khác giống như vậy.
- 3) Ngay cả nếu tôi phải làm việc này đơn độc, thì tôi cũng sẽ giải thoát tất cả mọi chúng sinh khỏi khổ đau và các nguyên nhân của đau khổ, và đưa chúng sinh vào trong hạnh phúc và các nguyên nhân của nó.

Từng người một, đem vào trong tâm thức cá nhân các chúng sinh - trước tiên là những người thân, sau đó là người trung tính, và rồi thì những kẻ thù, bắt đầu với những người ít khó chịu nhất - và lập lại những sự quán chiếu này với họ. Việc này sẽ cần hàng tháng, hàng năm, nhưng lợi ích của sự thực hành này sẽ là to lớn lạ thường.

TÁC DỤNG CỦA ĐẠI TỪ VÀ ĐẠI BI

Tự nguyện làm quen với thái độ này, tự tiếp nhận gánh nặng cho việc bảo vệ tất cả chúng sinh khỏi tất cả mọi vấn nạn: thực hành lập đi lập lại và với sự phân tích thông thường. Lòng thấu cảm của quý vị sẽ to lớn vô cùng đến nỗi nó sẽ thấm nhuần toàn bộ con người của quý vị. Không tham muốn bất cứ phần thưởng nào, mục tiêu của quý vị sẽ chỉ là sự phát triển của người khác, không bao giờ chán nản hay ngã lòng trong nhiệm vụ của quý vị.

Trích từ quyển *How to See Yourself as You Really Are* của Đức **Đạt Lai Lạt Ma**

BÁT CHÁNH ĐẠO

“CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ”

THE NOBLE EIGHTFOLD PATH “Way to the End of suffering”

Nguyên tác **BHIKKHU BODHI**

Dịch Việt: **Tỳ khưu Tâm Hạnh & Phật tử Tâm Cảnh**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

ĐÔI NÉT VỀ TÁC GIẢ

(Trong phần này, chúng tôi có thêm vài chi tiết. ND)

Ngài Bhikkhu Bodhi là một tu sĩ Phật giáo người Mỹ, sinh trưởng tại thành phố New York, tốt nghiệp tiến sĩ Triết học tại Trường Cao học Claremont (ND). Ngài trở thành tu sĩ theo truyền thống Theravāda tại Tích Lan vào năm 1972, sống ở đó trên 20 năm và làm chủ tịch và chủ bút của Hội xuất bản Phật Học. Hiện nay, ngài cư ngụ tại Tu viện Bodhi trong một vùng quê của Tiểu bang New Jersey. Ngài đã cùng ngài Bhikkhu Nānamli dịch bộ The Middle length discourses of the Buddha (Majjhima Nikāya – Trung bộ kinh). Ngài là dịch giả của bộ The Connected discourses of the Buddha (Samyutta Nikāya – Tương ưng bộ) và The Numerical discourses of the Buddha (Aṅguttara Nikāya – Nikāya). Tác phẩm mới nhất của Ngài là *In the Buddha's Words* (Hợp tuyển lời Phật dạy từ Kinh tạng Pali), *The Buddha's Teachings on Social and Communalharmony* – An Anthology of Discourses from the Pāli Canon (Lời Phật dạy về sự hoà hợp trong cộng đồng và xã hội – Hợp tuyển từ kinh tạng Pali). Cả hai tác phẩm này đã được Nguyễn Nhật Trần Như Mai dịch sang Việt ngữ (ND).

Lời Tựa (của tác giả)

Căn bản của những lời Đức Phật dạy có thể được tóm tắt trong hai nguyên lý: Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo. Nguyên lý thứ nhất nói về bình diện học thuyết và câu trả lời tìm thấy cho chính phần này là sự hiểu biết; phần thứ hai nói về bình diện rèn luyện, dùng trong nghĩa khái quát nhất của danh từ rèn luyện và câu trả lời tìm thấy cho phần



này là sự thực hành. Trong cấu trúc của giáo lý của Đức Phật, hai nguyên lý này luôn liên kết vào nhau, không thể tách rời và được gọi là the Dhamma-Vinaya (pháp-luật) học thuyết-thực hành, hay gọi ngắn gọn là giáo pháp. Sự đồng nhất nội tại của giáo pháp được bảo đảm bởi phần cuối của Tứ Diệu Đế, chân lý của con đường tu tập là Bát Chánh Đạo. Trong khi yếu tố đầu tiên của Bát Chánh Đạo, chánh kiến, là sự hiểu biết

đúng đắn về Tứ Diệu Đế. Như vậy, hai nguyên lý thấm nhuần với nhau và hàm chứa lẫn nhau. Công thức Tứ Diệu Đế bao gồm Bát Chánh Đạo và Bát Chánh Đạo bao gồm Tứ Diệu Đế.

Vì sự thống nhất toàn bộ này mà chúng ta không có lý gì để đặt ra câu hỏi phần nào của giáo Pháp có giá trị hơn, học thuyết hay con đường tu tập. Nếu chúng ta vẫn cố đặt ra câu hỏi này thì câu trả lời phải là con đường tu tập. Con đường tu tập chiếm được địa vị tối thượng vì tu tập mới làm cho lời Phật dạy trở nên sống động. Con đường tu tập biến đổi giáo pháp từ một tập tài liệu ghi chép những công thức trừu tượng thành một quá trình liên tục tiết lộ cho thấy chân lý. Nó tạo một lối thoát cho vấn nạn khổ và khổ là nguyên nhân khởi đầu giáo lý của Đức Phật. Nó làm mục đích của những lời Phật dạy, giải thoát khỏi vòng đau khổ. Chúng ta có thể đạt đến con đường tu tập trong kinh nghiệm bản thân của mỗi người - nơi mà chỉ riêng sự tu tập mới có ý nghĩa đích thực.

Đi theo con đường Bát Chánh Đạo là việc thực hành hơn là kiến thức hiểu biết nhưng đi cho đúng đường thì phải hiểu biết đúng ý nghĩa. Thật ra, sự thông hiểu chính xác con

đường tu tập tự nó là một phần của tu tập. Nó là một bình diện của chánh kiến, là nhân tố đầu tiên làm tiên phong và dẫn đường cho suốt tiến trình tu tập. Như vậy, mặc dầu vì sự hăng hái tu tập lúc ban đầu, chúng ta có thể cho rằng sự hiểu biết trí tuệ có thể được xem như một sự xao lãng phiền hà và nên xếp bỏ qua một bên nhưng suy nghĩ một cách nghiêm túc, chúng ta thấy nó rất cần thiết cho thành quả cuối cùng của tu tập.

Cuốn sách này nhằm mục đích góp phần vào sự tìm hiểu Bát Chánh Đạo một cách chính xác bằng cách tìm hiểu tám nhân tố của tiến trình tu tập và các thành phần của các thành tố này để xác định chúng liên đới với nhau như thế nào. Tôi cố gắng viết thật súc tích. Để làm khuôn mẫu cho sự trình bày, tôi dùng chính lời dạy của Đức Phật trong kinh tạng Pali để giải nghĩa những nhân tố của con đường tu tập. Để giúp những độc giả không có được nhiều tài liệu gốc, ngay cả qua các bản dịch mà không được hoàn toàn như ý muốn, tôi vẫn cố gắng giới hạn tối đa các lời trích dẫn của tôi trong những trích dẫn được dùng trong hợp tuyển Lời Phật Dạy trong Kinh Tạng của Ngài Nyanatiloka. Trong vài trường hợp, có những đoạn trích dẫn từ tác phẩm này được thay đổi đôi chút để phù hợp với cách diễn đạt của riêng tôi. Để mở rộng thêm ý nghĩa, đôi khi tôi trích dịch từ các bài bình luận. Nhất là trong phần trình bày về Chánh Định và Trí Tuệ (Chương VII và Chương VIII), tôi dựa rất nhiều vào bộ sách *Visuddhimagga* (Con Đường Thanh Tịnh), một bộ bách khoa vĩ đại hệ thống hóa sự tu tập một cách chi tiết và rất đầy đủ. Vì khuôn khổ giới hạn của cuốn sách, tôi không thể trình bày hết sức đầy đủ cho mỗi một nhân tố. Để bù lại cho sự khiếm khuyết này, tôi liệt kê một số tài liệu chọn lọc ở cuối sách để độc giả có thể tham khảo tìm hiểu các dẫn giải có nhiều chi tiết hơn. Tuy thế, để bảo đảm hoàn toàn cho việc tu tập theo Bát Chánh Đạo, nhất là vào các giai đoạn cao của định và tuệ, nếu được sự hướng dẫn từ một vị thầy đầy đủ khả năng thì sẽ vô cùng hữu ích.

CHƯƠNG I

Con Đường Đưa Đến Diệt Khổ

Đi tìm một con đường tâm linh khởi nguồn từ đau khổ, nó không bắt đầu với tri thức và trạng thái hạnh phúc (từ sự thực hành theo niềm tin tôn giáo. ND) nhưng với nhiều nghi vấn khó hiểu làm nhức nhối, thất vọng và rối loạn tâm trí. Tuy nhiên, để cho đau khổ dẫn ta vào sự tìm tòi thật sự đến con đường tâm linh nó phải đạt đến một mức cao hơn những gì chúng ta thụ động nhận lấy

từ bên ngoài. Nó phải làm phát sinh một sự ý thức nội tâm, một sự cảm nhận làm tan vỡ sự tự mãn dễ dàng của chúng ta khi tiếp xúc bình thường với thế giới bên ngoài để có thể nhìn thoáng qua tình thần bất ổn luôn luôn hiện hữu bên trong. Khi sự hiểu biết sâu sắc này bùng sáng lên, đầu chỉ trong giây phút, sẽ tức khắc tạo ra khủng hoảng trong cá nhân ta thật sâu xa. Nó làm đảo lộn

các mục tiêu, giá trị quen thuộc, xem thường những lo lắng thường nhật của ta, làm cho những niềm vui cũ mất hết thú vị.

Lúc đầu những sự thay đổi này thường không được chúng ta vui vẻ đón nhận. Chúng ta cố chối bỏ cái viễn ảnh mới mẻ này và bóp chết các nghi vấn. Chúng ta tranh đấu xua đuổi sự bất mãn này với những theo đuổi mới. Nhưng ngọn lửa tò mò khi đã thắp lên sẽ tiếp tục cháy mãi, nếu chúng ta không để mình cuốn theo những thích nghi hời hợt, buông tay trở lại với một giải thích vá vúi biện hộ cho sự lạc quan tự nhiên của mình thì cuối cùng ánh sáng yếu ớt lúc đầu của sự hiểu biết thâm sâu ấy sẽ vụt chói lên, một lần nữa sẽ đưa ta giáp mặt với cảnh ngộ thực tế của mình. Chính ở thời điểm này, khi tất cả các lối thoát đã bị chặn, chúng ta sẵn sàng tìm một con đường chấm dứt sự bất an trong lòng. Chúng ta không còn có thể tiếp tục tự mãn trôi dạt trong cuộc đời, thúc đẩy bởi sự thèm khát dục lạc của năm giác quan và áp lực của những thói thường trong xã hội. Một thực tại sâu sắc hơn mời gọi chúng ta. Chúng ta đã nghe tiếng gọi của hạnh phúc chắc chắn và trung thực hơn. Cho đến khi chưa đến đích, chúng ta không thể mãn nguyện.

Nhưng chính vào lúc này, chúng ta gặp phải một khó khăn mới. Khi nhận ra cần có con đường tâm linh, chúng ta khám phá ra rằng các giáo lý về tâm linh không thuần túy giống nhau và tương hợp với nhau. Khi xem lược qua các tủ sách nói về di sản tâm linh của nhân loại, cổ xưa cũng như cận đại, chúng ta không tìm thấy một cuốn nào thật đơn thuần mà chỉ thấy giống như là một cửa hàng tạp hóa bày đầy những hệ thống, ban ngành và tất cả đều muốn cống hiến cho ta cái cao xa nhất, nhanh chóng nhất, có quyền





lực nhất hay một giải pháp sâu sắc nhất cho sự tìm kiếm nguyên lý tối hậu của chúng ta. Đối diện với sự hỗn tạp này, tâm trí chúng ta bị rối tung lên khi cố gắng đánh giá, để quyết đoán xem học thuyết nào thật sự giải thoát, thật sự đáp ứng được các nhu cầu của mình và đường nào đi sai chứa đầy những khuyết điểm bên trong.

Ngày nay, một cách thông dụng dùng để giải quyết vấn đề là chiết trung, từ nhiều truyền thống, chọn lấy bất cứ cái gì có vẻ hòa hợp với nhu cầu của mình, kết nối những sự thực hành và kỹ xảo khác nhau vào chung một tổng hợp theo ý mình. Như vậy, người ta có thể tập hợp môn thiền chánh niệm của Phật giáo với sự tụng niệm thần chú của Ấn giáo; cầu nguyện của Kí Tô giáo với thiền múa Sufi; Kabbala của Do Thái giáo với cách thực tập quán tưởng của Tây Tạng. Tuy rằng, đôi khi phương pháp chiết trung có thể giúp chúng ta chuyển tiếp từ lối sống nặng nề về thể tục và vật chất qua lối sống lấy thêm màu sắc tinh thần nhưng cuối cùng phương pháp này cũng sẽ mất dần hiệu quả. Bởi vì, nó có thể dùng như một quán trọ tiện nghi giữa đường nhưng không phải là một chiếc xe thuận tiện để đến điểm cuối.

Phương pháp chiết trung có hai thiếu sót quan hệ với nhau, cuối cùng làm cho nó bị kiểm duyệt. Một là nó làm giảm giá trị của chính những truyền thống mà nó vay mượn. Những truyền thống nổi tiếng thuộc tinh thần không hề xướng học thuyết của họ như là những kỹ thuật từng phần độc lập để chúng ta có thể cắt xén ra khỏi bối cảnh của chúng và tự do kết hợp để nâng cao phẩm chất mình cảm nhận trong cuộc đời. Họ trình bày như là những phần của một toàn thể, một

tầm nhìn có kết cấu mạch lạc về bản chất căn bản của thực tại và mục đích cuối cùng trong nỗ lực tìm kiếm về tâm linh. Truyền thống tâm linh không phải là một con suối cạn để cho chúng ta nhúng ướt chân rồi lui vội vào bờ. Nó là một con sông hùng vĩ cuốn cuộn chảy nhanh qua khắp bối cảnh của đời ta. Nếu muốn đi trên dòng sông đó, chúng ta phải đủ can đảm lao thuyền xuống sông và chèo ra vực nước sâu.

Khuyết điểm thứ hai của phương pháp chiết trung từ khuyết điểm thứ nhất. Tại vì những cách tu tập về tâm linh được xây dựng trên những tầm nhìn về bản chất của thực tại và lợi ích cuối cùng, những tầm nhìn này lại không tương hợp với nhau. Khi thành thật nghiên cứu giáo lý của các truyền thống này, chúng ta sẽ thấy những khác biệt chính yếu về quan điểm hiện rõ trước mắt chúng ta. Những khác biệt đó không dễ được thông qua như những cách nói khác nhau dùng để chỉ về cùng một vấn đề. Thay vào đó, họ dẫn ra những kinh nghiệm rất khác nhau để đưa đến mục đích cuối cùng và con đường phải đi qua để đạt đến mục đích đó.

Do đó, vì những điểm dị đồng về quan điểm và thực hành của các truyền thống tâm linh khác nhau, khi chúng ta quyết định vượt qua phương pháp chiết trung và cảm thấy mình sẵn sàng nghiêm túc dẫn thân vào một con đường nào đó thì chúng ta sẽ thấy bị khó khăn trong sự lựa chọn một con đường để đưa đến giác ngộ và giải thoát thật sự. Một gợi ý nhằm giải quyết vấn đề lưỡng nan này là tự mình phải làm sáng tỏ cho chính mình về mục tiêu chính yếu của đời mình, để quyết định đi tìm những gì trên con đường giải thoát thật sự. Nếu suy tư cẩn thận thì chúng ta sẽ thấy rõ điều bắt buộc quan trọng nhất là tìm con đường dẫn đến thoát đau khổ. Tất cả mọi vấn đề cuối cùng sẽ thu gọn vào khổ ải. Như vậy, điều chúng ta cần là một đường lối chấm dứt hoàn toàn vấn nạn này đến tận cuối. Cả hai điều kiện này rất quan trọng. Con đường phải dẫn đến sự chấm dứt hoàn toàn đau khổ, chấm dứt đau khổ dưới mọi hình thức và đến tận cùng của đau khổ, làm cho đau khổ mất hẳn không phát sinh trở lại.

Nhưng ở đây chúng ta gặp phải một câu hỏi khác nữa. Làm sao chúng ta tìm ra con đường như vậy, một con đường có khả năng đưa đến chỗ chấm dứt hoàn toàn đau khổ đến tận cùng? Ngoại trừ thật sự đạt đến mục tiêu của con đường, chúng ta không biết chắc chắn nó sẽ đưa mình đến đâu. Để theo con đường đến được mục tiêu, chúng ta phải đặt hết lòng tin vào hiệu quả của nó. Theo đuổi một con đường tâm linh không giống như chọn lựa một bộ đồ mới. Để chọn một bộ đồ mới, người ta chỉ cần mặc thử một vài bộ,

ngắm mình trong gương và lựa bộ nào thấy đẹp nhất. Chọn lựa một đường tâm linh tựa như hôn nhân: Người ta muốn có một bạn đời trăm năm, một người bạn đồng hành với tình nghĩa sẽ được chứng minh bằng sự đáng tin cậy và bền lâu như sao bắc đẩu trên trời đêm.

Đối diện với vấn đề lưỡng nan mới này, chúng ta có thể thấy mình đã vào ngõ cụt và kết luận rằng không có gì để hướng dẫn cho mình trừ khuynh hướng cá nhân nếu không muốn nói ném đồng tiền xem sắp ngã ra sao. Tuy thế, sự chọn lựa của chúng ta không cần phải mù quáng và thiếu ý thức như mình tưởng tượng vì chúng ta có nguyên tắc hướng dẫn. Những lỗi đi tâm linh thường được trình bày trong khuôn khổ một giáo lý tổng quát, chúng ta có thể thẩm định sự hiệu quả của một con đường nào đó bằng cách tìm hiểu giáo lý dẫn giải nó.

(1) Đầu tiên, giáo lý ấy phải diễn tả một bức tranh đầy đủ và chính xác phạm vi của đau khổ. Nếu phạm vi của đau khổ được đưa ra không đầy đủ hoặc khiếm khuyết, con đường đưa ra hầu như bị thiếu sót, không đủ khả năng tạo được một giải pháp thỏa đáng. Tương tự như bệnh nhân cần bác sĩ chẩn bệnh đúng và đầy đủ cho căn bệnh của mình, để được thoát khỏi đau khổ, chúng ta cần một giáo lý trình bày một sự mô tả đáng tin cậy với hoàn cảnh của mình.

(2) Tiêu chuẩn thứ hai đòi phải có sự phân tích đúng đắn những nguyên nhân gây ra đau khổ. Giáo lý không thể chỉ dừng lại với sự quan sát tổng quát những triệu chứng bên ngoài. Nó phải đào sâu tận triệu chứng đến mức nguyên nhân và nó phải diễn tả các nguyên nhân thật chính xác. Nếu giáo lý phân tích nguyên nhân bị sai lầm thì rất khó cho sự điều trị thành công.

(3) Tiêu chuẩn thứ ba liên quan đến chính con đường. Nó qui định rõ là con đường do giáo lý vạch ra phải chấm dứt đau khổ tận gốc. Điều này có nghĩa là nó phải đưa ra một phương pháp chấm dứt đau khổ bằng cách trừ khử các nguyên nhân. Nếu nó thất bại không đem lại được giải pháp căn bản này thì cuối cùng, giá trị của nó là con số không. Con đường mà nó vạch ra có thể giúp ta trừ bỏ được chứng bệnh và làm cho ta thấy mọi sự an lành. Như một người bị căn bệnh hiểm nghèo, không thể cho giải phẫu thẩm mỹ là đủ; trong khi dưới bề mặt, nguyên nhân căn bệnh vẫn tiếp tục phát triển.

Tóm lại, chúng ta thấy có ba yêu cầu trong những giáo lý đề xướng một giải pháp trung thực đưa đến chấm dứt khổ: Thứ nhất, nó phải đưa ra một bức tranh mô tả đầy đủ và chính xác về phạm vi của khổ. Thứ hai, nó phải trình bày một sự phân tích chính xác các

nguyên nhân của khổ. Thứ ba, nó phải cho chúng ta phương pháp chấm dứt các nguyên nhân của khổ.

Đây không phải là nơi để chúng ta thẩm định những học thuyết tâm linh căn cứ vào các tiêu chuẩn vừa nêu trên. Vấn đề của chúng ta chỉ liên quan với Giáo Pháp, lời dạy của Đức Phật với giải pháp mà giáo lý này đưa cho vấn nạn khổ. Giáo Pháp của Đức Phật thích đáng với vấn nạn này rất rõ ràng ngay trong chính bản chất của nó. Bởi vì nó được cấu trúc không phải như một bộ triết thuyết nói về sự bắt đầu và chấm dứt khổ theo những yêu cầu bằng tín ngưỡng nhưng như là một thông điệp giải thoát khỏi đau khổ được xem có thể chứng nghiệm được ngay trong kinh nghiệm riêng của chính mình. Cùng đi với thông điệp đó, có phương pháp thực hành, một con đường dẫn đến nơi tận cùng của sự chấm dứt khổ. Con đường này là Bát Chánh Đạo. Bát Chánh Đạo là giáo lý trung tâm của Đức Phật. Chính sự khám phá ra con đường này đem đến cho sự giác ngộ riêng của Đức Phật một ý nghĩa toàn diện và đưa Ngài từ tư cách của một vị hiền triết khôn ngoan và nhân từ lên địa vị của một bậc Đạo sư trên thế giới. Đối với đệ tử, Ngài là "người khởi xướng con đường chưa được ai khởi xướng trước đây, người tạo dựng một con đường chưa được ai tạo dựng trước đây, người nêu ra con đường chưa được ai nêu ra trước đây, người thấy trước con đường, người biết con đường, người hướng đạo của con đường." (Trung Bộ. 100). Và chính Ngài gọi mời mọi người đi tìm giải thoát với một lời hứa và thử thách, "Chính các bạn phải nỗ lực. Các Đức Phật chỉ là vị thầy. Những ai nhiệt tâm thực hành con đường này, được giải thoát khỏi sự trói buộc của ác ma." (Pháp cú 276).

Muốn xem Bát Chánh Đạo như một phương tiện chắc chắn đưa đến giải thoát, chúng ta phải xét lại theo ba tiêu chuẩn ở trên: Nhìn vào sự tường thuật của Đức Phật về phạm vi của khổ, sự phân tích các nguyên nhân của khổ và chương trình Ngài đưa ra để chữa trị hết khổ.

(còn tiếp)



TAM HỢP

Đã bảo rằng không sao có ta
Ấy là giả tạm đó thôi mà
Ngũ uân luân lưu tan hợp mãi
Đọa – thăng, họa – phúc đã bao đời

Cao thiên hạ thú lắm chơi vơi
Trung vị em ơi ấy kiếp người
Đây là cơ hội tu huệ phước
Dấu vấy nhân gian được bấy nhiêu

Phật đã dày công những sớm chiều
Thế Tôn hồng hóa diệu kỳ thay
Thị hiện sơ sanh đi bảy bước
Nhân, thiên hoan hỷ rước Như Lai

Ngài đến nơi này một sớm mai
Lần đầu thuyết pháp ở vườn nai
Từ đó là đây bảy lẽ thật
Con đường giải thoát Phật tuyên xưng

Ba cõi vui mừng đất chuyển rung
Từ bi vô hạn dạ bao dung
Thương đàn con đại chúng nhà lửa
Phương tiện bày ra cửa ngũ thừa

Nhất bát tam y thọ thực trưa
Một đời tinh tấn chẳng dây dưa
Rời bỏ tẻ đoan hai thái cực
Duy đường trung đạo thực hành thôi

Trời đêm gần sáng sao đổi ngôi
Trí huệ bừng lên giác ngộ rồi
Mạn thù hoa trắng tràn ba cõi
Từ quang rạng rỡ soi thế gian

Phật đã về đây ánh đạo vàng
Con đường giải thoát rộng thênh thang
Thánh đạo chia ra làm tám nhánh
Y giáo noi theo hạnh sẽ thành



Lục độ nâng caoặng quả lành
Sống đời an lạc dưới trời xanh
Thế Tôn khai mở con đường sáng
Tứ chúng đồng tâm ráng phụng hành

Dưới cội vô ưu Phật dẫn sinh
Trăng tròn rằm lớn đại quang minh
Sa La song thọ rừng yên tĩnh
Diệt độ còn thương chúng hữu tình

Sáu cách rùng rùng đất động rung
Như Lai thuyết giáo thậm viên dung
Lợi lạc tùy theo căn tánh chúng
Con mưa pháp xuống chẳng riêng chung

Được pháp phá tan tối mịt mù
Trống pháp vang lừng khởi dung thông
Giục người thức tỉnh từ cơn mộng
Ngộ đã vương tròn rộng giác tha

Thế giới hôm nay dấu khác xa
Nhân tâm, quốc độ với sơn hà
Chỉ riêng giải thoát con đường đạo
Kim – cô, đông – tây vẫn mãi là

Tháng Tư về lại giữa Sa Bà
Trời người muôn loại hỷ hoan ca
Lễ mừng Tam Hợp tăng già tán
Phước huệ ngài hơn vạn ánh sao

Tưởng niệm Phật đà dạ nao nao
Nghĩ đến công lao đáng đại từ
Như khứ Như Lai như thị thuyết
Bản hoài duy nhất quyết độ sanh.

(Ất Lăng thành, 05/2021)

thơ HIỀN NGUYỄN

CON ĐƯỜNG THỐNG NHẤT

(Chương XXXV,
VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)

THIỀN SƯ KHÁNH ANH

Thiền sư Khánh Anh vốn là người cùng chí hướng với thiền sư Huệ Quang. Ông tên là Võ Hóa, sinh năm 1895 tại làng Phố Nhì, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 22 tuổi ông xuất gia ở chùa Quang Lộc và được pháp danh là Chân Hủy. Sẵn có căn bản Hán học vững chãi, ông học Phật rất mau chóng và trở thành một vị giảng sư Phật học nổi tiếng khi mới tròn 30 tuổi.

Năm 1927 ông được mời vào Nam dạy lớp Phật học cho chư tăng ở chùa Giác Hoa, tỉnh Bạc Liêu. Bốn năm sau, ông về làm trú trì chùa Long An ở quận Trà Ôn, tỉnh Cần Thơ và mở lớp dạy Phật pháp cho tăng đồ trong vùng tối cầu học.

Năm 1933 ông hợp tác với các thiền sư Khánh Hòa, Huệ Quang và Pháp Hải lập Liên đoàn Học xã và đến năm 1935, bắt đầu dạy tại Phật học đường của hội Lưỡng Xuyên Phật học tại Trà Vinh và cộng tác với tạp chí *Duy Tâm*. Tại Phật học đường Lưỡng Xuyên, ông là vị giảng sư dạy nhiều giờ và nhiều môn nhất trong các giáo sư.

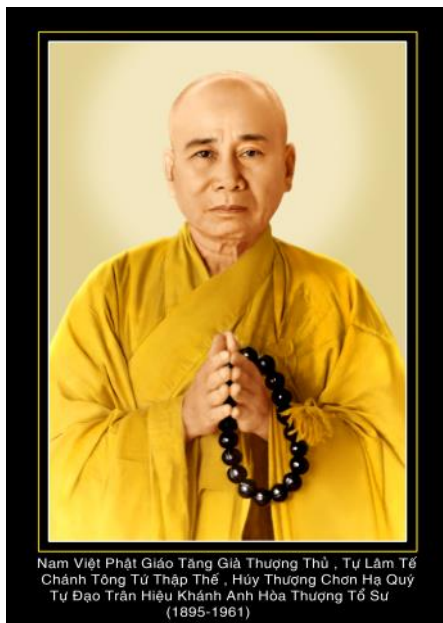
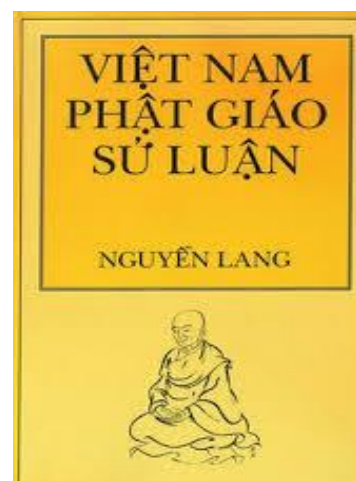
Năm 1941 ông được mời làm giáo sư Phật học trong ba tháng cho đại giới đàn chùa Linh Phong ở Tân Hiệp. Năm 1942, Phật học đường Lưỡng Xuyên vì lý do tài chính bị đóng cửa, ông về trú trì chùa Phước Hậu ở Trà Ôn và mở lớp tăng học ở đây. Năm 1945 ông được thiền sư Huệ Quang mời về dạy lớp tăng học ở chùa Long Hòa quận Tiểu Cần.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, ông về nhập thất tại chùa Phước Hậu. Từ 1945 đến 1955 ông đã soạn thảo và phiên dịch rất nhiều tác phẩm. Trong số những dịch phẩm của ông, có *Hoa Nghiêm Nguyên Nhân Luận*, *Nhị Khóa Hợp Giải* và *Hai Mươi Lăm Bài Thuyết Pháp* (của Thái Hư), *Tại Gia Cư Sĩ Luật*, *Duy Thức Triết Học* và *Quy Nguyên Trực Chỉ*. Ông có cho xuất bản ba tập *Khánh Anh Văn Sao*, một trong ba tập này in những bài của ông viết về giáo lý, những bài sơ giảng và thi bút do ông sáng tác.

Trong *Khánh Anh Văn Sao* ông có dịch tác phẩm *Phật Tổ Đích Truyền Nhất Thống* của thiền sư Luật Truyền, viết bằng chữ Hán (25). Tác phẩm này có ghi chép những vị tổ sư kế thế thiền sư Nguyên Thiều. Khánh Anh có một lối hành văn rất tự nhiên và dí dỏm.

Trong tập thứ 4 của *Khánh Anh Văn Sao*, ta thấy có 45 bài thơ bát cú, một lá thơ gửi phụ thân bằng văn lục bát, rất nhiều liên đối và những bài phục nguyên. Nguyên tại Phước Hậu, ông đã làm tới mười cặp câu đối, câu nào cũng nói được ý chí và hành nguyện của ông:

* *Phước trí hiện tuệ quang, bách ức Tu Di khai nhật nguyệt;*
Hậu thâm lưu pháp hải, tam thiên thế giới dừng ba đào.
(Phước trí phục ánh vàng, trăm ức núi cao, chói lọi ngày đêm truyền chiếu diệu,



Hậu thân dồi biển pháp, cả ngàn cõi lớn, đầy đầy đất nước nổi trào âm.)

** Phước trí nhị nghiêm thân: tại gia vi Thánh vương, xuất gia vi vô thượng sĩ;*

Hậu cao tam thiên giới: thứ độ tác Phật tổ, tha độ đại từ tôn.

** Phước đức hữu nhân duyên, phàm kiến Phật tánh, niệm Phật danh, lập Phật hội, hoằng Phật kinh, cộng thành Phật đạo;*

Hậu cao vô phân biệt, hoặc tu dân tâm, giáo dân học, vi dân quan, hành dân chính, bình đẳng dân quyền.

** Phước địa kiến pháp tràng, đà đảo Thần quyền trừ oán tặc;*

Hậu cơ doanh bảo điện, chấn hưng Phật lực định tâm vương.

(Phước lớn nếu cờ phướn khắp nơi: trừ mê tín, dẹp quân thù, mượn quyền Thượng đế;

Hậu dày đức nên chùa mỗi xứ: vững Giác thành yên tu sĩ, học phép Tâm vương.)

** Phước lộc thọ, vương tướng quân dân, tổng giai thị nhần tiền sự vật;*

Hậu cao thâm, sơn hà đại địa, đẳng vô phi thức nội sở năng

(Phước lộc chi, thọ yếu mà chi, vua chúa quan quyền trò dưới mắt,

Hậu bạc rúa, cao thâm cũng rúa, núi sông trời đất cảnh trong mơ.)

Những câu đối trên đây là do chính thiền sư tự dịch. Ta hãy đọc thêm một bài văn phục nguyên ông viết để đọc trước đài kỷ niệm tử sĩ, nhân ngày Phật Đản một năm mà cuộc chiến tranh Pháp - Việt đã tàn sát không biết bao nhiêu sinh mạng.

"Phục nguyên: Cuộc lễ tắm Phật, tượng sắc thân rửa sạch bụi vô minh. Ngày vía giáng sanh, ơn giáo chủ đơm nhuần đời hữu lậu. Hoặc hy sinh đôi bên chiến đấu: người Việt người Tây, từ Nam chí Bắc, đã biết bao dũng tướng hùng binh. Hoặc uống tử những lúc thành linh: chú Tầu chú Thổ, từ trẻ chí già, lại xiết mấy thường dân phu phụ. Chà Vả, Khách Trú, Ma Rốc, Lê Dương, chết nhà, chết đường, chết oan, chết dịch, đã bao thuở tối tăm mù mịt, nào ai cho đèn lửa khóí hương? Phải bây giờ sáng suốt đo lường, nhờ Phật chiếu hào quang gương tuệ. Âm binh ơi! Cỗ hồn!

Hề:

Dầu phảng phất hồn ma phách quế

Nhưng sẵn sàng tâm Pháp tánh Trời

Về đây nghe kinh kệ hôm mai

Cùng nhau chứng thánh hiền Phật đạo."

Đầu năm 1955, hội Phật học Nam Việt cung thỉnh ông vào ban Chứng Minh Đạo Sư và ngày 31 tháng Ba 1957, đại hội Giáo hội Tăng già Nam Việt họp tại Ấn Quang suy tôn ông làm pháp chủ của giáo hội.

Cũng tại chùa Ấn Quang, năm 1959, đại hội Giáo hội Tăng già Toàn quốc kỳ II tôn

ông lên ngôi vị thượng thủ. Từ đó ông thường trú nhiều tại chùa Ấn Quang để cầm cương lĩnh cho công việc hoằng pháp và tiếp tục công trình trước tác.

Năm 1961, biết cơ duyên gần đến, ông về chùa Phước Hậu thăm, rồi từ đó trở về chùa Long An ở Trà Ôn, nơi ông đã từng trú trì từ năm 1931, từ hồi ông còn 36 tuổi. Ông viên tịch ngày 16.4.1961 tại chùa này, thọ được 66 tuổi.

Lễ an táng của thượng thủ Khánh Anh được tổ chức trọng thể tại chùa Ấn Quang. Nhục thân thiền sư được mai táng tại An Dưỡng Địa của giáo hội, gần chùa Huệ Nghiêm.

Thiền sư Khánh Anh là một vị cao tăng bác học. Sự nghiệp đạo hạnh và văn hóa của ông là một viên đá lớn trong ngôi nhà Phật học Việt Nam.

Với sự vắng mặt của thiền sư Khánh Anh, ba cây cột trụ đầu tiên của nền chấn hưng Phật giáo miền Nam (26) đã không còn nữa. Những thế hệ mà họ đã đào tạo nên đã có đủ khả năng tiếp tục công trình khởi xướng từ hơn ba mươi năm về trước.

PHẬT SỰ TỪ 1956 ĐẾN 1960

Sau đây là những Phật sự đáng kể được thực hiện trong thời gian từ 1956 đến 1960:

***1956:**

- Tổng hội Phật giáo Việt Nam dời trụ sở vào chùa Ấn Quang tại Sài Gòn.

- Tạp chí Phật Giáo Việt Nam chào đời.

- Buổi phát thanh hàng tuần của Tổng hội Phật giáo Việt Nam trên đài Sài Gòn.

- Phật học viện Việt Nam tại Trung Phần khai giảng tại chùa Hải Đức, Nha Trang.

- Phật học đường Phước Hòa tại Trà Vinh được thành lập.(27)

- Chùa Xá Lợi được khởi công xây cất.

- Đại hội Ni bộ miền Nam tại chùa Huệ Lâm.

- Đại giới đàn tại chùa Hải Đức, Nha Trang.

- Phật lịch được thống nhất: 2500 PL: 1956 TL

- Phái đoàn Tổng hội Phật giáo Việt Nam dự lễ Budha Jayanti ở Ấn Độ.

***1957:**

- Các khóa Tu Nghiệp Trú Trì và Như Lai Sư Già được tổ chức tại các chùa Ấn Quang, Pháp Hội và Dược Sư.

- Thiền sư Khánh Anh được Giáo hội Tăng già Nam Việt suy tôn làm pháp chủ.

- Thiền sư Giác Nhiên lên làm hội trưởng hội Việt Nam Phật học (miền Trung).

- Đại hội Tổng hội Phật giáo Việt Nam kỳ III tại Sài Gòn.

- Thiền sư Tịnh Khiết dự lễ Buddha

Jayanti ở Thái Lan.

- Đại hội đồng hội Việt Nam Phật học tại chùa Từ Đàm gửi điện văn cho chính quyền phản đối việc loại trừ ngày Phật Đản ra khỏi những ngày nghỉ lễ chính thức của quốc gia.

- Lễ Phật Đản tổ chức rất lớn trong các tỉnh toàn quốc.

***1958:**

- Giáo hội Tăng già Nam Việt ấn hành tài liệu Phật học Phổ thông cho các giảng sư đoàn và các vị "Như Lai sứ giả".

- Hội Việt Nam Phật học đổi danh hiệu là hội Phật giáo Việt Nam tại Trung Phần.

- Tu viện Nguyên Thiều được xây dựng tại Bình Định.

- Các lớp Phật học Phổ thông đầu tiên được tổ chức tại Ấn Quang và các tỉnh cho giới cư sĩ.

- Đại hội Giáo hội Tăng già Trung Việt kỳ III tại chùa Linh Quang, Huế.

- Ni học viện Tăng Già khai giảng ở Vĩnh Hội, Sài Gòn.

- Đại hội Gia đình Phật tử Trung Phần.

- Phái Đoàn Tổng hội Phật giáo Việt Nam dự đại hội Thế Giới Phật giáo Liên Hữu lần thứ V tại Vọng Các.

***1959:**

- Đại hội Giáo hội Tăng già Toàn quốc kỳ III tại chùa Ấn Quang.

- Thiền sư Khánh Anh lên làm thượng thủ Giáo hội Tăng già Toàn quốc.

- Hội Việt Nam Phật giáo (Bắc Việt tại miền Nam) và Gia đình Phật tử Minh Tâm tổ chức Đại Nhạc hội.

- Gia đình Phật tử tổ chức lễ kỷ niệm mười năm.

- Giáo hội Tăng già Nam Việt thành lập giảng sư đoàn lưu động.

- Phái đoàn Tổng hội Phật giáo Việt Nam dự lễ Buddha Jayanti tại Tokyo.

- Đại hội Tổng hội Phật giáo Việt Nam kỳ IV tại chùa Xá Lợi.

- Thiền sư Tịnh Khiết làm trưởng ban tổ chức lễ Phật Đản.

- Tạp chí Liên Hoa của Giáo hội Tăng già Trung Việt ra đời.

***1960:**

- Ni học viện Từ Nghiêm khai giảng tại Sài Gòn.

- Ban Liên lạc Văn hóa của Đoàn Thanh niên Tăng ni Việt Nam được thành lập và tập san Sen Hái Đầu Mùa ra đời.

- Đoàn Thanh niên Phật tử được thành lập tại chùa Ấn Quang, Sài Gòn.

- Tu viện Quảng Hương Già Lam được xây cất.

- Đại hội Hoằng pháp toàn quốc tại chùa Hải Đức, Nha Trang.

[25] *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, quyển II, có nói sơ lược đến thiền sư Luật Truyền. Nay xin bổ túc thêm. Theo thiền sư Khánh Anh thì thiền sư Luật Truyền họ Trần, sinh ở Cổ Tháp, Hoa Châu, Phúc Kiến, mười tám tuổi đã thôi Nho học để theo Phật học. Trong số những sáng tác của ông có: *Thiền Ác Quy Cảnh*, *Xuất Gia Yếu Tập*, *Tam Bảo Biện Hoạch*, *Quy Nguyên Sự Nghĩa*, *Đại Phương Tiện Phật Bảo Ân Kinh Chú Giải*, *Địa Tạng Bản Nguyên Kinh Chú Giải*, *Hoằng Giáo Đại Học*, *Giáo Tập Tam Tạng Mục Lục*, *Giáo Tập Tam Tạng Pháp Sở*. Tất cả những tác phẩm này đều bị thiêu hủy trong trận cháy nhà chứa kinh ngay bên chùa Từ Quang núi Đá Trắng.

Thiền sư Luật Truyền là anh em đồng sư với thiền sư Luật Hoài, đệ tử của thiền sư Chánh Hiến, tổ thứ 72 của dòng Lâm Tế, trú trì chùa Phước Lâm ở Quảng Nam.

[26] Khánh Hòa, Huệ Quang và Khánh Anh.

[27] Phật học đường này được hai thiền sư Tịnh Đức và Trường Lạc điều khiển từ 1956 đến 1958. Khi thiền sư Tịnh Đức viên tịch, thiền sư Thanh Từ, giảng sư của Giáo hội Tăng già Nam Việt được chỉ định thay thế thiền sư Tịnh Đức để giám đốc Phật học đường này.





PHẬT DẠY CHỌN BẠN MÀ CHƠI

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Chơi với bạn hiền thì mình được thơm lây, trở nên thiện lành. Ngược lại, chơi với bạn ác thì lâu ngày mình cũng bị tập nhiễm theo thói xấu của họ.

Một trong những dấu hiệu để xét đoán về nhân cách của ai đó là nhìn xem họ thân thiết với những hạng người nào. Bởi gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Đi trong mù sương lâu dần sẽ thấm ướt. Vì thế mỗi người cần biết chọn bạn mà chơi. Chơi với bạn hiền thì mình được thơm lây, trở nên thiện lành. Ngược lại, chơi với bạn ác thì lâu ngày mình cũng bị tập nhiễm theo thói xấu của họ.

"Một thời Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyet-kỳ cùng với chúng Đại Tỳ-kheo 1250 người.

Bấy giờ, vào lúc thích hợp, Đức Thế Tôn khoác y cầm bát vào thành khất thực. Lúc bấy giờ tại thành La-duyet-kỳ có con trai của trưởng giả tên là Thiện Sinh, vào buổi sáng sớm, ra khỏi thành, đi đến khu vườn công cộng sau khi vừa tắm gội xong, cả mình còn ướt, hướng đến các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, Trên, Dưới mà lạy khắp cả.

Phật lại bảo Thiện Sinh:

- Có bốn hạng người thân đáng thân vì thường đem lại lợi ích và che chở. Những gì là bốn?

1- Ngăn làm việc quấy. 2- Thương yêu. 3- Giúp đỡ. 4- Đồng sự. Đó là bốn hạng người thân đáng thân cận.

- Nay Thiện Sinh, hạng ngăn quấy thì thường làm bốn việc đem lại nhiều lợi ích và hay che chở:

1- Thấy người làm ác thì hay ngăn cản. 2- Chỉ bày điều chánh trực. 3- Có lòng thương tưởng. 4- Chỉ đường sinh Thiên. Đó là bốn trường hợp ngăn cản việc quấy đem lại nhiều lợi ích và hay che chở.

- Hạng thương yêu thì thường làm bốn việc:

1- Mừng khi mình được lợi. 2- Lo khi mình gặp hại. 3- Ngợi khen đức tốt mình. 4- Thấy mình nói ác thì tìm cách ngăn cản. Đó là bốn điều thương yêu đem lại nhiều lợi ích và hay che chở.

- Hạng giúp đỡ có bốn việc. Những gì là bốn? Đó là:

1- Che chở mình khỏi buồn lung. 2- Che chở mình khỏi hao tài vì buồn lung. 3- Che

chở mình khỏi sợ hãi. 4- Khuyên bảo mình trong chỗ vắng người.

- Hạng đồng sự thì thường làm bốn việc:

1- Không tiếc thân mạng với bạn. 2- Không tiếc của cải với bạn. 3- Cứu giúp bạn khỏi sợ hãi. 4- Khuyên bảo bạn lúc ở chỗ vắng người.

Nói như vậy xong, Đức Thế Tôn lại nói bài tụng:

Bạn ngăn ngừa điều quấy

Bạn tử mẫn thương yêu

Bạn làm lợi ích bạn

Bạn đồng sự với bạn.

Đó bốn hạng đáng thân

Người trí đáng thân cận

Thân hơn người thân khác

Như mẹ hiền thân con.

Muốn thân người đáng thân

Hãy thân bạn kiên cố

Người bạn đủ giới hạnh

Như lửa sáng soi người".

(Kinh Trường A-hàm, kinh Thiện Sinh, số 16 [trích])

Theo tuệ giác của Thế Tôn, bốn hạng người nêu trên đáng để thân cận, vì họ thường đem lại lợi ích và hay che chở cho mình. Ai ngăn ta làm ác, người ấy thật dũng cảm, rất đáng thân cận. Ai biết sẻ chia, mừng khi ta được lợi và lo khi ta bị hại, người ấy thực sự yêu thương ta, rất đáng thân cận.

Ai che chở cho ta khi lo sợ, khi buồn lung, khi thất thế sa cơ, người ấy hết lòng giúp đỡ ta, rất đáng thân cận. Ai sống hết mình, không tiếc thân mạng và tiền của, không nề lao nhọc, lại còn khuyên bảo ta tề nghị, kín đáo và chân tình, người ấy thực sự đồng hành với ta, rất đáng thân cận.

Ở đời, tìm ra những hạng người có bốn đặc điểm kể trên để thân cận là rất khó. Phải có nhân duyên, quan trọng là phải thành tâm hướng thiện thì mới có thể gặp gỡ và kết duyên lành với bạn tốt lâu dài. Gặp được người tốt mà mình chỉ nhờ cậy và không sửa mình cho tốt thì duyên lành ấy cũng chóng tan. Thế nên, phải phát khởi thiện duyên, nguyện sửa mình để sống lành mới mong gặp được bạn tốt, để cùng nhau xây dựng một cộng nghiệp hạnh phúc, an vui.

HÃY TỰ HỎI, TỰ HỎI...

*Covid-19 chưa qua
“B.1.1.7” (*) biến ra kinh hoàng!
Vaccine thiếu thốn mọi đàng
Trị gốc chưa kịp, nay tàn lá bung!*

*Còn ngơ ngẩn trước tin hung
Thì biến thể tiếp, nhập chung cho đầy!
“B.1.3.5.1” (*), gì đây?
“B.1.617” (*) bủa vây chập chùng!*

*Nhân loại công nghiệp tang thương
Trải cùng ba cõi, sáu phương Ta-bà
Ai ơi, tự hỏi: “Phân ta,
Trả chưa? Bao lỗi làm qua dặm trình?”*

*Mỗi người tự trả phần mình
Mối mong công-nghiệp giảm khinh nguy nàn
Tự hỏi, tự hỏi ... không ngừng
Bóng gương sẽ hiện tỏ tường trước sau*

*Thấy rồi, xin cất bước mau
Nương lời Phật dạy, có đâu xa vơi
Ngay nơi tâm-sám-hối này
Lánh ác, làm thiện, nghiệp dầy sẽ tan
Nam Mô Phật. Nam Mô Pháp. Nam Mô Tăng.*

(Tào-Kê tịnh thất – Tụng lay Sám Pháp
Lương Hoàng Sám, hồi hướng bình an tới
thảm họa khắp nơi)

(*) “B.1.1.7” – “B.1.351” - “B.1.617” :
Những ký hiệu của Covid-19 biến thể.

Chỉ mới quán chiếu thiên tai, nhân tai
liên tục từ đầu Xuân 2021, thì nội địa
Hoa kỳ, miền Houston, Texas ngập trong
bão tuyết tề hại nhất thế kỷ này, khiến bất
ngờ hệ thống cung cấp điện, nước sụp đổ;
người già, trẻ nhỏ, chết công trong không
gian mênh mông buốt giá như cảnh địa
ngục Hàn-băng!



Rồi bạo loạn kỳ thị chủng tộc, người
tàn hại người, bất kể nơi chốn nào, thời
gian nào, bất kể tuổi đời già trẻ, bất kể
giới tính nam nữ gì!

Chớm Hạ thì trải khắp Ấn Độ là thảm
họa kinh hoàng nhất mà hoạch-khổ trần
gian đang giáng xuống vì đại nạn Covid-
19 chợt bùng phát gia tăng kỷ lục, vượt
khỏi khả năng chống đỡ của quốc gia
này! Người chết khắp nơi, chết trên
đường phố, chết ngoài bệnh viện, chết
trên xe cứu thương ... Những khu hỏa
táng tập thể ngoài trời đã không đủ củi để
thiêu xác người chết, nên bao cây xanh
đang bị đốn !!! ... Mọi dịch vụ cứu nguy
hoàn toàn bất lực vì thiếu hụt mọi bề!...



Khắp đại địa hành tinh này đang cộng
nghiệp, cùng chịu chung biết bao tai
ương, dường như chưa từng thảm khốc,
chưa từng kinh hoàng như vậy qua hàng
thế kỷ nay !!!

Nam Mô Đại Từ Đại Bi Tầm Thanh Cứu
Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Bồ Tát

thơ HUỆ TRÂN



TU SỬA NĂM CĂN

(*Câu Chuyện Cuối Tuần*— bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

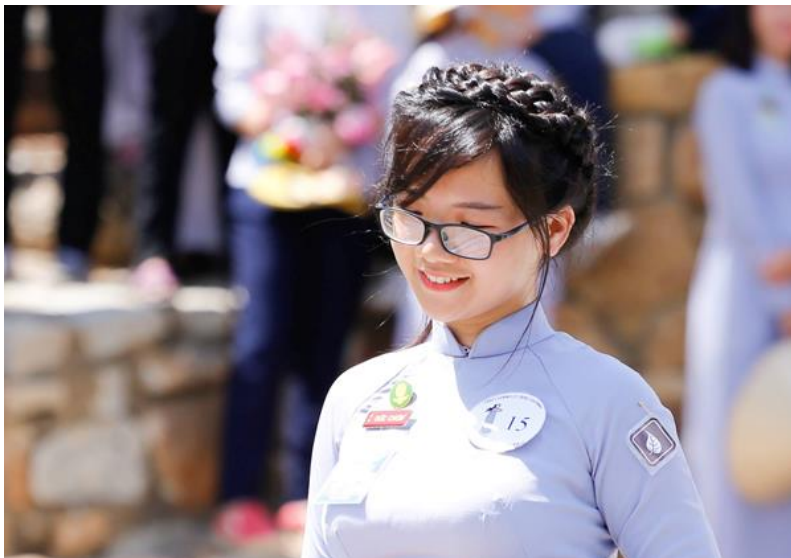
Thưa ACE Áo Lam,
Với tâm tình thức chúng ta đang làm Phật. Ví dụ khi chúng ta tụng kinh, ngồi thiền, niệm Phật, lắng nghe giảng Pháp, tụng Giới... với tâm định tĩnh, không khởi bất cứ niệm gì dù thiện hay bất thiện như tham, sân, si,... thì đó là chúng ta đang tỉnh thức, đang sống với tâm Phật. Như kinh Pháp Hoa có dạy: mục đích của chư Phật ra đời là để CHỈ cho chúng sanh NGỘ NHẬP TRI KIẾN PHẬT. Ngộ nhập Tri kiến Phật là gì? — Là thấy biết như Phật => Thấy biết NHƯ THẬT. Tất cả ACE chúng ta đều đã biết những chúng ta chưa thực hiện một cách rõ ràng, không thực sống, không áp dụng thường xuyên vào đời sống hằng ngày nên chỉ làm Phật trong khoảnh khắc, hôm nay chúng ta quyết tâm tìm những phương pháp để thực hiện việc **thấy biết như thật**. Đây gọi là **TU/ SỬA**, là sửa cái NHÌN, cái NGHE... của mình sao cho nó NHƯ THẬT.

Chúng ta thấy biết được thế giới bên ngoài là nhờ MẮT, TAI, MŨI, LƯỖI, THÂN VÀ Ý (TÂM). Thiền sư Achan Chah nói: Đạo giản dị là Bát Chánh đạo thực hành ở ngay trong chúng ta; đó là 2 mắt, 2 tai, 2 mũi, 1 lưỡi và 1 thân. Khi 6 căn tiếp xúc với 6 trần nếu không biết phòng vệ cái Tâm của mình để nó phóng ra, chạy theo 6 trần thì phiền não khổ đau sẽ theo đó mà kéo tới, đọng đầu thì dính mắc đó, và chính sự dính mắc là nguyên nhân của đau khổ phiền não, sinh tử luân hồi... Vài ví dụ:

Sự dính mắc của con MẮT đối với Sắc trần: khi mắt nhìn mà thiếu ánh sáng của chánh niệm thì HAM MUỐN liền khởi, Tâm liền dao động, ưa-ghét, lấy-bỏ, liền hiện ra dưới đủ mọi hình thức... Thế gian luôn có sự bất đồng, ta không thể đòi hỏi sự tương đồng, ngược lại, ta phải học hỏi từ những bất đồng đó có những điểm tương đồng bên trong mọi sự vật: đó là tính vô thường, vô ngã (không thực có) của chúng. Con người cũng vậy, những bất đồng về văn hóa, chính trị, tôn giáo, ngôn ngữ, tư tưởng, tình cảm...

Ngoài ra, trong chính bản thân chúng ta cũng có những cặp bất đồng: an lạc & phiền não, tĩnh lặng & dao động, hạnh phúc & đau khổ... Chúng ta phải thấy rõ là cả 2 phần tử trong mỗi cặp đều có cùng một bản chất là vô thường, vô ngã nên không tồn tại lâu dài (không ai có hạnh phúc 100 năm cũng không ai đau khổ suốt đời). Từ đó, ta nhận ra được sự tương đồng bên trong mọi người, mọi sự vật hiện tượng và ta sẽ biết cách cư xử và đối diện với những bất đồng bên ngoài một cách khôn ngoan, không còn Ham thuận lợi - ghét trở ngại, Ưa hạnh phúc - ghét khổ đau, Ưa người giống mình - Ghét người khác mình v.v... Nói cách khác, nó giúp ta dần dần có một cái Tâm cân bằng, ta sẽ được an lạc và có khả năng đem lại an lạc cho mọi người quanh ta. Tóm lại, khi 6 căn tiếp xúc 6 trần mà không dính mắc => Bồ đề/ Niết Bàn, nếu dính mắc => Sinh tử / Luân hồi ("đối cảnh không Tâm mặc vấn thiền" — đối cảnh mà Tâm không động thì khỏi hỏi thiền nữa — vì đó chính là Thiền rồi).

Sự dính mắc của TAI đối với âm thanh (Thanh trần): những lời khen, tiếng chê, lời qua tiếng lại cũng làm Tâm dao



động / dính mắc. Nếu chỉ thích nghe khen, ghét nghe chê... như vậy THÌ LỖ TẠI CHỈ LÀM VIỆC CÓ MỘT NỬA. Tất cả mọi âm thanh đều là pháp, những lời nói dữ là thử thách sự kiên định của Tâm, là pháp rèn Tâm, là pháp điều phục Tâm dao động... Như vậy những lời nói dữ thật ra bản chất nó không dữ mà ta chấp nó dữ vì ta còn bị vướng mắc vào âm thanh nên không thấy được thật tánh của ngôn ngữ. Quán sát âm thanh thuần túy là âm thanh ta hiểu được Đạo, những lời khen tự nó không xấu nhưng chấp vào nó thì nó trở thành độc được. Thật vậy, khen hay chê đều không thể biến ta thành người khác; khi ta điềm nhiên trước những âm thanh của một người chê bai hay chửi mắng ta là ta đã độ được Tâm mình, độ được người ấy mà cũng chính người ấy đã độ ta...

MŨI & LƯỖI cũng có những cái tội :

"Mũi ưa ngửi mùi hương bất tịnh, Lưỡi dẹt thêu lằm chuyện cay cọ, Thân ưa dùng gấm vóc se sua, Ý ưa nghĩ bao la vũ trụ..."

Tu cái Mũi là biết THỞ TRONG CHÁNH NIỆM ("thở vào biết thở vào, thở ra biết thở ra," không chú ý đến gì ngoài hơi thở, quán "hơi thở vào mà không ra hay ra mà không vào" là chết).

Cái tội của Lưỡi là ĂN và NÓI. Tham ăn cũng gây ra tội. TU cái Lưỡi là khi ăn phải cẩn trọng, phải quán "thức ăn này để nuôi sống THÂN, ko tham ăn, phải biết ơn những người trực tiếp và gián tiếp cung cấp cho mình... Ăn trong chánh niệm, thì thức ăn mới lợi cho cơ thể. Lời nói có thể cứu một mạng người, cũng có thể làm sụp đổ một ngai vàng.

Thực hành được chừng đó thôi, chúng ta sẽ thoát được một lượng rất lớn phiền não rồi.

Thân kính chúc Anh Chị Em "một ngày như mọi ngày, an lạc và thành thới.

Trân trọng,

NAL



ĐANG RƠI

*Dường như mọi thứ đều đang rơi
Lòng lững trôi đi
Buổi sáng rơi trên nhánh cây, trôi trên thành phố
Trôi qua tâm tưởng
Trôi qua chiếc cầu vồng của mắt của tai
Chậm chậm, êm ả.*

*Chẳng thể nào dừng lại dù một sát na
Những cánh rừng già ngàn ngàn năm trước
Đang trôi trên từng thềm đất
Trong từng mở rộng không ngừng chuyển động
hóa thân.*

*Cốc nước lã hay một cốc bia
Vẫn đang trên hành trình
Về vô tận
Về sự pha màu của mặt trời
Của điệp lục tố
Của mưa nắng thủy triều.*

*Hay chỉ là sự lãnh hội
Cánh rừng mưa.*

thơ

LÝ THỪA NGHIỆP

LỄ PHẬT ĐẢN MÙA DỊCH

Đồng Thiện

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Thế là cơn dịch Coronavirus hoành hành sang năm thứ hai, tình hình dịch bệnh ở Âu-Mỹ đã lắng xuống và nhịp đời dần trở lại bình thường. Tuy nhiên ở Lào, Thái lan, Campuchia thì lại trở nặng, đặc biệt Ấn Độ – quê hương của đức Phật thì rơi vào tối tăm kinh khủng. Người nhiễm bệnh và người chết đều tăng đột biến, bệnh viện không còn khả năng chữa trị, Oxy hết, những lò thiêu và bãi thiêu xác đỏ lửa suốt ngày đêm. Cơn dịch này quả thật đáng sợ, cái đáng sợ hơn là những chủng biến thể mới nguy hiểm hơn và không ai có thể biết khi nào sẽ hết dịch. Các bác sĩ, nhà dịch tễ học, nhà khoa học... không một ai biết và dám nói dịch sẽ chấm dứt lúc nào.

Mùa Phật đản năm trước, hầu như tất cả các chùa viện trong nước cũng như hải ngoại đều đóng cửa. Mùa Phật đản năm nay có lẽ sẽ làm lễ được, nhưng vẫn phải hạn chế số lượng và quy mô buổi lễ, đồng thời vẫn phải tuân thủ những biện pháp phòng tránh dịch bệnh của chính quyền địa phương.

Việc tổ chức lễ Phật đản với quy mô lớn hay nhỏ, đông hay ít quả thật có ảnh hưởng tích cực đến số đông dân chúng và xã hội. Riêng với những Phật tử thuần thành, chân chánh và hiểu biết chánh pháp thì việc tổ chức lễ lớn hay nhỏ không thành vấn đề. Tổ chức lễ mừng Phật đản sanh để tỏ lòng biết ơn, tôn kính và mến yêu đức Phật. Tổ chức lễ Phật đản để tưởng nhớ công hạnh vô biên của ngài, để cúng dường và cũng có ý nghĩa “biểu diễn” làm gương cho những người chưa có niềm tin vững chắc, chưa có sự hiểu biết nhiều về Phật đạo. Tổ chức lễ Phật đản cũng là một cách đem đạo vào đời, đem Phật pháp đến với mọi người trong xã hội. Với những Phật tử hiểu biết chánh pháp thì việc biết ơn Phật, cúng dường Phật một cách thiết thực và đúng bản hoài của Thế Tôn cũng như chư Phật ba đời mười phương là học và hành theo đúng chánh pháp.

Hơn hai mươi lăm thế kỷ trước, khi đức Phật thị hiện ở vườn Lâm tỳ Ni (Lumbini), có thể nói đây là một sự kiện vĩ đại của loài người và chư thiên. Một vị chánh đẳng chánh giác đến với thế gian này để khai mở con đường giải thoát cho loài người, để đem ánh sáng giác ngộ phá tan tăm tối vô minh từ lịch kiếp. Thích Ca Mâu Ni là một vị Phật hiện tại,

một vị Phật có nhân thân được lịch sử loài người ghi nhận. Ngoài yếu tố lịch sử ra, còn có những yếu tố tâm linh và truyền thuyết, những yếu tố ấy mang nhiều ý nghĩa rất sâu sắc. Khi ngài được sanh ra và đi bảy bước trên hoa sen, chúng ta có thể hiểu cái ý nghĩa tượng trưng: Bảy hoa sen như là thất chúng, cũng có thể hiểu cách khác là tượng trưng cho ba thời và bốn phương. Phật có ở ba đời và khắp bốn phương hay mười phương cũng đồng một ý nghĩa. Thất chúng hay nói khác đi, rộng hơn là tất cả chúng sanh ai cũng có Phật tánh và ai cũng có thể thành Phật. Phật giống như hoa sen, hoa sen mọc trong bùn dơ nhưng vươn lên trên không để tỏa hương. Đức Phật cũng từ vũng bùn ngũ dục nhưng rồi ngài vượt qua, thoát ra, buông xuống để trở thành một người tỉnh thức, một bậc giác ngộ, một vị Phật chánh đẳng chánh giác. Đức Phật sơ sinh chỉ trời chỉ đất nói: “Trên trời dưới đất chỉ có mình ta.” Lời này, bài kệ này có nhiều dị bản nhưng chúng ta có thể hiểu căn bản là: Đức Phật là bậc tôn quý ở thế gian và xuất thế gian, chỉ có giáo pháp của đức Phật là con đường duy nhất để thoát khổ, là phương pháp đúng duy nhất để ra khỏi luân hồi, chấm dứt sanh tử. Đức Phật “biểu diễn” cho loài người xem: Thị hiện đản sanh, xuất gia tu tập, giác ngộ khai minh, thành đẳng chánh giác, tam chuyển pháp luân, độ sanh giáo hóa, vô dư niết bàn... Sở dĩ đức Phật thị hiện như một con người, sống như một con người để rồi buông bỏ và tu tập thành đẳng chánh giác, rồi ra đi như một con người... là để chứng minh cho mọi người thấy, ai cũng có thể thành Phật, nếu y cứ theo lời dạy của ngài. Đức Phật từng nói: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành.”

Vì sao đức Phật thị hiện ở thế gian này mà không phải ở cõi nào khác? Bởi vì chỉ có con người mới có khả năng tu hành để trở thành bậc giác ngộ. Cõi trời vốn nhiều phước báo, còn đắm say sự hưởng thụ dục lạc, dù là dục sắc giới hay vô sắc giới. Cõi địa ngục thì trường cửu thống khổ. Cõi ngạ quỷ triền miên đói khát và tối tăm. Cõi súc sanh thì mê mờ trong tham ăn, ngủ và giao phối. Cõi Atula (có thể kể riêng một cảnh giới, có thể là tính cách của những chúng sanh trong một số cõi khác) thì hung hăng loạn động... Tóm

lại chỉ có cõi người, loài người mới có thể dễ dàng thọ nhận và tu học Phật pháp. Con người dễ dàng tiếp nhận Phật pháp nhưng cũng cần phải có các căn đầy đủ, tinh thần không bệnh, có tín tâm... Làm người mà mắc vào tám nạn thì cũng khó tiếp cận được Phật pháp. Làm người nhưng cũng đừng quá nghèo, vì quá nghèo "Chạy ăn từng bữa mướt mồ hôi" thì tâm tư đâu nữa mà học Phật. Làm người cũng đừng quá giàu, quá giàu thì ngày tháng sống trong hoan lạc cũng chẳng có tâm tư để học Phật. Bởi thế mà nhà Phật thường nói: "Bần cùng bố thí nan," giàu sang học đạo khó là vậy!



Có được thân người đã khó, nghe được pháp còn khó hơn, "Nhơn thân nan đắc, Phật pháp nan văn", nghe mà hành theo thì "nạn trung chi nan", học và hành theo đúng chánh pháp thì lại "Nạn quá thử nan"! Thế gian này có không ít người có biết đến Phật pháp nhưng lại hành sai lệch, hiểu phiến diện, thậm chí cố tình bày vẽ hay diễn dịch theo ý riêng.

Khi Bà Ma Gia phu nhơn hạ sanh thái tử, nhân loại thăng lên một tầm vóc mới. Thế gian này có một thánh nhân ra đời, một bậc giác ngộ khai phá con đường sáng. Giáo pháp của ngài sẽ độ thoát vô số người. Đức Phật sanh ra với thân phật thái tử, có thừa danh thơm tiếng tốt, sắc đẹp dục lạc, ăn uống ẩm thực, chơi bời nghỉ ngơi... nghĩa là có tất cả những thứ mà người thế gian dồn cả thân tâm để mưu cầu tranh đoạt, vậy mà ngài vứt bỏ như dép rách, như gạch bể ngồi vụn. Ngài trải qua sáu năm khổ hạnh ở tuyết sơn. Ngài ngồi bốn chín ngày miên mật dưới cội cây bồ đề. Ngài đã hàng phục bao thứ ma quân sân hận, dục lạc... để rồi khi sao mai xuất hiện trên bầu trời thì thế gian chính thức có một vị Phật chánh đẳng chánh giác. Con đường trung đạo do ngài khai phá ra: "...Có hai cực đoan mà bậc xuất gia phải tránh: một là lợi dưỡng vốn hạ liệt, tục lụy, phàm phu, không thánh thiện, không lợi lạc; hai là khổ hạnh cũng không thánh thiện, không lợi lạc lại khổ đau" - kinh Chuyển Pháp Luân. Tuy lời kinh dạy các vị xuất gia nhưng hàng Phật tử tại gia vẫn có thể học và hành theo, vẫn có thể áp dụng vào trong đời sống. Phàm có gì căng quá hay chùng quá đều chẳng thể tốt cả!

Đức Phật thị hiện và đem giáo pháp chỉ dạy loài người, chư thiên. Từ đó nhiều người thoát sanh tử luân hồi, lớp lớp người vượt qua khổ đau, ràng buộc mà sống đời an lạc. Đạo Phật ngày nay đã có mặt khắp năm

châu. Người con Phật giờ đây đủ các sắc tộc màu da khác nhau, đủ các sắc thái văn hóa truyền thống khác nhau. Cái thân tứ đại tuy khác, cái tập quán văn hóa khác nhưng tánh giác thì hoàn toàn như nhau. Dù màu da nào, dù chủng tộc nào cũng đều có thể tu tập và có thể giác ngộ cả, nếu y cứ theo chánh pháp!

Ngày Phật đản sanh là ngày vui, ngày thiêng liêng và trọng đại của nhân loại. Dù là

với truyền thống nào, tông môn pháp phái nào, dù ở quốc độ nào... Người con Phật cũng đều hoan hỷ và thanh tịnh tâm để tưởng niệm đức Phật. Xu thế chung hôm nay và cũng được liên hiệp quốc công nhận, lễ Vesak là ngày lễ chung của toàn thể Phật giáo đồ nói riêng, của Liên Hiệp Quốc nói chung. Lễ Vesak bao gồm cả ngày đản sanh, ngày thành đạo và ngày nhập niết bàn của đức Phật. Đây là ba dấu mốc quan trọng tiêu biểu trong cuộc đời thị hiện của đức Phật cũng như của đạo Phật. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng như chư Phật ba đời mười phương. Các ngài thị hiện là vì một đại sự nhân duyên: "Khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến" như kinh Pháp Hoa đã dẫn.

Hoan hỷ và cung kính ngày đản sanh của đức từ phụ lưỡng túc tôn:

*Phật đã về đây sáng ánh dương
Vô biên trí huệ với tình thương
Bốn sư chỉ dạy con đường đạo
Trời người ba cõi cả mười phương*

*Thị hiện nơi này một sớm mai
Dưới cội ưu đàm nhụy mẫn khai
Khắp xứ chim ca hoa ngát hương
Chúng con kính lễ tưởng Như Lai*

*Bên cội bồ đề chánh biến tri
Lên đường giáo hóa kể từ khi
Vườn Nai xe pháp ba lần chuyển
Mở đường liễu thoát khuyến tấn đi*

*Những việc cần làm nay đã xong
Cát tường ngài ngọa đáng thông dong
Hàng cây song thọ an lành nhập
Bản hoài đức Phật thật mệnh mông*

*Trăng sáng nhân gian giữa tháng tư
Tưởng nhớ Thế Tôn đáng đại từ
Trời, người kính ngưỡng ơn sư phụ
Đến đi giáo hóa thị chơn như.*

ĐỒNG THIÊN
Ất Lăng thành, 05/2021

TỈNH THỨC VỚI TÂM KHÔNG BIẾT

Nguyễn Giác

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Củ đề bài này là nói về tỉnh thức với tâm không biết. Như thế, nghĩa là những gì rất mực mênh mông, vì cái biết luôn luôn là có hạn, và cái không biết luôn luôn là cái gì của vô cùng tận. Cũng là một cách chúng ta tới với thế giới này như một hải nhi, rất mực ngây thơ với mọi thứ trên đời. Và vì, bài này được viết trong một tỉnh thức với tâm không biết, tác giả không đại diện cho bất kỳ một thẩm quyền nào. Độc giả được mời gọi tự nhìn về thế giới trong và ngoài với một tâm không biết, nơi dứt bật tất cả những tư lường của vô lượng những ngày hôm qua, nơi vắng lặng tất cả những mưu tính cho vô lượng những ngày mai, và là nơi chảy xiết không gì để nắm giữ của vô lượng khoảnh khắc hôm nay. Khi tỉnh thức với tâm không biết, cả ba thời quá, hiện, vị lai sẽ được hiển lộ ra rỗng rang tịch lặng như thế. Đó cũng là chỗ bà già bán bánh dân Kinh Kim Cang ra hỏi ngài Đức Sơn về tâm của ba thời.

Duyên khởi của bài này là, mới tuần trước, đạo hữu Quý Lê có gửi qua email hai đoạn văn tiếng Anh của ngài Krishnamurti, và ghi nhận: "Đây giống như công án nhà Thiền mà thiền sinh thường tư duy." Khi dò tìm qua mạng, thì biết hai đoạn này trích từ sách "The Book of Life" của J. Krishnamurti" và là đề mục của ngày 20 tháng 12.

Nơi đây, xin dịch sang tiếng Việt như sau:
"Tôi không biết..."

"Nếu một người có thể thực sự tới trạng thái nói rằng, 'Tôi không biết,' nó cho thấy một cảm thức dị thường của khiêm tốn; không có cái kiêu hãnh của kiến thức; không có câu trả lời khẳng định tự ngã để gây ra ấn tượng. Khi bạn có thể thực sự nói, 'Tôi không

biết,' mà rất ít người có khả năng nói như thế, rằng trong trạng thái đó tất cả sợ hãi đã ngưng lại bởi vì tất cả cảm thức của sự công nhận, sự tìm kiếm vào ký ức, đã tới chỗ kết thúc; không còn tìm kiếm gì nữa vào những cái đã được biết. Thế rồi, một điều dị thường hiển lộ ra. Nếu bạn cho tới giờ lắng nghe điều tôi nói, không chỉ bằng lời nói, nhưng nếu bạn đang thực sự kinh nghiệm nó, bạn sẽ thấy rằng khi bạn có thể nói, 'Tôi không biết,' tất cả [mạng lưới] nhân duyên ngưng lại. Và lúc đó cái gì là trạng thái của tâm?

Chúng ta đang tìm kiếm những gì vĩnh cửu – nói vĩnh cửu trong ý nghĩa thời gian, những gì bền vững, những gì trường tồn mãi mãi. Chúng ta thấy rằng mọi thứ về chúng ta là vô thường, là trôi chảy, là đang sinh ra và đang lui tàn, và đang chết đi, và cuộc tìm kiếm của chúng ta luôn luôn là để dựng lập một điều gì để bền vững trong những cái đã được biết. Nhưng rằng, cái linh thánh thực sự là siêu vượt qua những đo lường của thời gian; nó không được tìm thấy trong những cái đã được biết." (1)

Người viết đã trả lời email đạo hữu Quý Lê rằng: "Hay quá. Tuyệt vời. Lần đầu tiên H. đọc thấy đoạn văn này. Đúng là Thiền Tông. Không gì khác. Cảm ơn. Kính thân." Nhưng không chỉ là Thiền Tông, đó cũng là lời Đức Phật dạy nhiều lần trong Kinh Nhật Tụng Sơ Thời (2), những bài kinh Đức Phật cho chư tăng tụng hàng ngày trong các năm đầu tiên thành lập tăng đoàn.

Đọc như thế, mới chợt nhớ tới Abhidharmakośakārikā (A-ti-đạt-ma-câu-xá luận) với 600 bài kệ của ngài Vasubandhu soạn từ thế kỷ thứ 4 hay 5. Về sau bộ luận này được ngài Samathadeva đúc kết thành



Tâm, Nơi

một cảm nang gọi là Upāyikā, có tính cố định, trong đó bản Tạng ngữ duy nhất còn lại đang được dịch ra Anh văn. Có một phẩm đặc biệt, mang ký số là “Upāyikā 9.004” chỉ có một dòng chữ: “Consciousness arises in dependence upon whatever causes and conditions.” (Dịch: Thức khởi dậy, dựa vào các nhân và các duyên.) (3)

Chỉ một câu như thế thôi, chỉ một dòng chữ thôi. Để chỉ vào cội nguồn Tứ Đế. Như thế, toàn bộ Khổ Đế và Tập Đế là nhân và duyên khởi dậy. Như thế, toàn bộ Đạo Đế và Diệt Đế là khi tịch lặng các nhân và các duyên này. Và ngay khi đó, là lời dạy cốt tủy của Đức Phật. Nơi đây, không có lối vào, theo Thiền Tông. Vì tất cả các phương pháp tu hành mà Đức Phật phương tiện dạy, chỉ là ngón tay chỉ trăng. Nói không có lối vào, là nói tất cả các lối đi đều nương vào thức. Nhưng khi, ngay những người đời thường như chúng ta, nói rằng, “Không biết nữa, xin thôi.” Hể lúc đó lặng lẽ nhìn vào tâm không biết, thì ngay khi đó sẽ vắng bật tham sân si, vì tham sân si luôn luôn sinh khởi từ những cái được biết, là dựa vào những cái được thấy, được nghe, được cảm thọ và được thức tri. Chính là lời ngài Trần Nhân Tông nói rằng khi *đối cảnh* (tỉnh thức với nội xứ và ngoại xứ) mà *vô tâm* được (tỉnh thức với tâm không biết) thì chẳng cần gì tới cái gọi là thiền. Bất kỳ ai cũng có thể tự nghiệm ra, tùy mức độ. Nơi đây, cũng là hoàn mãn Bát Chánh Đạo, vì trong cái tỉnh thức nhìn vào tâm không biết, không một mảy may nào của tham sân si dấy lên nữa: tất cả tham sân si đều là những trận mưa bụi của thức ngày hôm qua.

Khi có được kinh nghiệm như thế, sẽ dễ dàng kinh nghiệm Chương 2 trong sách Trung Luận của ngài Long Thọ. Trong đó, bản Việt dịch của Thầy Thích Thiện Siêu là “Phẩm 02: Quán Về Đi Lại” (4) -- trong khi bản Anh dịch của Jay L. Garfield là “Chapter II: Examination of Motion.” (4)

Nơi đây, bạn sẽ hạnh phúc vô cùng khi trải qua kinh nghiệm rằng khi đang bước, đang đi, đang nhấc chân lên, đang đặt chân xuống, đang chuyển động... nhưng đồng thời cũng thấy rằng không hề có cái gì đang đi, không hề có cái gì gọi là đi, không hề có cái gì gọi là chuyển động. Tứ Thánh Đế hiển lộ ra như thế, chuyển động nhưng rất là rỗng rang tịch lặng.

Trong trường hợp học nhân không ngộ



được ý chỉ, không kinh nghiệm được như các chỗ vừa nói, ngài Long Thọ (600-650) trao một phương tiện quán tâm, trong phần Tứ Niệm Xứ của sách Maha Prajnaparamita Sastra (Luận Thư Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa). Nơi đây, chúng ta chỉ dịch phần Niệm Tâm, dựa vào bản Anh dịch của đại sư Gelongma Karma Migme Chödrön trong ấn bản 2001. Cũng nên ghi nhận, nơi đây, ngài Long Thọ không hoàn toàn dạy niệm tâm như truyền thống, mà là chỉ vào thực tướng vô tướng, chỉ vào pháp ấn vô ngã. Bởi vì,

trong cái tỉnh thức rỗng rang này: niệm tâm mà không thấy còn tâm nào để niệm, mới thực là niệm tâm pháp ấn. Xin dịch như sau.

“Niệm tâm. Niệm tâm là gì đối với bồ tát? Bồ tát quán sát nội tâm. Nội tâm có 3 đặc tướng: sinh, trụ và diệt. Hãy nghĩ thế này: ‘Tâm này không tới từ đâu, và khi biến mất thì không đi về bất cứ đâu. Nó khởi dậy từ một mớ rối bởi phức tạp của nội và ngoại của nhân và duyên.’

Tâm này không cố định, không có thực tánh, không hề có thực là sinh, trụ hay diệt; nó không hiện hữu thực ở quá khứ, tương lai hay hiện tại. Tâm này không ở trong, không ở ngoài, không giữa trong/ngoài. Tâm này cũng không có tự tánh, không có đặc tướng, và không có gì sinh khởi hay bất cứ gì làm cho nói sinh khởi. Bên ngoài, có nhiều nhân và duyên chẳng chịt nhau, tức là có 6 xứ (ND: tức là, 6 cảnh gặp 6 căn); còn bên trong, là vọng tưởng. Nhưng vì sự tiếp nối liên tục của sinh diệt, tên gọi là tâm (citta) theo thói quen gọi cho tất cả các pháp vừa nói.

Tự tánh thực của tâm không hề hiện hữu trong tâm này. Trong tự tánh của nó, tâm không hề sinh ra và cũng không hề diệt. Tâm này luôn luôn sáng chiếu, nhưng, vì ái dục bám vào, cho nên chúng ta nói [một cách sai lầm] về một tâm ô nhiễm. Tâm không tự nhận biết chính nó. Tại sao? Bởi vì tâm này trống rỗng, không có đặc tính nào của tâm. Từ khởi đầu cho tới tận cùng, tâm này không có tánh thực nào cả.

Tâm này không nối kết, cũng không tách lìa các pháp. Nó không hề có gì trước, hay sau, hay giữa. Nó không có màu sắc, không hình dạng, không đối kháng. Nó sinh khởi chỉ từ các lỗi lầm và sai trật. Tâm này thì trống rỗng, không hề có cái gì là ‘tôi’ hay ‘của tôi’; nó vô thường và không thật. Đó là xem xét về tâm.

Nhận biết rằng bản tánh của tâm là vô sanh là vào được 'các pháp vô sanh'. Tại sao? Bởi vì tâm không hề có sinh, không hề có bản tánh nội tại nào, và cũng không hề có đặc tướng nào. Người trí có thể biết nó. Và mặc dù người trí xem xét các đặc tính sanh và diệt của tâm này, sẽ không tìm ra cái sinh khởi thực, cũng không tìm ra cái tịch diệt thực. Không tìm ra bất kỳ nhiễm ô nào, cũng không hề tìm ra thanh tịnh nào trong đó, người trí nhận ra tắng sáng chiếu của tâm, tắng sáng chiếu từ giới hạnh mà trong đó tâm không bị ô nhiễm bởi ái dục.

Đó là cách bỏ tất quán sát nội tâm, và tương tự với ngoại tâm, và cả nội tâm và ngoại tâm." (5)

Cứ quán sát như thế, cứ tự nhìn như thế. Nhìn vào khi thức khởi dậy của tâm nhận biết bên trong, và rồi của tâm nhận biết bên ngoài. Rồi sẽ nhận ra cái tâm vốn rỗng rang, vốn tịch lặng, cái tâm không hề sanh khởi. Cũng là cái tâm bao trùm cả "có niệm" và "không niệm" và là cái tâm bất động, y hệt như tánh chiếu của gương, hiện ra tất cả mọi cảnh di động sinh diệt nhưng tánh gương vẫn bất động, không từng suy suyển xê dịch. Và hiển lộ của tánh này chính là cái tâm không biết, cái tâm của sự ngây thơ cực kỳ. Chính ngay ở cái nhìn đó, tất cả các pháp hiện ra thực tướng chính là không hề có tự tánh gì. Tất cả chỉ như chùm bọt sóng, như khói sương mai, như quầng nắng chiếu, như tia điện chớp.

Nơi đây xin ghi lại một đoạn ở trang 115 từ sách "Thiền sư Nhẫn Tế: 80 Năm Kỷ Niệm Tây Du Phật Quốc" nơi bài Dưới Chân Thầy do sư huynh Nhứt Như Thị Giới kể về Thầy Thích Tịch Chiếu (cũng là bốn sư của người viết):

"Có lần Thầy đang ngồi đốt vàng mã do một Phật tử nhờ, một người thấy vậy đến hỏi Thầy: 'Thầy tin việc này sao Thầy?' Thầy chỉ ngói chùa, trả lời: 'Ông tưởng ngói chùa này là thật hay sao?'..." (6)

Chúng ta có thể đơn giản nghĩ như thế này. Chúng ta sinh ra tại một quốc độ, trong một gia đình, một thị trấn, được đặt cho một tên gọi, rồi vào học một vài trường, lớn lên trong một xã hội, từ đó chúng ta trở thành dị biệt nhau. Hoặc là người Nam, Trung hay Bắc. Hoặc học nhiều hay ít. Hoặc ưa ca vọng cổ, hay hò Huế, hay quan họ. Theo khẩu vị từ nhỏ, chúng ta hoặc ưa thích ăn cơm, hay mì sợi, hay bánh mì. Tất cả các nhân duyên chẳng chịt nhiều đời đã đưa chúng ta vào nơi này, nơi kia, tập nhiễm để sống theo mô hình này, mô hình kia. Cứ mỗi ngày, lại trùm vào người thêm một lớp vỏ. Nhưng rồi một hôm, được đọc Kinh Phật, được Đức Phật dạy rằng hãy buông bỏ hết tất cả những gì không phải là ta, là của ta. Y hệt như lột vỏ thân cây

chuối, thức dù là quá khứ, hiện tại hay vị lai đều là rỗng không, y như trò chơi ảo thuật, hề nắm giữ ảo hóa chỉ là dày đặc thêm sinh tử luân hồi.

Như thế, hãy tự lột vỏ chuối thì sẽ thấy lõi cây chuối sẽ là không. Thấy được thức là từ nhân duyên, sẽ tự thấy ngay tâm không biết, và chính ngay nơi tâm này thức sẽ không có gì để bám víu. Chỗ này, nhà sư Dogen (Đạo Nguyên) của Tào Động Nhật Bản gọi ngắn gọn là "Buông bỏ thân tâm."

Như thế, tỉnh thức với tâm không biết này, sẽ không còn thức nào có chỗ trụ. Đức Phật trong Kinh SA 63, bản dịch hai thầy Tuệ Sỹ - Đức Thắng là:

"Này Tỳ kheo, Ta nói thức không trụ Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn bên, trên, dưới, ngoại trừ ngay trong đời hiện tại sẽ nhập Niết-bàn, diệt tận, tịch tĩnh, thanh lương." (7)

Hãy hình dung rằng mình đang tự lột bỏ hết tất cả những cái đã biết. Lúc đó sẽ không còn thấy mình là Đông, Tây, Nam hay Bắc, không còn thấy mình là vọng cổ hay quan họ, không còn thấy mình là Tây, Tàu, Mỹ, Việt, Hàn, Nhật... gì nữa. Chỉ còn là một đạo nhân trần trụi giữa cuộc đời này. Khi không còn một thức nào dính vào sắc thanh hương vị xúc pháp nữa, chính nơi đó ngay cả một lời cũng không bận tâm để mở miệng. Lúc đó tâm hành giả sẽ kinh nghiệm được tịch tĩnh, thanh lương, và khi nào diệt tận thì đó là Niết Bàn, như lời Đức Phật dạy.

Tới đây, một câu hỏi có thể khởi dậy: sao không vào sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền? Than ôi, khi đã thấy được tâm không bệnh, thấy cái tâm chưa từng vướng bệnh, thì uống thuốc chữa trị cái gì nữa. Đức Phật gọi đó là các trường hợp giải thoát thuần túy bằng tuệ, gọi là tuệ giải thoát.

Kinh này là SN 12.70. Ngài Susima do ngoại đạo gài vào xuất gia để học pháp Phật. Ngài Susima nhìn thấy nhiều vị Tỳ kheo tới trước Thế Tôn và tuyên bố như sau: "*Chúng tôi biết rõ rằng: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa.'*" Đức Phật ẩn khải, chấp nhận.

Tỳ kheo Susima mới hỏi các vị tỳ kheo, và được quý vị này trả lời rằng, quý ngài không đắc thần túc thông, không đắc thiên nhĩ thông, không đắc tha tâm thông, không nhớ về kiếp trước, không đắc thiên nhãn, không đắc định Sắc giới, không đắc định Vô sắc giới... nhưng thật sự các vị đều đã là bậc A la hán, đã vào Niết Bàn dư y, và đã vượt khỏi ba cõi sáu đường. Câu trả lời của các vị này cho Tỳ kheo Susima là: "*Thưa Hiền giả Susima, chúng tôi chúng được tuệ giải thoát.*"

Ngài Susima mới hỏi trực tiếp Đức Phật rằng tuệ giải thoát là gì. Đức Phật trả lời: "...

trước hết là trí về pháp trú, sau là trí về Niết-bàn.” (theo bản dịch Kinh SN 12.70 của Thầy Minh Châu). Bản Anh dịch Sujato là: “*Susīma, first comes knowledge of the stability of natural principles. Afterwards there is knowledge of extinguishment.*” Bản Anh dịch Bodhi là: “*First, Susīma, comes knowledge of the stability of the Dhamma, afterwards knowledge of Nibbāna.*” (8)

Kế tiếp, Đức Phật giải thích thêm cho ngài Susima, rằng pháp trú là thấu triệt pháp ấn “vô thường, khổ, vô ngã” trong tất cả sắc, thọ, tưởng, hành, thức, và đó là tuệ giải thoát. Lúc đó là ly tham, vì không gì còn dính nữa được.

Như thế, trong cái tỉnh thức là tham sân si này, không cần phải ngồi, không cần phải mài luyện cầu kỳ. Chỉ đơn giản là tỉnh thức với cái tâm là tham sân si đó bằng cái thấy nghe hay biết, mà không dính gì vào sắc thọ tưởng hành thức. Trong cách này, Thiền Tông đã trao ra một cây gậy đi đường là tỉnh thức với tâm không biết. Ngay khi đó, đi đứng nằm ngồi mà không hề thấy có cái gì đi đứng nằm ngồi, cũng không hề thấy có tướng đi đứng nằm ngồi, và đó là cái tịch lặng, cái hạnh phúc vô bờ bến.

GHỊ CHÚ:

- (1) Krishnamurti. I do not know: <http://legacy.jkrishnamurti.org/krishnamurti-teachings/view-daily-quote/20111220.php>
 - (2) Kinh Nhật Tụng Sơ Thời: <https://thuvienhoasen.org/a30590/kinh-nhat-tung-so-thoi>
 - (3) Upāyikā 9.004: <https://suttacentral.net/up9.004/en/dhammadinna>
 - (4) HT Thích Thiện Siêu, Trung Luận: <https://thuvienhoasen.org/p19a15697/pham-02-quan-ve-di-lai>
 - Garfield, The Fundamental Wisdom of the Middle: www.tinyurl.com/ym7hv24e
 - (5) Long Thọ: Niệm Tâm. <https://www.wisdomlib.org/buddhism/book/maha-prajnaparamita-sastra/d/doc225580.html>
 - (6) Sách Thiền Sư Nhân Tế: <https://thuvienhoasen.org/images/file/MTemVP6V0ggQAPE8/80-nam-tay-du-ky-phat-quoc.pdf>
 - (7) Kinh SA 64: <https://suttacentral.net/sa64/vi/tue-sy-thang>
 - (8) Kinh SN 12.70: <https://suttacentral.net/sn12.70/vi/minh-chau>
- Kinh tương tự bên A Hàm là SA-347: <https://suttacentral.net/sa347/vi/tue-sy-thang>



MỜI NHAU

*mời nhau một chén vui đầy
rót thêm chút nữa run tay thấm lòng
chiều về nghe tiếng thỉnh không
trong sương gió lạnh mênh mông hao gầy
nhìn kia sông núi cỏ cây
thoáng ai nức nở thảng ngày vọng mê
chợt nghe nổi nhớ đổ về
tiếng buồn hiu hắt trên quê hương mờ
đông phương thao thức đợi chờ
tây phương dao động bến bờ nửa đêm*

*mời nhau một cỗi êm đêm
rót thêm một chữ bên thềm rêu xanh
con chim nhớ núi chạy quanh
mùa đông suối nhỏ vô thanh gặt đầu
mai này ngồi cạnh bờ rau
áo thiền sư vẫn một màu lên ngôi
bài ca điệp khúc chuông đời
chữ theo sương gió vùn bời tắm thân
hải hoa màu đỏ ngai ngần
cắm vào chiếc lọ phân vân buổi chiều*

*mời nhau chút nữa điều hui
nghe sương gió lạnh chắt chiu thơ về
tóc thêm vài sợi trắng mê
rơi theo ả dụ vụng về lời kinh
đêm nghe mưa khóc giạt mình
khổ lên khung cửa thỉnh linh trần ai
giọt lã theo bóng hình hài
khuyết đầy mấy mảnh chữ bay theo đời
giọt lã dâu bể trùng khơi
tiếng kêu thật thảm gọi mời hiển linh*

thơ THY AN

Giới Thiệu Tác Phẩm

"*Từ Huyền Thoại Tới Tâm Kinh*"

của Cư Sĩ Nguyên Giác

Người ta thường cho rằng, khi con người có được hạnh phúc là đã thoát khỏi sự khổ đau. Nhưng khi có hạnh phúc, người ta lại quên mất bản tâm mình đang đắm chìm trong mê lầm và sự khổ đau lại xuất hiện. Phật giáo gọi cái đó là hạnh phúc thế gian, do duyên mà biểu hiện, hết duyên là biến diệt.

Do đó, để được tâm bình an thật sự thì điều quan trọng là chúng ta phải tự huấn luyện tâm. Một khi tâm vượt lên trên cả khổ đau và hạnh phúc, vượt ra ngoài cái đối đãi của thế gian như thiện và bất thiện hay có và không để không còn chấp giữ điều gì thì lúc đó chúng ta mới có được chân hạnh phúc và bình an thật sự. Đây chính là bản tánh của tâm. **Bản tâm** cũng được biết như là **tâm thanh tịnh**, tâm không dính mắc và cũng chính là Niết Bàn. Niết Bàn là mục tiêu tốt cùng của Phật pháp, là an lạc và giải thoát tận cùng của hành giả, không còn gì hơn nữa.

Tác phẩm "*Từ Huyền Thoại Tới Tâm Kinh*" là cuốn sách tổng hợp các bài viết về Phật học, với các đề tài có tính cách thực tiễn, thực dụng mà sau khi đọc xong có thể nắm bắt và thực hành ngay trong khi đi đứng nằm ngồi.

Như khi nhìn bọt nước, nhìn hạt sương mai, nhìn như cảnh huyễn, như mộng, huyễn, bào, ảnh. Đó là pháp Thấy Tánh. Đức Phật bảo phải nhìn, không bảo chúng ta phải ngồi tu luyện công phu. Ai thấy tất cả các pháp cõi này như thế trọn ngày, tự nhiên, là không còn pháp nào dính vào tâm nữa, và tức khắc giải thoát vì không còn gì ràng buộc.

Trong sách tác giả nhắc nhiều lần đến nhóm **Kinh Nhật Tụng Sơ Thời**, tức là nhóm kinh được chư tăng tụng hằng ngày trong những năm đầu Đức Phật hoàng pháp, có Kinh Bahiya Đức Phật dạy pháp khẩn cấp và ngắn gọn mà dễ thực hành miên mật là đưa đến giải thoát ngay trong đời, "*khi nghe chỉ là cái được nghe, khi thấy chỉ là cái được thấy...*" và lúc đó sẽ nhận ra không có ai đang nghe hay đang thấy. Thêm vào đó có Kinh Sn 5.10, trích lời Đức Phật dạy rằng "*không sở hữu gì hết, không dính mắc gì hết*" sẽ thoát được trần lũ lụt già chết. Tương tự như vậy nơi Kinh Kim Cang dạy rằng: "*ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*", tức là khi không còn chỗ nào để dính mắc, thì kỳ tâm, tức là tâm vô sanh hay Niết bàn Diệu tâm, mới hiển lộ.

Tác giả là một vị Cư sĩ đã ở Hoa Kỳ lâu năm, từng tu học với một số thiền sư tiền bối nổi tiếng trước 1975 như quý ngài Tịch Chiếu, Thường Chiếu, Thiền Tâm và Tài Quang. Cư sĩ Nguyên Giác không chỉ là một nhà học giả uyên thâm về Phật học mà còn là một hành giả thiền với nhiều kinh nghiệm tu tập. Ông đã xuất bản 12 cuốn sách về Thiền.

Tác phẩm "*Từ Huyền Thoại Tới Tâm Kinh*" là cuốn thứ 13, đã được phát hành trên mạng Amazon và bày bán trên các kệ sách của Amazon ở Âu Châu, nay xin được trân trọng giới thiệu đến quý độc giả.

Các chữ viết tắt trong sách này dựa theo tiêu chuẩn quốc tế, độc giả có thể tìm đọc ở Thư Viện Hoa Sen với các kinh: **DN** là Trường Bộ Kinh (**Digha Nikaya**), **MN** là Trung Bộ Kinh (**Majjhima Nikaya**), **SN** là Tương Ưng Bộ Kinh (**Samyutta Nikaya**), **AN** là Tăng Chi Bộ Kinh (**Anguttara Nikaya**), **Sn** là Kinh Tập (**Suttanipata**) trong Tiểu Bộ Kinh, **Ud** là Kinh Phật Tự Thuyết (**Udana**), và **SA** là Tập A Hàm.

Trân trọng kính giới thiệu.

Nhà xuất bản Ananda Viet Foundaton | Tâm Diệu



LỊCH SỬ VIÊN ASPIRIN

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG



Đa số những cơn đau mà con người thường gặp không phải gây ra do giải phẫu hoặc mới bị thương mà thuốc mê có thể dùng để chữa nhưng còn những cơn đau kinh niên như viêm xương khớp hoặc đau ngắn hạn như nhức đầu và đau răng thì chữa bằng cách nào. Với các đau này, một loại dược phẩm rất cần để giảm đau trong khi đó ta vẫn có thể đi làm được.

Vào mùa hè năm 1758, đức cha Edward Stone, ở Chipping Norton bên Anh bị sốt và viêm xương khớp. Vô tình ngài đã nhai cành của cây liễu trắng rất đắng, ngài rất ngạc nhiên mà thấy rằng cơn đau giảm. Ngài liền nghĩ ra cách để phơi khô và làm thành bột vỏ cây này và thử nghiệm để kiếm một liều hiệu nghiệm nhất. Trong vòng năm năm sau ngài tặng món thuốc này cho năm mươi người khác và đều thấy công hiệu. Vui mừng với sự khám phá của mình, ngày 25 tháng Tư năm 1763, ngài viết một bức thư cho bá tước Macclesfield, Hội trưởng Hoàng Gia, nhưng không được hồi âm.

Năm 1820, dược sĩ Thụy Sĩ Johana S.F. Pagenstecher bắt đầu lấy một chất từ lá của cây Spirea ulmaria, thường được gọi là lá dâu dê, rất công hiệu để giảm đau trong y học dân gian.

Báo cáo của Pagenstecher trên báo khoa học được đọc vào năm 1835 bởi nhà hóa học người Đức Karl Jacob Lowig, giáo sư hóa học ở Montpellier University. Ông cũng cố gắng thay đổi lá cây Spirea ulmaria để loại bỏ tác dụng phụ quan trọng như cơn đau kích thích

lớp lót của bao tử nhưng ông ta thấy phương pháp quá mất thì giờ cho nên đã bỏ.

Salicylic acid chỉ được một số người mà cơn đau trầm trọng hơn cơn đau của chính được phẩm. Một trong những người đó là Her Hoffman, sống ở thành phố Đức quốc Elberfeld và bị bệnh viêm khớp khiến ông bị què quặt. Con trai của ông ta là một hóa học gia làm việc tại Bayer, một hãng dược phẩm rất lớn ở gần đó và vào năm 1895 anh ta quyết định thử nó để làm bớt cơn đau của bố. Anh ta làm giản dị hóa phương pháp của Gerhard và làm ra acetylsalicylic acid. Hoffman bèn lấy một lọ nhỏ và đưa cho bố và ông này đã có một đêm hết đau trong nhiều năm. Về sau này người ta mới biết rằng thuốc đó không phải chỉ giảm cơn đau mà còn hạ nhiệt độ và viêm.

Đồng nghiệp của Hoffman là ông Heinrich Dresser nhận ra rằng dược phẩm mới có tác dụng rất tốt vì nó chia làm hai ở máu. Để thử giả thuyết của mình, ông ta bèn nuốt chừng một số acetylsalicylate và thường xuyên thử nước tiểu trong vòng 12 giờ. Ông đã tìm ra dấu vết của salicylic acid nhưng không thấy chất acetylsalicylate: hợp chất quả có tách làm hai.

Đến năm 1899, Hopffman và Dreser đặt tên cho dược phẩm mới tìm ra của mình: aspirin - chữ a cho acetyl, spir cho Spirea. Năm sau, công ty dược phẩm Bayer xin bản quyền cho aspirin, cho các hợp chất trực tiếp của hãng và hình dáng của các dụng cụ của hãng và bắt đầu bán một sản phẩm rất phổ biến trên thế giới.

Năm 1914, để đề phòng sự lớn mạnh của chiến tranh và cũng để ngăn cản sự cung cấp của nước Đức, chính phủ Anh bèn tặng 20,000 bảng Anh cho những ai sống tại chính quốc hoặc ở Liên Hiệp Anh đã tìm ra một chất mới cho aspirin mà vẫn tránh né được bản quyền của Bayer. Chính quyền Úc Đại Lợi bèn tặng thêm 5000 bảng Anh để khích lệ và hóa học gia George Nicholas nhận lời thách đố đó. Dùng các dụng cụ rất sơ sài và gần như mù



vì phòng thí nghiệm của mình bị nổ, ông ta tìm ra một cách để tạo ra một chất aspirin hết sức thuần túy và trắng giải.

Sau khi nước Đức thua trận, công ty British Alien Properties Custodian tịch thu tên "aspirin" và công ty Bayer mất bản quyền cả tên lẫn việc sản xuất dược phẩm. Trong số những cơ sở bắt đầu làm hợp chất là của George Nicholas; và sản phẩm "Aspro" của ông trở thành một loại aspirin bán nhiều nhất ngoại trừ nước Mỹ. Tại nước Mỹ, công ty dược phẩm Sterling, mặc dù đã không liên lạc với công ty Đức, tiếp tục sản xuất aspirin dưới dạng "Bayer", một tên riêng. Xin nói rõ, tên riêng (Trademark) là một thương hiệu hàng hóa riêng, trong đó chứa đựng bất kỳ chữ, tập hợp của nhiều chữ, tên riêng và biểu tượng nào. Những từ ngữ này đã từng được sử dụng hoặc sẽ được đưa vào sử dụng trong thương mại để nhận dạng, phân biệt và giúp chỉ ra xuất xứ hàng hóa.

Nhưng khám phá về vỏ cây liễu của ngài Stone trong mấy năm về trước không phải là không được để ý tới. Năm 1826, hai người Ý đã tìm ra chất chính của vỏ cây liễu một chất gọi là salicin và ba năm sau một hóa học gia người Pháp đã thành công khi tìm ra một chất dưới dạng thuần túy. Năm 1839, một hóa học gia khác người Ý đã lấy salicylic acid từ chất salicin và từ đó chất chính của aspirin được lấy ra từ cây liễu và cây dầu dẻ. Ngày nay chất này được tổng hợp, dùng phương pháp không khác nhiều lắm với phương pháp mà Herman Kolbe đã tìm ra tại Strasbourg vào năm 1874.

Mãi đến năm 1971 các nhà nghiên cứu ở Anh mới tìm ra tại sao aspirin lại công hiệu như vậy. Prostaglandins, một nhóm như kích thích tố tìm thấy ở hầu hết các mô bào của cơ thể có vẻ như làm tăng sự nhạy cảm của đoạn cuối dây thần kinh tại nơi bị viêm và aspirin dường như có liên hệ tới công dụng của các chất này.

Sau này aspirin trở thành một phần của các chất được biết với tác dụng chống viêm mà ngày nay bao gồm cả các dược phẩm mới tìm ra là ibuprofen. Đến năm 1980, aspirin bị paracetamol qua mặt. Paracetamol được dùng lần đầu vào năm 1893 như một chất giảm đau rất bình dân của mọi người.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức M.D.
www.bsnguyenyduc.com



HÁT VỚI CHIẾN CHIẾN

*Ngôi loanh quanh nắng
Bóng tròn lâm râm
Con chim tập khóc
Trong lòng vô âm*

*Ta buồn muốn hát
Hát thành tiếng ca
Con chim lành lốt
Khóc vào trời xa?*

*Tiếng cành cây hát,
Xạc xào đong đưa
Trời xanh bát ngát
Hóa vào xa xưa,*

*Con chim tập khóc
Hót buồn cả trưa
Ta ôm đàn hát
Khúc sầu nào chưa?*

*Tay mở cửa lòng
Phóng sinh tiếng hót
Ngó lên trập ột
Mây trời mênh mông!...*

*Ta phóng thích ta
Hát cùng chiến chiến
Khóc thầm trong miệng
Ơi à, à ời...*

thơ **TRẦN HOÀNG VY**



Tội xem thường

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

ĐOÀN VĂN / TÙY BÚT

Khi được một bằng hữu tặng cho một quyển sách hay và quý, bạn vui vẻ nhận lấy, khen sách trình bày đẹp, đề tài lạ lẫm hấp dẫn, cảm ơn, rồi nhập vào hàng lớp lớp những sách báo trên kệ tủ của mình, nói là từ từ khi nào rảnh rang sẽ đọc sau, rồi quên bằng luôn, không sờ đụng đến lần nào nữa. Nếu vị bằng hữu đó mà biết được bạn đã đối xử với món quà tặng văn hóa, món quà tinh thần và nghĩa tình kiểu như vậy, chắc vị đó sẽ buồn lắm. Làm người khác buồn, là bạn đã mang tội. Trong trường hợp vị bằng hữu đó không hề hay biết gì hết, bạn vẫn mang tội, chứ không phải vô tội. Tội đó là tội xem thường.

Khi bạn lên đường đi xa lập nghiệp, cha hoặc mẹ bạn lo lắng, dặn dò, khuyên lớn, rồi trao cho bạn một trang cẩm nang để bạn cất vào hành trang, khi gặp chướng duyên trắc trở, tình huống oái oăm, bế tắc, hoặc lâm tâm trạng lo lắng bất an, bạn sẽ lấy ra xem đọc những hướng dẫn, những phương cách, những lời khuyên nhủ bảo bạn để bạn đơn thân ứng phó với các va chạm một cách thích hợp. Bạn nhận lấy trang cẩm nang đó với vẻ mặt tươi tỉnh, bày tỏ sự hiếu kính để cha mẹ mình vui lòng và an tâm khi tiễn mình rời khỏi mái ấm gia đình. Sau đó, trong suốt cuộc hành trình, rồi trải qua nhiều biến đổi khi lặn lội, lặn hụp với dòng trôi của đời nghiệt ngã, bạn cứ luôn tự tin, kiêu căng ngạo mạn tự lo tự xử theo tâm ý của mình, để rồi một ngày nọ bạn vấp ngã, tổn thương, mất mát, hụt hẫng, đau khổ vì thất bại, vì thua thiệt, vì không đủ nghị lực, chưa đủ bản lĩnh... Bấy giờ, bạn mới sức nhớ đến trang cẩm nang của cha của mẹ mình đã trao, nhớ rằng mình đã chưa hề một lần tìm mở ra xem đọc, và trang cẩm nang đó đang nằm dưới đáy ba lô túi xách, bị đè lấp thật tội nghiệp bởi những vật dụng tạp hồ lộn chẳng có giá trị là bao. Ngay trong trường hợp bạn bươn chải vượt lên bằng đôi chân mình để đi đến những thành công, thu gặt những kết quả tươi đẹp, thỏa chí bình sinh, mà suốt quãng thời gian lập nghiệp đó bạn

vẫn chưa hề lật giở ra xem đọc trang cẩm nang của cha mẹ mình trao, thì bạn vẫn mang tội như thường, tội xem thường những lời khuyên bảo dặn dò của song thân.

Vừa rồi, chỉ thử kể ra hai trường hợp phạm tội xem thường, có thể chỉ là chuyện nhỏ, nên cái tội cũng nhỏ, không đáng phải giật mình, phải xấu hổ then thùng phải không? Đúng vậy, với rất nhiều người thì đó chỉ là tội nhỏ như cọng cỏ!

Người đời thường chỉ biết tôn trọng, yêu kính, chăm chăm và khư khư gìn giữ cũng như bảo vệ, nâng niu vuốt ve sờ sẫm không biết chán những thứ vật chất có giá trị cao quý như kim cương, ngọc ngà, vàng bạc, cổ vật gia truyền, xe hơi siêu sang, đồng hồ hàng hiệu bạc tỷ, sổ hồng sổ đỏ chứng nhận quyền sở hữu đất đai nhà cửa... vân vân và vân vân... Đó là những bảo vật, không sai, vì chúng có giá trị cao, quý hiếm, vượt trội và bỏ xa những món vật chất giá trị "thường thường bậc trung" và bình dân mộc mạc. Đã là bảo vật thì chúng xứng đáng được tôn trọng, duyên phận không bị xem thường.

Nhưng, trong bài ngẫu hứng lan man này, người viết chỉ muốn nói về một thứ Bảo Vật, xin viết hoa, rất khác thường. Khác thường vì đó là Bảo Vật không có hình tướng sắc tướng, là vô hình, chúng ta không chop bắt hay ôm xiết được bằng tay, bằng ngũ thể, cũng không hôn được, mà chỉ biết được bằng nhĩ căn (nghe), thấy được bằng nhãn căn (xem, đọc), cảm nhận và thấu nhận bằng ý thức lẫn tâm thức.

Khi bạn đọc một quyển sách giảng giải huyền nghĩa kinh kệ, sách hướng dẫn tu tập, sách truyền bá tư tưởng, hoặc xem và nghe được một video thuyết giảng, một clip vấn đáp về giáo lý nhà Phật... vân vân... Bạn sáng bừng đầu óc lên, tâm hoan hỷ lạ thường, có lúc đập bàn, có lúc vỗ đùi dài, rồi bật thốt lên trong tâm trạng phấn khích:

"Tuyệt vời! Hòa thượng giảng giải hay quá!"

"Quá hay! Thầy kiến giải thật phân minh!"

"Ồi... pháp Phật vi diệu! Đội ơn Thầy chỉ giáo!"

"Trời ơi... sao mà hay dữ vậy trời? Nhờ Ôn giảng dạy mà mình mới thoát khỏi ngu muội vô minh!"

"Pháp Phật thật nhiệm mầu!"

"Không thể nghĩ bàn! Bất khả biệt luận!"

...Và còn cả vạn sự tán dương tán thán khác nữa dành để kính ngưỡng, tôn xưng, ca tụng Pháp Phật.

Trong phạm vi bài viết hạn hẹp này, tôi không dám lạm bàn đến những ý nghĩa rộng lớn hơn của Pháp, như Pháp giới, sắc pháp, tâm pháp, hữu pháp, vô pháp, hiện tượng cụ thể hay trừu tượng có tự tính, thực tại tối hậu... mà chỉ xin đề cập đến giáo pháp của Đức Như Lai bao gồm cả Kinh Luật Luận, những lời Ngài đã chỉ dạy, tức là về Chánh Pháp.

Chánh Pháp chính là Kho Tàng Bảo Vật. Từ trong một kho tàng của báu ấy trữ chứa bá thiên vạn ức những báu vật khác, thiên hình vạn trạng, muôn sắc muôn màu, tất thảy đều quý báu, giá trị vô song, giá trị vĩnh cửu và bất biến!

Chánh Pháp được truyền bá, truyền đạt, truyền lưu từ những bậc Tổ Sư siêu xuất, tôn sư xuất chúng, thiện tăng thiện đức chứng đắc đại ngộ... đến với bao đời sau, bao thế hệ hậu sinh hậu học.

Người học Phật, tự xưng là con nhà Phật, con của Phật, tất nhiên đều đã được nhận những Bảo Vật ấy từ những bậc tôn túc, từ thầy tổ của mình rồi. Tiếp nhận rồi, biết là mình đang được nắm lấy của báu rồi, thì sẽ làm gì sau đó? Đem cất trong tủ kính để tránh bụi bặm ô nhiễm, nắng mưa nóng ẩm chẳng? Cất vào két sắt để bảo toàn nguyên vẹn chẳng? Ôm rịt lấy trong người suốt ngày suốt đêm không cho ai sờ chạm vào chẳng?

Đức Phật đã nói: Tin ta mà không hiểu ta tức là phí báng ta!

(Tin ta mà không nương pháp ta tu tập để đạt được mục đích làm chủ Sinh Lão Bệnh Tử, và giải thoát không còn tái sinh làm người khổ đau, mà chỉ nương vào danh ta để trục lợi, để tận hưởng ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thụ), là lợi dụng ta, tức là phí báng ta!)

Khi mình cho rằng mình là người học Phật, muốn hiểu thông những lời Phật dạy, thì mình phải thực hành, áp dụng chánh pháp vào đời sống hằng ngày của mình. Có thực hành chánh pháp mới thấu hiểu chánh pháp nhiệm mầu như thế nào, tuyệt diệu hay ho đến mức nào, chứ không phải chỉ hiểu bằng trí óc, bằng kiến thức, bằng sự thông minh uyên bác, hay bằng lời nói, bằng tiếng tán dương ca tụng!

Học được biết bao nhiêu là Pháp Phật từ cao siêu đến giản dị dễ hiểu, hiểu biết rồi, rõ thấy rồi, y như rằng ta đã được chư Thầy Tổ, chư tôn thiên đức truyền trao cho Bảo Vật rồi, nhưng ta có trân quý, có tôn kính, có mang ra áp dụng, thực hành cho đời sống của mình không? Hay là quên bồng hết những gì ta đã ca tụng là hay ho, là tuyệt vời, vào những lúc ta tức giận, nổi nóng, vào những khi bị mất mát, bị thiệt thòi, bị thiếu hụt, bị hiếp đáp, bị chửi rủa khinh khi, bị vu oan giá họa...?

Nếu ta đã lãng quên, bỏ bê, không màng nhớ gì đến chánh pháp khi ta va chạm đối đãi với người với đời, là ta đã mang lấy tội xem thường Pháp Phật rồi đó.

Trong bài "Sám Nguyện" dài thật dài của Tăng Thân Làng Mai, liệt kê ra rất nhiều lỗi lầm, sai trái, yếu kém, nhược khuyết điểm của một người con Phật, ta sẽ thấy biết được thêm một cái tội của mình: Tội Xem Thường Bảo Vật Trong Tay!

*"...Đệ tử biết trong tâm thức
Bao nhiêu hạt tốt lấp vùi:
Hạt giống thương yêu, hiểu biết
Và bao hạt giống an vui.
Nhưng vì chưa biết tưới tắm
Hạt lành không mọc tốt tươi
Cứ để khô đau trăn lầy
Làm cho đen tối cuộc đời
Quen lối bỏ hình bất bóng
Đuối theo hạnh phúc xa vời
Tâm cứ bận về quá khứ
Hoặc lo rong ruổi tương lai
Quanh quẩn trong vòng buồn giận
Xem thường bảo vật trong tay
Dày đạp lên trên hạnh phúc
Thẳng nằm sâu khổ miệt mài;
Giờ đây trầm xông bảo điện
Con nguyện sám hối đổi thay..."*

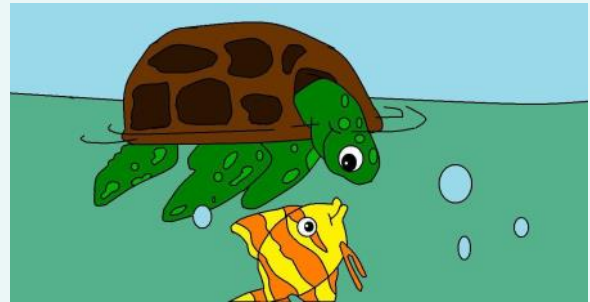
Tội đó có quan trọng để nhắc đến hay không, là nặng hay nhẹ, là nhỏ như cọng cỏ hay bự như biệt thự, thì còn tùy ở suy gẫm của mỗi người khi ngũ thể đầu địa mà lạy sám hối trước Tam Bảo.

Hãy tỉnh giác lên, hãy xem Bảo Vật mà ta đang có được trong tay là Thanh Gươm Báu chém đứt mọi Phiền Não, hãy tuốt gươm ra, đừng nghi ngại và chần chừ!



CÓ NIẾT BÀN KHÔNG?

Ngày xưa, ngày xưa, ngày xưa
Cỏ con cá nọ nhón nhơ cuộc đời
Sống trong hồ đã lâu rồi
Cho nên ngoài nước cá thời chẳng hay.
Một hôm bơi lội mê say
Tình cờ cá thấy rùa ngay trên bờ
Quen nhau từ thuở ấu thơ
Nghe rùa du ngoạn phương xa mới về
Cá mừng thăm hỏi mọi bề:
"Lâu nay vắng bóng chẳng hề thấy anh."
Rùa vui vẻ nói chân thành:
"Tôi đi du lịch ở quanh đất liền
Nơi đây mặt đất các miền
Đã vừa nóng nực, lại thêm khô cằn."
Cá bèn hỏi, giọng khẩn khoản:
"Đất khô? Anh nói nghe chẳng lạ đời
Lẽ nào lại có một nơi
Khô? Không có nước? Sao bơi bây giờ?"
Rùa: "Minh quen biết từ xưa
Xin thề tôi chẳng nói đùa cùng anh
Anh không tin thì cũng đành."
Cá bèn dò hỏi ngọn ngành thêm ra:
"Mong anh tả rõ đây mà
Đất liền anh nói thật là lạ thay
Có tương tự như hồ này
Có luôn ẩm ướt giống đây không nào?"
Lắc đầu rùa trả lời mau:
"Đất liền không ẩm ướt đâu bạn à."
"Vậy thì có lạnh mát da
Như là thế giới chúng ta dưới hồ?"
"Cũng không lạnh, chẳng mát cho
Đôi khi lại nóng, lại khô da người."
"Vậy thời ánh sáng mặt trời
Có xuyên chiếu được qua nơi đất liền?"
"Không xuyên đâu hỡi bạn hiền
Đất đâu trong suốt như miền hồ ao."
"Đất liền như vậy mềm sao
Chắc là rất dễ ép vào với nhau
Để tôi luôn lách bơi mau
Quấy đuôi uốn lượn trước sau dễ dàng?"
"Nào đâu như vậy bạn vàng
Những điều bạn nghĩ đều hoàn toàn sai."



"Vậy thời đất lưu động hoài
Để rồi tuôn chảy đổ dài vực sâu
Thành ra dòng thác trắng phau?"
Cá tò mò hỏi có đâu chịu ngừng.
Lắc đầu rùa đáp: "Không! Không!
Đất không di chuyển thành dòng thác đâu."
"Vậy thời đất có cuốn mau
Dâng lên thành sóng bạc đầu biển khơi?"
"Nói nghe kỳ cục quá trời
Đất liền thành sóng? Lạ đời xưa nay!"
Đến đây cá mới nói ngay
Mặt mày vênh vào ta đây hơn người
Than rằng: "Tôi đã hỏi rồi
Điều gì anh cũng trả lời là không,
Đất làm gì có mà mong
Anh đừng bịa chuyện để hòng bịp tôi."
Rùa bèn điềm đạm trả lời:
"Bạn không tin tưởng có nơi đất liền,
Tài tôi không giảng được thêm,
Thôi đành cứ để bạn yên tạm thời
Mai này có kẻ hơn tôi
Đủ tài minh chứng rạch ròi trước sau
Cho anh hiểu được ra mau
Đất liền và nước khác nhau xa vời
Bây giờ anh mới ngậm ngùi
Biết mình ngốc nghếch sống nơi hồ này
Một con cá ngốc! Buồn thay!
Chẳng tin có đất quanh đây bao giờ!"

(thi hóa truyện cổ Phật Giáo)



TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO

NẤM KIM CHÂM XÀO THẬP CẨM CHAY



Nguyên liệu:

- Nửa củ cà rốt lớn, rửa sạch bổ làm 3, xắt lát mỏng vừa.
- Hai bịch nấm Kim Châm (Enoki mushroom), cắt gốc, rửa sạch để vô thau, cho nước vào ngâm, rồi xả nước cũ cho nước mới vào, làm như vậy khoảng hai ba lần, vớt ra rửa, tách nhỏ.
- 3 miếng đậu hũ đã chiên sẵn, cắt mỏng (1 hộp Tofu hiệu House Foods medium firm 19oz, bỏ vào vò nước xả cho sạch để ráo nước, cắt làm 5 miếng lớn chiên vàng. Có thể chiên 1 lần nhiều hộp để tủ lạnh khi cần là có dùng ngay.
- Nửa bịch đậu ve, rửa sạch bỏ cuống, xắt xéo mỏng xào cho mau chín và dễ thấm
- 2 muỗng canh gừng băm
- Muối biển, đường organic, tiêu, ngò
- Dầu hào chay (Vegetarian stir fry sauce)

Thực hiện:

- Bắt chảo lên, cho ít dầu, chờ nóng, cho đậu ve vào xào cho đều, rồi cho 1 muỗng cafe muối, 1 muỗng đầy cafe đường xào cho đậu ve xanh và ra nước ươn ướt, tắt lửa.
- Bắt chảo khác lên, cho 1 muỗng canh dầu, chờ nóng cho gừng vào xào cho thơm, đổ carrot vào xào đều, kế tiếp cho nấm vào đảo đều
- Cho tiếp đậu hũ và 2 muỗng cafe muối, 1 muỗng cafe đường, 1 muỗng canh dầu hào chay, trộn đều
- Trút chảo đậu ve vào chung, trộn đều, đặt nắp lại, nấu lửa lớn khoảng 3 phút là chín, không cần cho nước, nấm tự ra nước
- Mở nắp cho ngò, tiêu vào trộn đều rồi tắt bếp, múc ra đĩa.

G. Phương



HẠNH PHÚC VÀ KHỔ ĐAU

Tịnh Khả

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Trong cuộc sống, chúng ta thường mong muốn có được hạnh phúc và tránh né sự hiện hữu của khổ đau đến với mình. Thế nhưng, hằng ngày chúng ta khi phải đối diện với biết bao khổ đau hay phiền não mà không có cách gì để giải quyết, dần đến rất dễ rơi vào con đường bế tắc. Vậy làm thế nào để chúng ta có được hạnh phúc? Theo quan điểm của đạo Phật, thì hạnh phúc có nghĩa là ít đau khổ. Nếu không chuyển hóa được đau khổ thì không thể nào có hạnh phúc. Chúng ta đau khổ, một phần do không có những phương pháp cụ thể giúp chuyển hóa tham lam, sân hận, si mê. Nếu thực tập và chuyển hóa nổi khổ, niềm đau của tự thân thành công, chúng ta còn có thể giúp những người khác chuyển hóa đau khổ của chính họ. Đức Phật đã từng khẳng định rằng: "Ta chỉ dạy có mỗi một điều mà thôi, đó là khổ đau và con đường để chấm dứt khổ đau". Hay nói một cách khác là con đường đi đến hạnh phúc. Vì vậy khi chuyển hóa được khổ đau thì hạnh phúc sẽ hiện hữu.

Có câu chuyện được kể như sau:

Một cô gái đến tìm một nhà sư, cô hỏi:

- Thưa thầy, con muốn buông một vài thứ mà không thể, con mệt mỏi và khổ sở quá.

Nhà sư đưa cho cô gái một cốc nước và bảo cô cầm, đoạn ông liên tục rót nước sôi vào cốc, nước chảy tràn ra cả tay, làm cô bị phỏng, cô buông tay làm vỡ cốc.

Lúc này nhà sư từ tốn nói:

- Đau rồi tự khắc sẽ buông!

Vấn đề là tại sao phải đợi tổn thương thật sâu rồi mới buông? Con người thường cố công đi tìm hạnh phúc và muốn níu giữ hạnh phúc cho riêng mình nhưng chỉ được trong thoáng chốc rồi mất. Ngược lại, ai ai cũng muốn thoát khỏi khổ đau, xa lìa khổ đau nhưng nó lại thường xuyên đeo bám không rời, luôn luôn có mặt mọi lúc, mọi nơi. Cuộc sống có muôn ngàn sự chọn lựa và chúng ta có nhiều con đường để đi, không ai vạch ra cho ta con đường và bắt ta phải đi theo con đường đó. Số mệnh cuộc đời là do ta quyết định, hạnh phúc hay khổ đau là do ta chọn lựa chứ không ai có thể ban cho ta. Nhiều người muốn đạt đến hạnh phúc nhưng lại quên đi những nhân tố để đưa đến hạnh phúc. Muốn xa lìa khổ đau nhưng lại cố

tâm gieo rắc khổ đau cho người khác. Việc làm này không thể nào có được vì nó đi ngược lại với quy luật của nhân và quả.

*"Chúng sanh cầu an lạc,
Ai dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau không được lạc".*

(Kinh Pháp Cú 131, phẩm Hình Phạt)

Thế gian thường lầm tưởng rằng số mệnh con người đã được an bày, sắp đặt sẵn hoặc do một vị thần linh, Thượng Đế nào ban cho mà không ai có thể thay đổi được sự sắp đặt này. Mỗi khi gặp phải vấn đề khó khăn không có hướng giải quyết nhiều người không ngần ngại van xin, cầu nguyện Thần này, Thánh nọ ban cho mình được toại nguyện. Điều này có vẻ như trở thành một thói quen và khiến không ít người cư xử với nhau bằng thái độ tiêu cực: chỉ biết cầu xin hơn là tự nỗ lực, sống dựa dẫm, ỷ lại vào người khác mà không biết gieo nhân tốt, nhân lành để gặt quả như ý. Tư tưởng cực đoan này càng ngày càng ăn sâu trong ý nghĩ và hành động của không ít người, khó có thể mà thay đổi được. Con người hành xử với nhau chỉ vì lợi ích cá nhân, mà quên đi lợi ích của người khác, không theo nguyên tắc chung dẫn đến những việc làm sai trái ảnh hưởng không tốt đến đạo đức và đời sống xã hội.

Quan điểm của Đức Phật thì hoàn toàn khác, vận mệnh con người được vận hành theo một quy luật chung gọi đó là luật nhân quả. Luật nhân quả không do ai tạo ra mà là kết quả của quá trình gieo nhân từ đời trước trong một hay nhiều kiếp, hình thành nên đời sống hiện tại. Điều đó có nghĩa rằng không ai có quyền ban cho và cũng không ai lấy đi cái gì của ta cả. Số mệnh con người cũng không nằm ngoài quy luật ấy.

Con người được xem là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự của nghiệp, được sanh ra bởi nghiệp, do nghiệp sai sử và lôi kéo. Nghiệp là suy nghĩ, lời nói, hành động có cố ý, có chủ tâm, gọi là có tác ý. Những suy nghĩ, lời nói, hành động có tác ý tạo thành thói quen và hình thành nên tính cách con người. Tùy theo nghiệp nhân của mỗi người đã tạo ra trong quá khứ mà nay nó sẽ chiêu cảm ra quả hiện tại cho nên có người giàu sang, nghèo khổ, hạnh phúc hoặc

khổ đau. Nếu người có ý nghĩ thiện, lời nói thiện thì hành động sẽ thiện, ngược lại người có suy nghĩ ác, miệng nói ác dẫn đến hành động ác.

Theo luật nhân quả, hạnh phúc hay khổ đau đều do nguyên nhân sâu xa của nó và là kết quả của nghiệp mà ta đã gieo trồng. Nếu muốn có được hạnh phúc thì phải biết gieo nhân lành giúp người, cứu vật, chính mình tạo ra hạnh phúc cho mình chứ không ai ban cho mình được cả. Người đã có vận mệnh may mắn hơn người khác mà còn biết tu tập, làm việc thiện, gieo nhân lành chẳng những cuộc sống hiện tại được hạnh phúc, an vui mà còn là nền tảng cho nhân giải thoát khỏi sanh tử luân hồi về sau, vì đó là con đường đưa đến thành công mà không có đổ máu và nước mắt.

(Bài kệ 354 - Kho Báu Sự Thật, Kinh Pháp Cú)

Có một lần, trong một buổi họp của các thiên thần ở cõi trời Ba Mươi Ba, bốn câu hỏi được đặt ra, và không thiên thần nào có câu trả lời chính xác. Cuối cùng, vua Trời Đế Thích dẫn các thiên thần đến gặp Đức Phật tại Tịnh xá Kỳ Viên. Sau khi giải thích sự khổ khăn của họ, vua Trời Đế Thích đã thưa hỏi Đức Phật bốn câu hỏi sau đây:

Trong số tất cả những món quà tặng, món quà tặng nào là cao quý nhất?

Trong số tất cả các hương vị, hương vị nào là thơm ngọt nhất?

Trong số tất cả các niềm hạnh phúc, niềm hạnh phúc nào là an lạc nhất?

Tại sao chấm dứt được lòng tham muốn, là việc làm xuất sắc nhất?

Đức Phật đã trả lời các câu hỏi này như sau, "Này, Đế Thích, Phật Pháp chính là món quà tặng cao quý nhất, là hương vị thơm ngon nhất, và là niềm hạnh phúc an lạc nhất. Chấm dứt được lòng tham muốn, là dẫn đến quả vị A La Hán. Cho nên, điều này chính là việc làm xuất sắc nhất".

Ngài ví dụ rằng cái khổ của con ngựa, con lạc đà vì chở nặng cũng chưa phải gọi là khổ chỉ có người vô minh chưa dứt khỏi luân hồi mới thực sự là khổ. Vì sự khổ của con ngựa, con lạc đà kia chỉ khổ trong đời hiện tại, do nhân xấu quá khứ đã tạo nên đời này phải rơi vào hoàn cảnh khốn khó như vậy, để trả "nợ cũ" theo lẽ công bằng của luật nhân quả: gieo gió thì gặp bão. Còn sự khổ của người luân hồi vì vô minh, ái dục thì vô cùng tận không biết ngày nào ra khỏi. Trong vòng luân hồi sanh tử có khi ta được làm người, trời, A-tu-la cũng có khi sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh chịu đựng muôn ngàn sự khổ đau. Cho nên, người chấm dứt được lòng tham muốn, đoạn trừ nhân sanh tử luân hồi được Đức Phật khen ngợi là việc làm xuất sắc nhất trong tất cả

các việc làm.

Tuy nhiên, muốn xoay chuyển vận mệnh của cuộc đời không phải là một việc dễ làm. Một sớm một chiều mà có thể thực hiện được vì đó là cả một quá trình tích lũy nghiệp mà chúng ta đã tạo trong nhiều đời quá khứ. Muốn chấm dứt khổ đau trước tiên cần phải biết nguyên nhân của khổ và phương pháp để chuyển hóa được khổ khiến vận mệnh của mình ngày một thăng hoa.

Phật dạy tất cả các pháp trên thế gian đều vô thường, vô ngã. Suy nghĩ và hành động của con người cũng vậy luôn luôn thay đổi và chịu tác động bởi hoàn cảnh xung quanh. Tuy rằng nghiệp tạo ra số phận con người trong hiện tại nhưng nó không phải là cái gì cố định, bất di bất dịch. Nghiệp không cố định, cái gì có sanh thì phải có diệt, nghiệp cũng vô thường, nghiệp do chúng ta tạo ra thì chính mình có thể thay đổi nó. Do đó, ta có thể thay đổi, chuyển hóa được nghiệp, nhờ sự chuyển hóa mà kẻ xấu có thể trở thành người tốt, kẻ dở trở thành người hay, kẻ ngu trở thành người trí, kẻ phạm thành bậc Thánh nhân... chuyển đổi bằng cách tu tập thân khẩu ý, nhờ sự sám hối hướng thiện theo lời Phật dạy nên nghiệp được thay đổi. Như vậy, để thay đổi vận mệnh cuộc đời theo chiều hướng tốt đẹp hơn, mỗi Phật tử cần phải giữ gìn pháp Tam quy ngũ giới, lấy 10 điều thiện làm phương châm tu tập để thân khẩu ý được thanh tịnh, là nhân giải thoát, chấm dứt sanh tử luân hồi về sau.

Quá trình tu tập cần phải có chánh tri kiến, tức là có cái nhìn đúng đắn, chân chánh để không lầm đường lạc lối đi theo tà pháp. Lấy trí tuệ làm sự nghiệp, khai thác triệt để sức mạnh của trí tuệ đang tiềm ẩn trong mỗi chúng ta. Muốn vận mệnh mình được hạnh phúc, an vui chúng ta cần phải hành thiện, đoạn ác mọi lúc, mọi nơi. Kinh Pháp Cú Đức Phật dạy: "Chớ chê điều thiện nhỏ mà không làm, chớ khinh điều ác nhỏ mà làm, giống như nước nhỏ từng giọt lâu ngày cũng trở nên đầy bình". Nghiệp của chúng ta cũng giống như vậy, nó được tích lũy dần dần đến khi hội đủ nhân duyên sẽ hình thành nên kết quả mà chúng ta phải lãnh chịu. Đó chính là quá trình tích lũy thiện nghiệp cho đời sống hiện tại. Nếu muốn có được an lạc hạnh phúc thì phải gieo nhân an lạc hạnh phúc, ông bà ta từng dạy: "Đoạn ác tu thiện, dứt trừ tai ương, phước thọ miên trường" chẳng lẽ không đúng với lời Phật dạy hay sao? Ngược lại, nếu ta có được cuộc sống giàu sang, sung sướng không biết tu tập, tích lũy phước báo mà chỉ lo hưởng thụ thì phước báo có cao như núi Thái Sơn rồi cũng sẽ sụp đổ.

Đôi khi chúng ta muốn mọi sự, mọi việc đều phải tuân theo ý muốn của mình, nhưng điều đó không phải ai cũng được toại nguyện và đây chính là nguyên nhân phát sanh khổ đau. Nếu như gặp phải hoàn cảnh trái ý nghịch lòng, thay vì hận người này, trách người kia, như vậy mình sẽ cảm thấy bế tắc càng thấy khổ đau hơn mà thôi. Ngược lại, nếu biết quán chiếu suy nghĩ nhìn nhận sự việc một cách khách quan biết rằng tất cả những khổ đau mà ta đang gánh chịu chẳng qua chỉ là một phần nhân quả đời trước đã tạo. Mình hoan hỷ chấp nhận, tu tập và sám hối lỗi lầm để có được một cuộc sống tràn đầy an vui bỏ qua quá khứ đau buồn, sống trong hiện tại, để cảm nhận từng phút giây an lạc tĩnh lặng của nội tâm.

Gặp phải hoàn cảnh trái ý nghịch lòng như vậy đôi khi cũng là bài học, một điều kiện tốt để ta học hỏi nhiều thứ mới mẻ và phấn đấu để có một tương lai tốt đẹp hơn. Khi vấn đề được giải quyết xong rồi, khổ đau chấm dứt, chướng ngại không còn tâm ta được giải thoát thực sự. Đây chính là an lạc hạnh phúc mà không phải ai mong muốn đều có được!

Khổ đau trên cuộc đời dành cho con người là một phần tất yếu của cuộc sống không ai có thể tránh khỏi và ai trong chúng ta không ít thì nhiều cũng từng nếm phải mùi vị khổ đau. Biết chấp nhận để vượt qua, không phải trốn tránh mà được. Khổ đau là kết quả của sự tham muốn vô độ nên người có nhiều sự tham muốn thì khổ đau sẽ càng nhiều, càng ít sự ham muốn thì khổ đau nhẹ đi một phần. Đức Phật tuyên bố: "Biển có thể cạn, núi có thể sụp đổ, quả đất có thể băng hoại nhưng khổ đau không bao giờ chấm dứt đối với người còn vô minh và ái dục". Gốc rễ của tham ái là nguyên nhân dẫn đến sinh tử luân hồi khiến chúng ta phải chịu khổ trong nhiều kiếp. Đoạn trừ được tham ái là con đường đưa đến hạnh phúc về sau và đây là việc làm xuất sắc nhất được Đức Phật khen ngợi trong tất cả các việc làm.

Tịnh Khả



TỚI CÔI NÀY

*Ta tới cõi này một sớm mai
Nguyện không gây đau khổ cho ai
Không kỳ thị đen, vàng, nâu, trắng
Mở rộng vòng tay với mọi người.*

*Xin dậy tôi đời không ngừng biến đổi
Để tôi luôn nhớ lẽ vô thường
Quyền cao, chức trọng như sương sớm
Thân này rồi cũng hoại tan thôi!*

*Hãy nhắc tôi đời người rất ngắn ngủi
Để bớt đi tham muốn mong cầu
Ngày nào đó phải trở về cát bụi
Để tôi đừng ngạo mạn, tự cao!*

*Xin cho tôi được sáng ánh Đạo Vàng
Cho tâm mê tan dần trong bóng tối
Và ngày ngày tụng kinh sám hối
Hầu tiêu trừ ác nghiệp si sân.*

*Xin gióng lên tiếng chuông chùa êm ả
Để tôi đừng hối hả với lợi danh
Và nhắc tôi luật muôn đời nhân quả
Đời ta sao đều do nghiệp đã gây!*

*Ôi, sung sướng được sống theo Chánh Pháp
Đường sáng soi, đường dữ hãy tránh xa
Kẻ rồi không lại đi lạc nẻo tà
Phật, ma cũng tự tâm này mà ra.*

DIỆU VIÊN

Đỗ Hoa

HOANG PHONG

*Ta về hỏi gió trên ngàn,
Hỏi mưa dưới phố, hỏi giàn đỗ hoa.
Vườn em hoa lý hoa cà,
Năm nay giàn đỗ ra hoa có nhiều?*

*Phù vân đỏ ráng mây chiều,
Ta về hỏi gió bao nhiêu tuổi đời,
Mấy lần em ngắm hoa rơi?
Mấy lần thấy đỗ mà phơi nắng hồng?*

*Ta về đi giữa hư không,
Hỏi xanh năm cũ, hỏi vàng nương khoai.
Bến xưa bờ nước sông dài,
Hỏi con đò muện chiều nay có người?*

*Chờ ai con nước đã vơi,
Kịp đưa ta đến tìm người thôn xa!
Ta về từ nẻo phồn hoa,
Hỏi rằng giàn đỗ ra hoa đúng mùa?*

*Rằng xưa ta đến thăm nhà,
Gặp em giúp mẹ vườn cà nương khoai.
Sân em thơm nức hoa nhài,
Trên giàn đỗ ván hiên ngoài nở hoa.*

*Rằng nay ta ghé ngang nhà,
Hỏi ai lối cũ đường xưa có nhàm?
Hoang sơ rồi cỏ bước chân,
Hỏi em, em đã theo chồng phương xa,*

*Mẹ em, nằm đất sau nhà
Biết ai để hỏi phải mùa đỗ hoa?*

(thơ Hoàng Phong, Ninh Bình, 19.03.02)

Có những người trở về quê hương để tìm các món ăn và các thứ phục vụ quen thuộc, riêng ta:

*Ta về hỏi gió trên ngàn,
Hỏi mưa dưới phố hỏi giàn đỗ hoa.*

Những kẻ tha phương, dù sinh sống ở phương trời nào, dường như đôi khi cũng cảm thấy một chút mất mát nào đó. Những

mất mát nho nhỏ đó có thể là một gương mặt, một tà áo, một nụ cười, một khu phố, một mái chùa, hoặc cũng có thể chỉ là một cơn mưa chiều lúc tan trường. Thế nhưng đôi khi sự mất mát nho nhỏ đó cũng có thể sâu xa hơn, chẳng hạn như những kỷ niệm của một thời quá khứ, chân dung của tổ tiên trên bàn thờ ngày Tết, những năm mồ trong nghĩa trang, hoặc biết đâu cũng có thể là cả quê hương, ít nhất cũng là quê hương của một thời tuổi trẻ.

Nguyễn Bính (1918-1966) là một thi sĩ có biệt tài gọi lên với thật nhiều xúc cảm và thi vị một chút mất mát nho nhỏ đó của quá khứ, một chút linh hồn của dân tộc:

*Hoà chanh nở giữa vườn chanh.
Thầy u mình với chúng mình chân quê.
Hôm qua em đi tỉnh về,
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.*

(Chân quê, Nguyễn Bính, 1936)

Nguyễn Bính sống vắt ngang hai giai đoạn lịch sử, tiền chiến và bình dân. Các trước tác của ông cũng phản ánh khá rõ nét hai giai đoạn lịch sử đó trên quê hương. Trong thời bình tức là thời tiền chiến, dù là dưới chế độ thực dân, thế nhưng các trước tác của ông mang nhiều rung cảm thật tươi mát. Bước vào thời kỳ chiến tranh, Nguyễn Bính vẫn tiếp tục viết lách, thế nhưng dường như ông đã đánh mất các rung cảm của một thời thanh bình và tuổi trẻ.

Sau ba mươi năm chiến tranh và sau đó là gần nửa thế kỷ hòa bình, thế nhưng dường như nền hòa bình đó chỉ là gương ép, dường như một sự giả dối. Trong bầu không khí tạm gọi là thanh bình đó, tiếc thay không thấy có một phong trào thi ca, văn học hay nghệ thuật nào tương đương với thời kỳ tiền chiến cả, nếu không thì cũng chỉ là một nền tư tưởng nghèo nàn, che đậy bởi các khẩu hiệu rỗng tuếch.

Bài thơ Đỗ Hoa trên đây được viết theo "hơi thơ" của Nguyễn Bính bằng cách mượn một vài hình ảnh nơi thôn dã để nói lên một chút mất mát trên quê hương. Người mẹ là quá khứ, là tình thương, là bao dung và độ lượng, nay đã nằm xuống trong yên lặng. Người em gái "chân quê" vì hoàn cảnh đã phải khăn gói theo chồng tại một đế quốc xa lạ hay một quốc gia giàu có. Trong một xã hội nào phải chỉ có một nàng kiều?

Một vài vần thơ biết đâu đôi khi cũng có thể mang lại một chút xúc cảm gần gũi hơn với chúng ta chăng?

Bures-Sur-Yvette, 25.04.21
Hoàng Phong

Chỗ nào cũng nắng

NGUYỄN NGỌC TƯ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Quá cái tuổi háo hức những món quà miệt vườn trong giỏ xách mẹ, mỗi bận bà lên thăm anh hóng thứ khác: những câu chuyện của quê nhà. Năm tiếng đồng hồ ngồi xe đồ không ăn nhằm gì với bà già quen làm lụng, nên vừa bước chân vào nhà anh ngay lập tức chuyện giòn như cơm nổ. Không lúc nào chịu ngồi yên một chỗ, trong lúc xằng xái dọn chỗ này dẹp chỗ kia, vừa làm vừa kể, những chuyện nhà quê theo bước chân mẹ dúi dặt nửa xa nửa gần. Giọng điệu băng quơ, như thể không ai nghe cũng không sao, mẹ nói cho vui nhà vui cửa. Chuyện và người kể chuyện, là những gì mà anh không thể mua ở cái thành phố tiện nghi đến tận xưởng tủy này, tiện nghi đến nỗi những kẻ nhỏ quê cũng mua được cá lòng tong, mỡ tép rong.

Mà, những câu chuyện ấy cũng đâu có giết gân, kịch tính gì. Lơ lơ, quẩn quanh

chỉ là cái góc bếp bị đột, cô bạn bên xóm vừa làm sui đầu tay, con lộ bê tông mới toanh phóng qua trước nhà. Sức nhớ gì thì nói đó, mẹ cứ lấp giấp rời rạc, như thể chấp vả những cái quê nhà mà anh đã rời bỏ hồi mười tám tuổi hiện lên sống động như bộ phim ai ả màu rơm rạ mục. Không phải cái tên nào anh cũng biết, nhưng anh cảm giác họ quen thuộc với mình, cái cô dâu phóng khỏi chiếc xuống để quay lại với gã thợ rèn mà cô yêu, hay bà thầy bói lấy búi tóc trong bụng con bệnh bằng máu lười. Mẹ cũng không màng anh có quen người này người kia hay không, có gọi nhớ gì không. Quan trọng gì, mẹ sẽ ở lại nhà anh vài ba ngày rồi phải về coi vườn tược, thời gian mẹ con gần gũi cũng ngắn ngủn, nên phải tận dụng những thứ có thể nói được với nhau.

Bằng cách đó mẹ buộc anh vào quê nhà, dù sợi dây

đó không thấy được bằng mắt thường, mong manh. Đôi khi anh cũng vượt khỏi nó, trôi tuột theo vài cuộc điện thoại thẳng căng của cuộc mưu sinh bù đầu. Mẹ, một chân rút lên ghế, tờ mờ ngó ra rào, thùng thẳng kéo anh về, "mùa này so dưa trở bông...". Ngay lập tức anh nghe ngọt trong cổ họng cái vị của mật nằm sâu trong cuống bông, cái hình ảnh nửa vàng trắng cong treo chi chít trên cành, và mùi thơm của nồi canh chua bông so đũa nấu với cá rô đồng, nêm rau tần dày lá.

Và những con Tím con Lẹ nào đó mà anh vẫn nhớ mùi ghè chóc, giờ nằm vồng ru cháu nội, ngoại trước mặt anh, ngay giữa thành phố và căn nhà rào cổng kín bưng. Họ đến với anh bằng mái tóc bạc, đuôi mắt răn reo...qua cái giọng kể hiên queo của mẹ. Khó mà nắm bắt cho rạch ròi những chuyện không đầu cuối đó nhưng nó mang đến một cảm giác khó tả,



xáo động một cách êm đềm. Tàu chạy quá xá nên lơ mất bụi quao dưới bên. Cuối năm nay người ta bắc cây cầu qua sông Đầm. Người chị em bạn dì của anh thôi chồng, về xứ cất quán bán cóc ken. Đứa cháu họ xa với đại bác bắn không tới mới đậu đại học. Bầy vịt xiêm vừa thay lông, chắc tới đậm giò nội là lại sức, thể nào chú Ut cũng xắn mấy mọt măng đem qua. Măng hầm thịt vịt là món bà nội ưa nhút, hồi còn sống.

Như thế mỗi chuyện là một cọng nan tre, mẹ tiện tay đan thành tấm liếp che nắng, gió cho anh đỡ rạc ròi.

Nhưng đó là chuyện hồi trước, giờ chuyện quê nhập nhao trong cơn đảo điên của đời sống. Anh tự hỏi vì giọng chị Hai không giống mẹ, hay vì những câu chuyện khác xưa rồi. Chẳng chối. Bén nhon. Chị Hai còn biết kể gì ngoài những độ nhậu nhóm lên từ sáng sớm. Ba mẹ con bên xóm tự vẫn chết bằng thuốc sâu. Gần nhà xảy ra mấy vụ đâm xe máy. Một thằng nhỏ trộm chó bị xóm xông vào đánh gãy xương vai. Một cuộc ẩu đả của mấy anh em con cô con dì, chỉ vì ranh đất xê xích có một tấc. Anh nghĩ đó không phải thứ mình chờ đợi, những gì xảy ra ở xứ sở miệt vườn xa xôi kia phải dịu dàng hơn thứ tin tức anh vẫn thường tiếp xúc trên trang báo hàng ngày. Anh nghĩ cái xóm mà mẹ anh nằm lại, nó phải đứng ngoài những cơn gió lốc của cái đời sống loạn lạc này. Như nó đã từng thờ ơ đi qua mấy bận binh lửa, mấy bận chính thể đất nước đổi thay, mấy bận thanh trừng. Mãi mãi trong hình dung, quê anh như cụm bông gòn vừa bong ra khỏi trái, bay bằng quơ ơ thờ ơ đâu cũng được.

Trong ngôi mộ đã bắt đầu xanh cỏ của mẹ, những câu chuyện nhà quê đã từng làm bóng mát cho anh cũng hóa đất. Đốm bông gòn hiền queo đã thốc bay, cuốn vào dòng loạn lạc. Anh biết không phải tại chị Hai kể chuyện miệt vườn không hay.

Nguồn:
(<https://www.facebook.com/nguyenngoc4/>)

TÌNH YÊU THIÊN NHIÊN

*Bao lâu rồi trong tâm tư thâm lặng,
Một tình yêu trong tận đáy trái tim,
Tình yêu tôi thường lắng đọng trong tim,
Yêu quê hương, yêu non sông nhân loại,*

*Tình thương yêu không phân chia bến hải,
Trong tình người không sắc tộc màu da,
Yêu nụ cười và tiếng nói trẻ thơ,
Thương mẹ hiền tháng năm dài tàn tảo.*

*Tình yêu tôi, yêu tự do bốn biển,
Mong năm châu nhân loại sống thanh bình,
Mong trẻ già, trai gái sống yên lành,
Khắp non nước tỉnh thành đều an lạc.*

*Đó và đây cỏ cây chim đùa hót,
Đất Biển Hồ mang sức sống muôn dân,
Cây bốn mùa hoa lá kết đơm bông,
Thành trái ngọt lúa thơm nuôi trăm họ,*

*Mặt Trời cao tỏa điện năng vô tận,
Hơi ấm là... một nguồn sống thiên nhiên,
Ánh sáng là... một sự sống vô biên,
Không khí cho nguồn điện năng bất tận...*

*ĐẤT NƯỚC GIÓ LỬA, điện năng không tận,
Tất cả đều do Trời Đất tạo ra
Dòng sinh linh muôn loại ở một nhà,
Vạn sự sống đều bắt nguồn từ một...*

*Ơn Mẹ Cha dưỡng nuôi bao khó nhọc,
Ơn Quê Hương Tổ Quốc tạo nên người,
Ơn Thầy Tổ Chúng Sanh nên trí tuệ
Ơn Tam Bảo nhiệm màu tỏa khắp nơi...*

*Trời và Đất, ơn cao không kể hết,
Sự sống này là ơn nghĩa vô biên,
Dưỡng nuôi con là Trái Đất Mẹ Hiền
Tình thương ấy xin dâng lên đất Mẹ.*

thơ THỰC UYÊN

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



KHÉO LỜI

Y vốn là Phật tử ruột, rất lanh miệng biện bác, khéo lời, lại thuộc nhiều điển tích... mỗi lần vấn đáp y đều lần lượt mọi người, thực tế thì y giải đãi và buông lung chứ chẳng được như lời. Một đêm nọ y vừa chợp mắt thì thấy ma vương về mặt hầm hầm đầy giận dữ đầy sát khí:

- Cồ Đàm, sao ông lại giải thoát chúng? Người ở thế gian này do ta cai quản kia mà!

Phật bình thản, từ tốn:

- Ta chẳng giải thoát cho ai. Ta chỉ là người thức tỉnh và chỉ đường. Người nào muốn giải thoát thì tự họ đi đấy thôi!

Ma vương vẫn to tiếng:

- Ta cai quản thế gian này, mọi người là thần dân của ta. Ta không muốn bất cứ kẻ nào thoát khỏi tay ta!

Phật nói với ma vương:

- Không chỉ mọi người mà cả người cũng cần thức tỉnh!

Chợt tiếng con puppy sủa vang làm y tỉnh giấc, trong đầu còn văng vẳng:

Khéo lời chẳng cứu được đâu

Thôi mê tỉnh thức mà mau phụng hành

Học đạo phải dụng tâm thành

Con đường giải thoát chẳng dành riêng ai.

ĐAU CHỈ MỘT ĐỜI

Dịch bệnh nghiêm trọng, chùa cũng đóng cửa, mọi

hoạt động ngưng trệ. Thầy nói pháp và giải nghi qua trực tuyến, nhiều câu hỏi có cùng nội dung:

- Khi gần chết, nghiệp lực nào mạnh, nó sẽ dẫn dắt thần thức đi tái sinh, chẳng có gì đảm bảo khi sắp chết nghiệp lực thiện hay ác sẽ xuất hiện trước, vậy mình tu chỉ cho uống công sức?

Thầy trả lời:

- Đúng thế, nhưng giờ trong cái lồng xỏ sổ đó, mình cứ thêm vào cho nhiều những con sổ mình muốn, thì khi xỏ xác xuất con sổ mình muốn sẽ cao hơn, và lại cái nghiệp thiện - ác nó đâu chỉ trong một đời, nó còn theo mình nhiều đời nhiều kiếp nữa kia mà!

VỮNG TAY LÈO LÁI

Trời đất nổi cơn gió bụi dữ dội, sóng gió ầm ào, lũ thủy quái trong nước muốn làm lật thuyền, bọn người trên bờ quăng câu liêm muốn giết lấy thuyền... Nhiều người hoảng sợ bỏ lên bờ, kẻ sang thuyền khác, cũng có nhười lại hòa theo muốn nhấn chìm nó. Ông lão lái thuyền và vài người còn lại quyết giữ lấy con tàu. Ông lão kêu thống thiết:

- Quý huynh đệ muốn rời thuyền cứ rời, xin đừng nhấn chìm nhau cho nó chìm!

Bọn thợ chài thấy thế tức giận mạ lỵ không tiếc lời, ra tay quyết đoạt cho bằng được.

- Lão già cứng đầu, ông không sợ chết sao? Dám chống lại triều đình?

Ông lão lèo lái con thuyền đồng dặc:

- Chúng tôi chẳng chống ai, chúng tôi cũng chỉ mong lái con thuyền đến bến bờ bình an, chuyện huynh đệ của chúng tôi cứ để chúng tôi tự giải quyết!

Ông lão thật cô đơn, quanh ông giờ chỉ còn dăm ba người, những huynh đệ pháp hữu đều cạy tàu rảo máng. Ngày ông lão tịch, lễ tang vô cùng đơn giản, trong những liên đới mà người đời hằng ngưỡng mộ gởi về kính viếng, thiên hạ đọc thấy có câu:

"Quảng khắp thế gian đức hạnh sa môn tinh thần vô úy ra tay lèo lái thuyền đạo pháp"

Độ cả trong ngoài trí huệ tăng nhân dẫn thân đương đầu chuyện nước non."

THAY ĐỔI

Ngày mới yêu nhau, tâm hồn tràn đầy mơ mộng bướm hoa, lòng lâng lâng mờ thốt:

- Anh yêu em đến mặt trăng và trở về mặt đất. Anh sẽ yêu em suốt đời!

Rồi hai người lấy nhau, cuộc sống cơm áo gạo tiền và bao nhiêu thứ lo toan khác làm cho mờ trở nên cộc cằn hồi nào cũng chẳng biết. Chung đụng nhau rồi mới thấy những tánh xấu của nhau. Mồ lầu bầu:

- Giá hồi ấy đừng gặp nhau thì đâu đến nỗi này!

Thầy nghe được tâm sự, kêu mỗ lại:

- Ngày ấy từ mặt đất lên cung trăng rồi trở về, nay từ mặt đất xuống địa ngục lại trời lên, hãy đứng vững trên mặt đất, đừng lên xuống chi cho cực!

Mỗ thấy thầy hóm hỉnh cũng hiểu lời mở, định hỏi thêm nhưng chưa kịp mở miệng thì thầy đã nói:

- Rốt cuộc chẳng có trăng hay địa ngục chi cả, cái tâm vô thường nó thay đổi liên li thể thôi! Xấu tốt gì cũng rảnh giải kết để mà sống!

TRƯỜNG

Anh xuất thân trong gia đình có thể lực của chốn quan trường, thuở nhỏ học giỏi có tiếng ở học trường, lớn lên nổi tiếng là tay ăn chơi sát gái ở chốn tình trường, lại được tập ấm làm ông nghị ở nghị trường vừa là tay lái buôn trên thương trường. Anh chưa một ngày chịu cảnh bọm rơi đạn lạc của chiến trường.

Thế gian vốn vô thường, ngày kia quốc gia đổi chủ. Anh cũng như mọi người rơi vào cảnh đêm trường, vì dính dáng đến chính trường nên phải lâm vào lao trường. Khi ra khỏi tù, nhìn những tấn tuồng đời như kịch trường nên anh quyết chí tu tập và chạy trường. Một đêm trăng, sau khi xuất thiền anh khe khẽ ngâm nga:

Phước họa mà ra một chữ trường

Vô thường nên chịu lắm đau thương

Thôi nhẽ từ đây buông bỏ đặng

Theo thầy thọ giáo đấng sư vương.

Ý QUAN

Một hôm sếp lớn đi xuống cơ sở để thanh tra chi

đó. Sếp hỏi một sếp nhỏ của địa phương:

- Đồng chí thấy tôi điều hành công việc như thế nào? Cứ mạnh dạn phê bình và tự phê để phát triển nhé!

Sếp nhỏ thật thà:

- Đồng chí lãnh đạo rất hăng hái nhiệt tình, nhưng vì chưa có chuyên môn nên công việc đình trệ, hồ sơ chất đống, dân than vãn quá trời.

Sếp lớn bỏ đi không nói gì, mấy hôm sau có công văn xuống điều sếp nhỏ làm nhân viên văn phòng và cử người khác lên thay. Nhiều người ngạc nhiên không hiểu vì sao, duy có tay đàn em lâu nay theo sếp nhỏ thì biết, y nói to:

- Thật thà là cha đứa đại! Sếp lớn hỏi ý kiến tức là sếp muốn anh khen, sao anh khờ quá vậy?

CỪU NÀO CŨNG THẾ

Vượt biên sang đây lúc còn trẻ, thời ấy kinh tế tăng trưởng, việc làm nhiều, lương lậu khá, vật giá rẻ... Bởi thế Việt chỉ lo kiếm tiền và hưởng thụ chứ chẳng chịu học hành. Thời thế thay đổi, kinh tế xuống thấp, việc làm khó khăn, chủ hãng cắt giảm phúc lợi, o ép đủ điều. Công nhân trong hãng im ru, không ai dám nói năng gì. Bạn bè bảo nhau:

- Tụi quản lý không đuổi nhưng cố tình làm khó để người cũ nghỉ, tụi nó sẽ mướn người mới trả lương thấp hơn và không phải trả những phúc lợi khác.

Việt lầm bầm với mấy đồng hương:

- Tụi mình là di dân, nên đành cam chịu. Tụi công nhân bản xứ sao cũng im lặng? Lẽ ra tụi nó phải lên tiếng phản ứng mới phải!

Chú Chín làm chung với Việt, cười:

- Ai cũng sợ mất việc! Cừu trắng, cừu đen cũng chẳng khác cừu vàng!

NGƯỜI Ở LẠI

Sau khi cuộc chiến tàn, những người may mắn đã di tản kịp, những kẻ kém hơn thì cũng tìm cách vượt biên, đại đa số thì ở lại và nơm nớp lo sợ không biết ngày mai ra sao. Thế rồi những "trận chiến mới" xảy ra, bao nhiêu người mất sạch tài sản, nhà cửa, đất đai, sách báo đổ ra hè để đốt, kẻ thì bị đuổi lên rừng rú hoặc bị đẩy về vùng sâu. Anh Văn rời thành đô về lại miền sông nước ngày xưa.

- Về đây quảng chà thả lưới kiếm cái ăn độ nhật.

Bạn của Văn may nhờ có thân nhân ở trong ủy ban nên được ở lại, ngày ngày cặm cuội trong một xưởng máy để sống sót qua cái thời gạo châu củi quế. Văn nhớ thành đô, nhớ bạn, nhớ thời tự do phóng bút ngày cũ nhưng chẳng dám viết, cái tích "Ngục văn tự" đời xưa ở bên Tàu giờ sống lại bên ta. Nhân có người xin được giấy phép lên thành đô thăm thân nhân. Văn viết vội vào cuốn tập học trò vài câu và nhờ chuyển cho bạn cũ:

Chốn sông nước đời tự lục bình bồng bênh theo tháng năm

Nơi phố thị sống như người máy mảy mò cho trọn kiếp.

STEVEN N
Georgia, 05/2021



The Story of an Old Brahmin

Dhammapada, Verses 320, 321 & 322

While residing at the Veluvana monastery, the Buddha uttered Verse (324) of this book, with reference to an old brahmin.

Once, there lived in Savatthi an old brahmin who had eight lakhs in cash. He had four sons; when each one of the sons got married, he gave one lakh to him. Thus, he gave away four lakhs. Later, his wife died. His sons came to him and looked after him very well; in fact, they were very loving and affectionate to him. In course of time, somehow they coaxed him to give them the remaining four lakhs. Thus, he was left practically penniless.

First, he went to stay with his eldest son. After a few days, the daughter-in-law said to him, "Did you give any extra hundred or thousand to your eldest son? Don't you know the way to the houses of your other sons?" Hearing this, the old brahmin got very angry and he left the eldest son's house for the house of his second son. The same remarks were made by the wife of his second son and the old man went to the house of his third son and finally to the house of his fourth and youngest son. The same thing happened in the houses of all his sons. Thus, the old man became helpless; then, taking a staff and a bowl he went to the Buddha for protection and advice.

At the monastery, the brahmin told the Buddha how his sons had treated him and asked for his help. Then the Buddha gave him some verses to memorize and instructed him to recite them wherever there was a large gathering of people. The gist of the verses is this: "My four foolish sons are like ogres. They call me 'father, father', but the words come only out of their mouths and not from their hearts. They are deceitful and scheming. Taking the advice of their wives they have driven me out of their houses. So, now I have got to be begging. Those sons of mine are of less service to me than this staff of mine." When the old brahmin recited these verses, many people in the crowd, hearing him, went wild with rage at his sons and some even threatened to kill them.

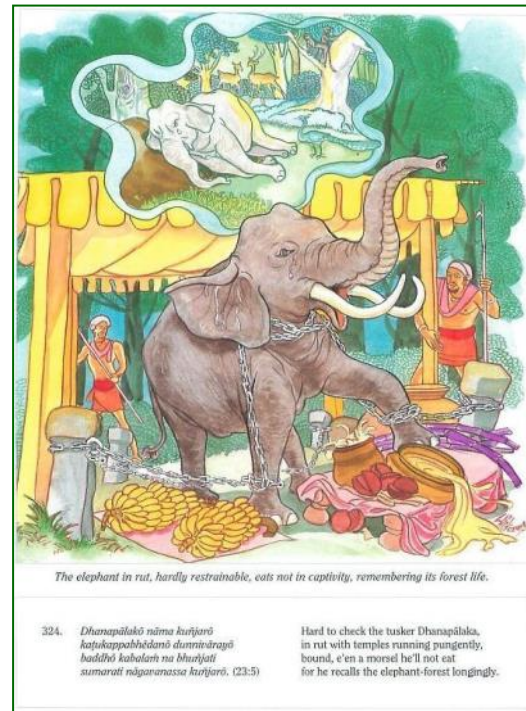
At this, the sons became frightened and knelt down at the feet of their father and asked for pardon. They also promised that starting from that day they would look after their father properly and would respect, love and honour him. Then, they took their father to their houses; they also warned their wives to look after their father well or else they would be beaten to death. Each of the sons gave a length of cloth and sent every day a food-tray. The brahmin became healthier than before and soon put on some weight. He realized that he had been showered with these benefits on account of the Buddha. So, he went to the Buddha and humbly requested him to accept two food-trays out of the four he was receiving every day from his sons. Then he instructed his sons to send two food-trays to the Buddha.

One day, the eldest son invited the Buddha to his house for alms-food. After the meal, the Buddha gave a discourse on the benefits to be gained by looking after one's parents. Then he related to them the story of the elephant called Dhanapala, who looked after his parents. Dhanapala when captured pined for the parents who were left in the forest.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 324: The elephant called Dhanapala, in severe must and uncontrollable, being in captivity, eats not a morsel, yearning for his native forest (i. e., longing to look after his parents).

At the end of the discourse, the old brahmin as well as his four sons and their wives attained Sotapatti Fruition.



Tác phẩm để đời

TIỂU LỤC THẦN PHONG

ĐOÀN VĂN / TÙY BÚT

Y viết được dăm bài thơ, vài truyện ngắn gởi đi khắp nơi, hồng biết chất lượng thế nào mà chả thấy toà soạn nào hồi âm cả. Duy có tờ Đại Thời Ngôn của địa phương chịu đăng, có lẽ đăng để trám chỗ trống những khi quảng cáo thiếu hoặc giả không có được gì trên mạng, nhất cử lưỡng tiện. Nhờ vậy mà báo vừa có bài mới vừa chẳng phải tốn công chi cả.

Từ ngày bài được đăng, y trở nên khác hẳn, đi đứng khênh khênh, nói năng toàn lời lẽ đao to búa lớn hoặc giả là lý thuyết cao siêu, lý luận lập trường rất cứng, chỉ tiếc là kẻ đối diện thấp quá, không hiểu nổi y nói gì. Có kẻ thấp kém còn bảo: "Hiểu chết liền!" Y nghe được cười khinh khinh ra vẻ không chấp bọn hạ đẳng. Bài của y được vài người thân khen lấy để mà cổ khen, khen dãi bôi... không ngờ y tưởng thật, y sướng rôm cả mình mấy, tinh thần phát cao tựa như thăng hoa phát tiết tinh anh tới thời. Y ngỡ mình đã thành đại văn hào hay đại thi sĩ chi đó. Trong đầu y lập tức phác họa ra một viễn tượng cao xa và lớn lắm. Y đang thai nghén hay ôm ấp một hoài bão là sẽ viết một tác phẩm để đời, một tác phẩm cực kỳ lớn mới có thể dung chứa được toàn bộ tài năng của y. Tác phẩm ấy phải dùng loại ngôn ngữ bác học, tuyệt đối tránh những từ ngữ "Nôm na mách quế", ý nghĩa phải đa tầng, nội dung thì thâm thúy, phản ánh chuyện đời chuyện đạo...

Điều quan trọng là tác phẩm của y phải tránh những vấn đề vặt vãnh, nhỏ bé, tụn mồn đại loại như: chuyện dân mất đất, chuyện quan xử oan, chuyện ăn cắp của công hay chuyện cô chiều câu ấm cây thế làm càn, ăn chơi khoe thân khoe của...



Tác phẩm dự tính viết phải có tầm nhìn vĩ mô, phản ánh những vấn đề cực kỳ quan trọng và vĩ đại của thời đại hôm nay, của kỷ nguyên kỹ thuật số, kỹ thuật điện toán... Y dự định sẽ viết những vấn đề có tầm bao quát toàn thế giới, phải có chiều sâu của lịch sử nhân loại và nhất là phải có cái nhìn đi tắt đón đầu thời cuộc. Y cho rằng vấn đề y viết phải lưu lại cho lịch sử ít ra cũng vài trăm năm, kiểu như cụ Tiên Điền "Bất tri tam bách dư niên hậu" vậy!

Kể từ lúc đề ra kế hoạch viết tác phẩm để đời như thế, y ngày đêm cứ như người mộng du, lúc nào cũng suy nghĩ dăm chiêu để tìm ý tứ cho câu văn, nghĩ suy cái đề tài ấy phải trình bày sao cho hàng thức giả, đại trí thức đọc phải suy nghĩ và phải tác động vào tâm thức của họ. Y dẫn đo

lựa chọn từ ngữ thật kỹ càng, phải dùng những thuật ngữ đầy trí tuệ, ẩn chứa sự thông minh và trác tuyệt nhất. Y cũng tốn nhiều tâm lực để tìm tòi những thuật ngữ khoa học hiện đại để dùng trong tác phẩm lớn ấy. Y cho rằng, thời đại hôm nay là thời đại hoa học kỹ thuật tân tiến, nhất định tác phẩm của y phải cập nhật những phát minh, sáng chế hàng đầu của nhân loại, tỹ như: Kỹ thuật 4.0, đám mây, mạng 5G... và những phát kiến tầm cỡ vũ trụ như thám hiểm, thăm dò sao hoả, mặt trời... Điều đó sẽ chứng tỏ y là tác giả thức thời, hiện đại. Chưa hết, y còn quan niệm thời đại toàn cầu hoá, trái đất này nhỏ bé như một ngôi làng. Các nền văn minh va chạm dữ dội, các truyền thống văn hoá của các dân tộc khác nhau sẽ giao thoa và tác động qua lại, vì thế tác phẩm của y phải có tính chất toàn cầu, thể hiện sự tương tác và giao thoa của các nền văn minh lớn trên thế giới. Y cũng không quên tự nhắc nhở mình không sa đà mở rộng, vì thế sẽ làm loãng cái tính đậm đà của bản sắc dân tộc. Y chủ trương "Hoà nhập nhưng không hoà tan." Y vẫn thường tâm niệm "có thực mới vực được đạo," kinh tế là chủ chốt, xuyên suốt mọi vấn đề khác, kinh tế quyết định những mối quan hệ xã hội và gia đình. Ai nắm được hầu bao thì có quyền chi phối kẻ khác. Thời đại vĩ mô, toàn cầu hoá các tập đoàn kinh tế sẽ quyết định tình hình kinh

tế thể giới. Thị trường chứng khoán là biểu đồ, là nhiệt kế của nền kinh tế, vì thế y quyết định dành một vài chương để trình bày về kinh tế vi mô và vĩ mô. Y sẽ đề cập đến bản chất và sự tác động của kinh tế đối với xã hội và hạnh phúc gia đình, những lợi ích to lớn cũng như hệ quả tất yếu của kinh tế. Y sẽ phân tích và đưa ra những nhận định, những dự đoán cho nền kinh tế thế giới trong thời đại toàn cầu hoá. Y vốn là người phương Đông nên cũng có máu hoài cổ, vì vậy y lục tìm những tài liệu cổ để có cái nhìn tổng quan về kinh tế của thế giới cổ đại. Y sẽ đưa vào tác phẩm của mình những con số, những dữ liệu thật đáng tin cậy của nền kinh tế nhân loại từ cổ chí kim.

Khi chuẩn bị bắt tay vào viết, y xác định rõ lập trường quan điểm vững mạnh, phải có tư tưởng lớn để tác phẩm không rơi vào tình trạng tũn mủn, vụn vặt. Y xuất thân từ vài khoá học về khoa học xã hội, lại được tập huấn về lý luận, bổ túc thêm những lớp về tranh đấu giai cấp... vì thế y lựa chọn từ ngữ, văn ngôn cẩn trọng, chỉnh chu. Văn phải có tính chính luận, lại phải đột phá và khai phóng, phải tiếp cận với trào lưu hiện đại, hậu hiện đại lẫn siêu hình thức, tân hình thức... Những chương về chính trị thì lập luận sắc bén, kiên quyết về lập trường, bảo vệ quan điểm giai cấp, không chấp nhận tư tưởng diễn biến, hoà hiệp... mảng kinh tế phải có tính chuẩn và chính xác, thể hiện như xác xuất thống kê. Mục văn hoá xã hội phải có tính phổ cập lại chuyên sâu để giới học giả có thể tham khảo và giới bình dân có thể tiếp cận được. Riêng mục văn chương phải bay bướm, lãng mạn, nhất định phải có thần cú xuất siêu, thơ thì tản thần thi tứ. Đặc biệt y sẽ cho ra một loại thi văn vô cùng độc đáo,



thơ lai văn để tạo ra sản phẩm có một không hai, đại khái như kiểu xe Hybrid chạy bằng xăng và cả điện hay ga vậy! Loại thi văn hay văn thi này thì rất hiện đại, phớt bỏ ngữ pháp, câu cú, dấu câu, quy tắc viết hoa... Thi văn hiện đại phải là như thế, có vậy mới phóng bút phát triển được cảm xúc nghệ thuật văn chương thi phú. Nhất định phá bỏ hết những ràng buộc về ngữ pháp, ngữ pháp ràng buộc cầm tù căn chương, phá hoại nghệ thuật. Thời đại hiện đại, văn thi phải tân hình thức, siêu thực, siêu tưởng... có thể tác phẩm mới xứng đáng tầm cỡ hoàn vũ.

Kế hoạch viết tác phẩm để đời vẫn ngày ngày càng hoàn thiện cấu tứ khung sườn. Y ngày đêm sáu thời đi, đứng, nằm, ngồi đều dồn tâm trí nghiền ngẫm về nó, bao nhiêu tâm tư dành hết cho tác phẩm lớn để đời. Ngay cả lúc làm tình y cũng suy nghĩ về nó, vì mãi nghĩ nên thiếu tập trung hành sự làm cho vợ y không thỏa mãn, vợ y bực tức sanh nghi y có bồ nhí. Y phải ra sức thanh minh thanh nga, phân trần giải thích về kế hoạch viết tác phẩm lớn để đời ấy. Vợ y phì cười: "Rõ vớ vẩn! Tác phẩm với tác màu, viết không khéo đụng chạm là đi

tù như chơi! Văn chương ầm ố hội tề, liệu sách viết ra có bán được xu teng nào chẳng? Ngủ đi, mai dậy đi cà vạt mà lấy tiền mua sữa cho con." Y cắt hứng, nhiệt huyết giảm nghiêm trọng, tự trọng bị tổn thương... nhưng y tặc lưỡi: "Đàn bà đái không khỏi ngọn cỏ, hơi đầu trách! Đàn bà vốn tũn mủn vụn vặt chuyện cơm áo gạo tiền, làm sao với tới tư tưởng lớn, tầm nhìn xa, làm sao hiểu được cái dự án tác phẩm để đời ấy!" Nghĩ thế nên y cảm thấy được an ủi dễ sợ. Y còn cho rằng "Phàm việc lớn phải gặp trở ngại, có thử thách thì thành công mới vẻ vang." Y tự cười thầm và sung sướng như người tự sướng.

Đêm dần về sáng, bất chợt y ngồi dậy, tay chém dư dứ trong hư không, miệng lẩm bẩm "Phải dứt khoát viết cho xong tác phẩm này, mỗi ngày phải viết hai mươi trang!" Nghe động, vợ y thức giấc, thấy thế, cô ta rên rĩ "Khổ thân tôi! Lấy chồng văn sĩ, thà lấy ma cô dặt mồi còn có cái ăn bỏ lỗ miệng, lấy văn sĩ có mà ăn bánh vẽ!" Nghe vợ nói thế, y tỉnh người ra, nằm vật xuống, mắt nhìn trừng trừng lên trần nhà, bụng nghĩ thầm: "Đàn bà thật nhỏ bé, đáng thương làm sao? Đàn bà không thể hiểu được chí lớn của mình."

Đồng hồ báo thức đổ chuông “đỉnh đon, đỉnh đon...” liên hồi, trong đầu y loé lên một tia sáng: “Cần phải đưa vào trong tác phẩm của mình chuyện vợ chồng, đây cũng là đề tài thực tế, nhân bản và hữu ích cho loài người. Chuyện vợ chồng bên Đông hay bên Tây, từ xưa hay bây giờ cũng đều giống nhau, ngọt ngào thì ít mà chua cay thì nhiều. Vợ chồng nào cũng có vô số vấn đề để mổ xẻ, bàn tán, nghiên cứu... Vợ chồng lấy nhau, lập thành gia đình, mỗi gia đình là một tế bào hay một viên gạch của toà nhà xã hội. Gia đình có yên vui thì xã hội mới hoà bình và phát triển. Vợ chồng có ấm êm thì xã hội mới hoà hợp, thế giới mới hoà bình. Sức ảnh hưởng của gia đình rất lớn, vì vậy tác phẩm lớn để đời thì không thể thiếu vấn đề này! Đây là vấn đề cao cả, nhân văn. Y sẽ định hướng cho độc giả, giúp cho độc giả hiểu biết hơn, sống tốt đẹp hơn, như thế là phục vụ cho nhân quần và xã hội. Còn mãi nghĩ về đề tài “Vợ chồng và gia đình” trong tác phẩm của mình, chợt nghe cô vợ cắn nhai: “Ngày cuối tuần sao không tắt chuông báo thức? Lúc nào cũng ngơ ngẩn như kẻ mộng du, đẹp mẹ nó cái tác phẩm lớn để đời ấy đi!” Y lẳng lặng không trả lời, vì y biết đàn bà không thể nào hiểu được tư tưởng của y. Đàn bà chỉ biết son phấn là cùng, tư tưởng và tầm nhìn không qua nổi cái váy cũn cùn.

Y thức dậy sớm hơn mọi ngày, sau khi vệ sinh thì mở máy tính lên định viết, máy tính còn khởi động thì tâm ý y liền nghĩ về tên của tác phẩm. Cái tên rất quan trọng, người ta nói “xem mặt đặt tên” là vậy! Cái tên phải ít nhiều thể hiện nội dung, tư tưởng của tác phẩm, phải chuyển tải cái thông điệp mà tác giả muốn gởi gắm. Cái tên cũng cần phải có tính ẩn dụ để cho độc giả suy gẫm

khi cầm cuốn sách trên tay, có vậy mới hấp dẫn và lôi cuốn. Chưa hết, tác phẩm lớn thì cái tên phải có tính tuyến thống lại vừa mang dấu ấn hiện đại của thời đại. Y liệt kê ra một loạt những cái tên dự kiến cho tác phẩm, những cái tên đại loại như: Văn chương và thời đại toàn cầu hoá, Nghệ thuật ngôn từ thời kỹ thuật số, Văn chương và kinh tế tác động như thế nào đến gia đình... vân vân và vân vân. Những cái tên rất kêu, đầy ấn tượng, sau khi viết ra lại loay hoay lựa chọn, những cái tên nhảy loạn xạ như những con số lố to trong lồng quay. Cái tên này thì có tính nghệ thuật hơn nhưng tên kia thì có tính hiện đại, cái tên nọ thì phổ cập, cái tên ấy thì hưởng đến hàng độc giả có trình độ học thức cao... Tính tới tính lui đến khi trời sáng rõ bên ngoài mà vẫn chưa lựa chọn xong. Y gác lại, định bụng viết xong rồi chọn tên sau.

Những ngày kế tiếp y luôn động não tìm tòi, tìm câu, chọn chữ, viết được trang đầu thì trong đầu y lại nảy sinh vấn đề khác. Y tự nhủ “vấn đề chính trị, tôn giáo và giới tính là ba vấn đề cực kỳ nhạy cảm, đụng đến sẽ va chạm, sẽ bị nhà cầm quyền làm khó, sẽ bị dư luận chống đối, bạn bè tranh cãi thị phi... nói chung là vô cùng rắc rối! Mình phải tránh né ba vấn đề này, và lại làm nghệ thuật phải phi chính trị, phi tôn giáo, phi giới tính. Nghệ thuật đích thực phải nằm ngoài ba vấn đề này, nhất là vấn đề chính trị, cho dù có nói đến dân chủ hay nhân quyền cũng không hay ho gì, nó sẽ làm mất tính trong sáng, tính hoàn mỹ của nghệ thuật. Nghĩ đến đó thôi, chí khí y cao ngất như Trường Sơn, nhiệt huyết bùng bùng như lửa lớn, cảm hứng trào dâng như sóng biển, tư tưởng bay bổng như gió lớn. Y thấy

mình vượt xa, vượt cao hơn đồng loại, thấy mình bay bổng trên hư không như đại bàng, nhìn xuống thấy cây cỏ bụi bờ thấp bé; thấy chồn cáo, thỏ chuột sao mà đáng thương quá. Y cao hứng lắm bấm một mình: “Rồi đây nhân loại sẽ ghi nhận thành quả của ta, tác phẩm của ta sẽ được trang trọng lưu giữ ở những thư viện lừng danh của Oxford, MIT, Quốc hội Hoa Kỳ, Georgia Tech...” Y sung sướng mở màng tưởng tượng y sẽ là nhà văn gốc mít đầu tiên được giải Nobel văn chương, sẽ được mời nói chuyện ở các viện đại học lớn của thế giới. Tác phẩm để đời của y sẽ được giảng dạy ở bậc đại học, các học giả về giáo dục, nghệ thuật, ngôn ngữ... sẽ lấy sách y làm kim chỉ nam. Các nhà xã hội học, kinh tế gia sẽ nghiên cứu tác phẩm của y để đề ra kế hoạch cho hiện tại và tương lai. Các nhà hoạch định chính sách sẽ dùng tư liệu trong tác phẩm để đời của y để vạch ra đường lối phát triển kinh tế, xã hội. Các nhà thơ sẽ lấy tác phẩm của y làm sách gối đầu, sẽ ứng dụng cách sử dụng ngôn từ nghệ thuật...

Những tuần kế tiếp y tiếp tục viết, cầm cúi viết, mày mò viết, thỉnh thoảng ngồi thừ ra nghiên ngẫm sẽ thêm vấn đề này, loại bớt mục nọ để cho tác phẩm hoàn hảo tuyệt đối, hoàn hảo kiểu như quyển “Lã Thị Xuân Thu” của Lã Bất Vi vậy! Tác phẩm của y sẽ hoàn hảo đến độ không thể thêm hay bớt một chữ hay một từ nào. Y lại thầm nghĩ “Giá mà mình có tiền và có thể lực, mình cũng sẽ treo vàng làm thưởng cho những ai có thể thêm bớt hay sửa chữ nào trong tác phẩm của mình.” Y viết rồi tẩy xoá, sửa chữa, thậm chí viết dặm trang lại bỏ đi để viết lại cho nó hay hơn.

Tiếp những tuần sau, suy nghĩ đã chín muồi, nội dung tác phẩm cũng phác hoạ

xong, ngôn từ đủ rồi. Y tiếp tục viết, cứ viết vài đoạn thì ngưng để đọc và cảm thấy không hài lòng. Y lần bầu trong miệng: "Như thế này thì không hấp dẫn, cũng không thể hiện được văn phong bút pháp của mình." Y lại xoá và viết, y định ninh phải viết cho đậm đà nhưng phải bay bổng, câu văn vừa chỉnh chu nhưng không kém phần bay bướm thì mới ăn khách. Y lại cặm cụi viết, rì mọ viết cái ý nghĩ ra, khổn nỗi sao nó cứ tắc tị. Y còn ngổn ngang những ý tứ phải viết thế này thế nọ thì nghe tiếng vợ nheo nheo kêu đi đón con, bực bội vì quấy quá làm phân tán tư tưởng nên y làm nhảm: "Rõ chán đàn bà, ba cái chuyện trẻ con vật vãnh làm hỏng cả ý đồ nghệ thuật của ta, đàn bà thật chẳng biết tôn trọng lao động sáng tạo là gì cả!" Tuy vậy cũng phải tạm dừng việc viết lách để đi đón con.

Cho đến một hôm nọ, trời đã khuya lắm rồi mà y vẫn còn chong đèn mò mẫm viết, khổ nỗi cứ mười hàng là bí cả ngôn từ lẫn ý tứ. Y ngồi thừ ra đó, mần mê mấy sợi râu cằm, thỉnh thoảng vỗ trán tìm tứ mới. Vợ y từ phòng trong leó nhéo gọi: "Viết gì mà viết mãi không xong, chẳng biết cái nghệ thuật ấy có vực được mấy miệng ăn trong nhà này không? Ngủ đi! Mai dậy sớm đi cày, cứ đi trễ hoài hăng nó đuổi là không có tiền trả hoá đơn, bây giờ ăn mày cả đám!" Y gơ hai tay kêu trời: "Rõ khổ thân tôi! Đàn bà chẳng biết chi là nghệ thuật cả, phải biết hy sinh cái nhỏ nhặt của đời thường để đạt cái đỉnh cao của nghệ thuật!"

Tuy miệng nói cứng vậy nhưng vẫn tắt đèn đi ngủ, trong giấc ngủ chập chờn, tác phẩm lớn để đời cứ lung linh như cánh bướm trong tâm ý của y.

TIỂU LỤC THẦN PHONG

HƯƠNG THIÊN

*Hẹn mùa Phật Đản cùng về
Nghe kinh dưới cội bồ đề ngàn năm
Hóa thân trong ánh đạo vàng
Cây sa-la tỏa trăm ngàn sắc hương.*

*Đi từ tiền kiếp muôn phương
Chân tâm khởi niệm tà dương phận người
Lần tràng hạt đếm luân hồi
Tình trong vô lượng thương đời phù sinh.*

*Chìm trong muôn cõi u minh
Con đường tâm đạo chữ tình đa đoan
Hương thiên vọng tiếng chuông ngân
Giọt sương cam lộ trong ngần bao la.*

*Con thuyền bát nhã ai qua
Cho mùa sen nở đóa hoa vô thường
Nhủ lòng đơm hạt từ tâm
Nương theo cửa Phật hương trầm thoảng bay.*

MÂY TRẮNG TRONG GIÁC MƠ TÔI

*Trong mơ chợt thấy mẹ về
Trời treo chớp bể từ bể mưa giăng
Mẹ qua sương núi mây ngàn
Đôi theo tôi mãi đường gân nẻo xa.*

*Hạc bay cuối nẻo trăng tà
Trăng non hao hót trăng già mờ cô
Chiều ngồi bên mộ mẹ ơi
Lắng nghe cỏ hát mấy lời tình tang*

*Trong mơ chợt thấy mẹ nằm
Ru tôi cánh vồng trần gian một đời
Đò chiều một chiếc lá rơi
Mùa Vu Lan đến đâu người cài hoa.*

*Sông dài đỏ mãi khơi xa
Tình yêu mẹ chảy lời ca dao buồn
Tóc người gột cả khói sương
Mẹ thành mây trắng suối nguồn trong tôi.*

thơ NGUYỄN AN BÌNH
(Lương Mạnh)



VƯỜN THIÊN

Thơ Lương Mạnh
Nhạc Phan Bá Kiệt

Andante-Thư thái ♩ = 65

The musical score is written on a single staff in treble clef, key of D major (two sharps), and 2/4 time. It begins with a treble clef, a key signature of two sharps, and a 2/4 time signature. The tempo/mood is 'Andante-Thư thái' with a metronome marking of ♩ = 65. The score consists of 16 measures. The lyrics are written below the staff, aligned with the notes. The melody is simple and melodic, with some rests and ties. The piece ends with a double bar line and a repeat sign.

Một giọt sương lấp lánh. Trong veo đến lạ thường. Sen
hồ thơm bát ngát. Trà sớm thoảng mùi hương. Một bông hoa biết
hát. Vẫy gọi bình minh lên Chào mào tròn xoe
mắt. Hót bằng lời không tên. Một tiếng cười trẻ
thơ Tan biến hết muộn phiền. Ngây thơ như thuở
bé. Xanh hoài tuổi thần tiên. Một tiếng chuông tỉnh
lặng. Trôi theo chiều mênh mông. Vườn thiên vô ưu
mở. Tiếng mẹ về bên sông.

04/5/2021

MỤC ĐÍCH VÀ CHỦ TRƯỞNG của **THƯ VIỆN PHẬT VIỆT**



Nam mô Bốn sư Thích ca Mâu ni Phật

Nhận thấy sự tiếp nối mạng mạch từ bi, trí tuệ, dũng mãnh vô song của Phật giáo Việt Nam cần được tiếp tục và nối rộng cho thế hệ mai sau, chúng con/chúng tôi mạo muội làm những việc tu thư như thế này. Trang mạng xã hội (Facebook) <https://www.facebook.com/thuvienphatviet> đã ra đời vào ngày 06.02.2018 và trang nhà (website) <https://thuvienphatviet.com> chính thức ra mắt vào ngày 12.02.2021 nhằm lưu trữ, giới thiệu những tài liệu quý, các thể loại Kinh, Luật, Luận của Phật Giáo, cũng như những tài liệu nghiên cứu Phật học và kinh nghiệm dung-hoá, thực hành chánh pháp đến với mọi người, nhất là giới trẻ.

Thư viện Phật Việt được sự cổ vũ, khuyến khích, giúp đỡ bởi Chư Tôn Thiền Đức và quý pháp hữu trong – ngoài nước. Các trang mạng xã hội và trang nhà Thư viện Phật Việt được trực tiếp điều hành với một Ban biên tập trẻ là các Cư sĩ Phật tử. Chúng con/chúng tôi làm việc tự nguyện, không vụ lợi, và độc lập trong tinh thần vô cầu, vô tranh dựa trên nền tảng Bi-Trí-Dũng và tam vô lậu học.

Thành phần Ban Biên tập hiện nay gồm có:

- Cư sỹ Tâm Thường Định
- Cư sỹ Nguyên Không
- Cư sỹ Nguyên Túc
- Ban Kỹ thuật: Lotus Media Group và Hoa Đàm Group

Trong nỗ lực kết tập các tác phẩm văn hóa Phật Giáo – Dân Tộc và Giáo Dục xưa lẫn nay, việc biên tập, sưu lục các văn bản từng được phổ biến nhiều nơi, từ các nguồn khác nhau, mà nhất là các văn bản được mã hóa đòi hỏi sự công phu tỉ mỉ và mất nhiều thời gian. Những sai sót nếu có, do vì chúng tôi còn trong giai đoạn dò dẫm, học hỏi và kiên nhẫn trong công việc để hoàn thiện dần dần, kính mong quý tác giả, độc giả niệm tình thông cảm, tha thứ và chỉ ra những chỗ thiếu sót, sai sót hầu sớm hoàn chỉnh.

Các bài viết, tư liệu được lưu trữ trên website là quan điểm độc lập của tác giả, không hẳn là quan điểm của Thư viện Phật Việt.

Thư viện Phật Việt hoạt động trong tinh thần không vụ lợi nhằm phổ biến giáo lý của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni. Mọi nghiên cứu và trích dẫn từ nguồn tư liệu của thư viện là hoàn toàn tự do (xin ghi rõ nguồn từ Thư viện Phật Việt). Trang nhà không có ý định vi phạm bản quyền, nếu có vấn đề, xin liên hệ Ban Biên tập để sửa chữa.

Trong việc làm thiết nghĩ vô cùng cần thiết và ý nghĩa này, chúng con/chúng tôi hoan hỷ đón nhận mọi ý kiến của quý vị độc giả. Xin vui lòng gửi các thư đóng góp ý kiến, thắc mắc, bài vở, tư liệu kinh sách, các trước tác và dịch phẩm nghiên cứu Phật học về địa chỉ: bbtphatviet@gmail.com. Xin thành thật cảm ơn.

Nam mô Thường Hoan hỷ Bồ tát ma ha tát.

Thay mặt Ban Biên tập

Tâm Thường Định – Bạch X. Phê

Vua Ưu Điền với pháp ly dục

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

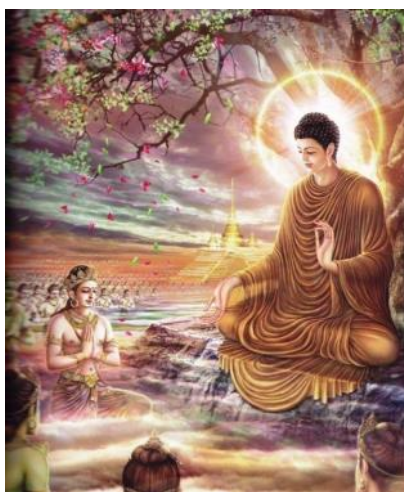
Khi Phật còn tại thế, có một nước tên là Câu Lâm, vua nước ấy hiệu là Ưu Điền. Trong nước có ông triệu phú tên là Mai Hối Đề, sinh hạ một gái nhan sắc tuyệt vời, trên đời không ai sánh kịp, vì thế song thân tặng cho cô gái cái tên Vô Tỷ. Vua các nước lân bang và các nhà hào phú đều đến cầu thân. Ông triệu phú trả lời: Nếu có người quân tử nào dung mạo xinh đẹp bằng con ông, thì ông mới nhận lời.

Bỗng, một ngày Phật đi qua nhà ông triệu phú, ông thấy Phật với 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, thân thể sáng chói như vàng, oai nghi trang nghiêm, tâm ông hoan hỉ và nói rằng: "Con ta có người sánh đôi rồi, ông liền trở vào bảo bà, tôi đã nhận thấy con người cho con mình làm bạn, bà nên sắm sửa cho nó và mình cũng sửa sang cùng nhau đem con đi." Bà triệu phú vội vàng lấy chuỗi ngọc kim cương đeo cho con và trang sức từ đầu đến chân trông như tiên nữ giáng thế. Cả ba cùng nhau đến chỗ Phật.

Bà triệu phú đi gần đến chỗ Phật, thấy dấu chân Phật đoán biết không phải người thường, nói với ông rằng:

- Dấu chân này không phải người phàm, chính là người thanh tịnh ly dục, không nên đem con mình đến mà bị nhục.

Ông không nghe, mắng bà biết chi mà nói. Bà can



không được, bực mình lui về, ông triệu phú một mình đem con đi.

Đến nơi ông đánh lễ Phật thưa rằng:

- Ngài khó nhọc đi khắp nơi giáo hóa, thân tôi không thể cúng dường, tôi xin cúng dường người con gái tôi để Ngài sai khiến.

Phật bảo:

- Con gái ông đẹp lắm phải không?

Ông thưa:

- Thưa Ngài, tôi chỉ sanh một gái duy nhất dung mạo thật thể gian không ai sánh kịp, các vị vương giả và các nhà hào phú đều ao ước mà tôi không nhận lời. Tôi thấy Ngài dung nghi tốt đẹp, trên đời không ai bằng, lòng tôi tham cúng dường nên đem đến Ngài để hầu Ngài.

Phật bảo:

- Ông bị mắt thịt mê hoặc, ta xem từ đầu đến

chân người con gái ông không có gì là đẹp. Trên đầu có tóc không khác gì lông đuôi ngựa, dưới tóc có đầu lâu, giống như đầu heo ở hàng thịt, bề trong có não không khác gì não heo, hai mắt thường chảy ghèn nước mắt, hai lỗ mũi, miệng, hi nhố mũi dãi, trong bụng có tim gan, phèo, phổi, ruột già ruột non, đầy dẫy hôi thối nhơ nhớp, không thể tả hết, chỉ như cái đầy da đựng đầy vật ô uế, bốn chân tay do các lóng xương nổi lại mà thành, nhử chút hơi thở mà sống. Nếu đem chia ra đầu một nơi, chân tay thân thể mỗi nơi mỗi cái, thế thì lấy cái gì gọi là đẹp, mà nói không ai sánh kịp? Trước kia khi tôi mới thành Đạo dưới gốc cây Bồ Đề, có ba nàng ma nữ ở cõi trời, hình dung nhan sắc, không ai sánh bằng, họ đến gần tôi chúc phá đạo chánh, tôi khi ấy nói pháp quán thân bất tịnh, như vậy, ba người kia bỗng nhiên thành già, tóc bạc, mặt nhăn, lấy làm hổ thẹn, bỏ đi mất. Ông thử nhìn xem thân người là vật ô uế có gì đáng gọi là đẹp. Ông nên đem con về, tôi không nhận lời ông đâu!

Ông Hối Đề nghe Phật dạy thế, không còn biết nói gì, lấy làm hối hận, lui thủ đem con về.

Ngày khác ông đem con gái đẹp dâng cho vua Ưu Điền. Vua được người đẹp, bằng lòng, liền phong tước lộc cho ông Hối Đề, vua rước

nàng vào cung, phong làm thứ phi, cấp cho một ngàn người hầu hạ múa hát, ngày đêm vui thú.

Hoàng hậu vua Ưu Điền quy y theo Phật đã lâu, bà tu hành chứng quả Tu Đà Hoàn.

Thứ phi thường tâm vua Hoàng hậu chứng quả, vua đem tâm nghi hoặc, lấy cung tên ra bắn Hoàng hậu. Hoàng hậu thấy tên không chút sợ hãi, cũng không giận hờn, chỉ nhất tâm niệm Phật, lại khởi từ tâm, hướng trước mặt vua. Những mũi tên vua bắn ra, đều lượn quanh Hoàng hậu ba vòng, trở lại rơi trước vua. Vua thấy thế lấy làm sợ hãi, liền lên xe bạch tượng đi thẳng đến chỗ Phật, gần tới nơi vua vội xuống xe, đi bộ vào cúi đầu lễ sát chân Phật, quỳ mà bạch:

- Thưa Thế Tôn, tôi có lỗi với Tam Bảo, vì tôi nghe lời tà siểm của người yêu nên tôi làm sanh niệm ác đối với Phật và Thánh chúng, tôi đem trăm mũi tên bắn Hoàng hậu là đệ tử Phật.

Thế rồi ông trình bày những cử động tàn ác của ông đối với Hoàng hậu, ông lo sợ hối hận, ông tin rằng chỉ có Đức Phật mới đầy lòng từ bi vô lượng, đến như người thường làm đệ tử Phật, cũng biết phát từ tâm đến thể, chính Phật là đấng Chánh Chân Vô Thượng, nên ông xin sám hối tội lỗi và quy y Tam Bảo.

Phật thấy ông thành thật trải bày tâm sự sám hối quy y, Ngài nhận lời và an ủi:

- Đại vương là người thông minh, mau biết tính ngộ thật đáng quý.

Vua cảm mến lễ Phật.

- Thưa Thế Tôn, tôi từ trước đến nay theo thói dử tợn ngu muội không biết nhẫn nhục, ba độc nó sai khiến tôi làm nhiều tội ác, nghe lời tà vạy không biết phải trái, nếu không gặp Phật, chắc tội lỗi càng sâu dày. Cúi xin Ngài thương xót nói rõ những tội lỗi tin nghe lời siểm nịnh, để tôi nhớ mà

giữ gìn, cũng để làm gương cho người đời sau.

Phật dạy:

- Hay lắm! Ông phải chăm nghe và gìn giữ. Ở đời có bốn điều người nam nữ, phải biết mà dè dặt:

+ Một là người dâm phu tâm thường mơ tưởng nữ sắc, bỏ quên Chánh Pháp nghe theo tà tín mờ tối, làm tội lỗi cho dục vọng, đem cả tâm trí chú trọng vào đó, ngoài ra không thấy gì hơn nữa.

+ Hai là khi có con mang nặng đẻ đau, tận tụy nuôi cho trưởng thành, tìm người xứng đôi vừa lứa, không kể xa gần, lặn lội cho được, chú ý nuôi dài mỗi dâm dục cho con. Khi có dâu rồi, nó quý vợ như của báu, riêng vui thú với nhau, chỉ nghe lời vợ, quên hẳn công lao cha mẹ, sinh thành dưỡng dục, trở thành bất hiếu.

+ Ba là người đời làm lung khó nhọc dành dụm tiền tài mà không nghe làm phước, bố thí, cúng dường, vì không hiểu cuộc đời vô thường, chỉ có phước đức là lâu dài đáng quý. Thế nên khi có vợ rồi, tâm tình mê man, quên hết việc phải, chăm chú vào nữ sắc, tuy có muốn bố thí, làm các việc phước thiện khi nói ra bị vợ ngăn cản thì thôi, đành chịu thành kẻ tiểu nhân, vì vậy mà quên lời răn dạy trong kinh điển, không biết tội phước, bị ma nữ sắc ám ảnh, khổ khổ suốt đời.

+ Bốn là ở đời, không mấy người nghĩ ơn sanh thành, làm ra tiền của, ít người hiếu dưỡng song thân. Phần nhiều rong ruổi tìm tòi các việc cho vừa lòng dục vọng, đem hết tâm lực của cải đổi lấy một người cho vừa ý, khi được rồi vui mừng mê man, phải tìm bao nhiêu kế hoạch để kéo dài cái vui ấy, gây ra những sự ham cầu tiền của, vợ vét cho đầy túi tham, không kể phải trái liêm sỉ, quý hồ vợ con nhà mình đầy đủ sung sướng, ai

đói khổ thiệt thòi mặc kệ ai, không khác chi con voi điên chạy rong theo dục vọng mà cho là khoái lạc.

Bốn thói xấu này, người nam tử phải cẩn thận tránh xa, nếu mắc vào thì hiện tại rất tai hại cho bản thân, gia đình, xã hội; mai sau sẽ đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đền trả tội lỗi đã gây ra.

Vua Ưu Điền nghe Phật dạy, hoan hỷ cúi đầu lễ Phật, bạch rằng:

- Từ trước đến nay tôi chưa được nghe lời dạy bảo quý báu như hôm nay, nên tôi trót làm bao nhiêu tội ác. Từ nay về sau, trọn đời tôi xin sám hối, quy y ngôi Tam Bảo không dám phạm nữa, xin Thế Tôn chứng minh cho tôi. Vua lui ra trở về hoàng cung.

Từ đó về sau vua chăm chỉ học đạo, ủng hộ Chánh Pháp, đem Chánh Pháp dạy bảo nhân dân. Kính trọng Hoàng hậu, coi như đạo bạn vua lại truyền các cung phi phải vâng theo lời dạy của Hoàng hậu. Không bao lâu trong cung nội, ngoài nhân dân, đều quy y Tam Bảo, thọ trì năm giới, nước Câu Lâm biến thành cảnh an lạc hiện tại ở trần gian.

Đàm Minh

"Sự tham lam nó làm cho con người chìm đắm mãi trong biển luân hồi, mà nhất là cái tham về sắc dục nó đầy đọa và vùi lấp con người một cách ghê gớm."



Kanshi (31) - Ikkyu Sojun (一休宗純 – Nhất Hưu Tông Thuần)

ĐẾN MORI, CA NHÂN MÙ MIỀN ĐỊA NGỤC

*Lá cành khô héo ở khắp nơi
Nàng mang xuân sắc đến cho đời
Hoa thắm, lộc non lên mơn mớn
Cùng lời hứa hẹn nở xinh tươi
Mori, nếu như ta quên mất
Thâm ân của nàng phút nào thôi
Hãy để lửa địa ngục thiêu đốt
Xác thân trong ức kiếp luân hồi.*

*

TO LADY MORI WITH DEEPEST GRATITUDE AND THANKS

The tree was barren of leaves but you brought a new
spring.
Long green sprouts, verdant flowers, fresh promise.
Mori, if I ever forget my profound gratitude to you,
Let me burn in hell forever.

* Pháp Hoan dịch từ bản dịch tiếng Anh của John Stevens trong Wild Ways: Zen Poems of Ikkyū. Boston, Mass.: Shambhala, 1995. Nguyên tác thơ của thiền sư Ikkyu Sojun (一休宗純, Nhất Hưu Tông Thuần).



thơ

PHÁP HOAN dịch

Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG BẢY

Long lôi khẩu súng Colt 45 dặt nơi thắt lưng ra, để lên bàn đánh “cộc” một cái, ra dấu bảo Hùng cất giùm – hình như đó là một cách để khùng bố tinh thần người đang bị hỏi cung – rồi hướng về tôi, Long hỏi:

“Vấn đề thành lập Đoàn Phật Tử Phụng Đạo, làm việc từ thiện xã hội của anh, thực ra chỉ là một cách để vận động nhân sự, tạo thanh thế cho anh để tiến đến việc thành lập một lực lượng phản cách mạng nào đó, chẳng hạn Hội Lạc Long... phải không?”

“Chẳng có sự liên hệ nào giữa Đoàn Phật Tử Phụng Đạo và Hội Lạc Long cả. Khi thành lập Phụng Đạo, tôi không hề nghĩ đến Lạc Long; khi lập Lạc Long, tôi không còn nghĩ gì về Phụng Đạo, vì trên thực tế, tôi đã giải tán Phụng Đạo từ cuối năm 1983, trong khi Lạc Long lại khởi động từ cuối năm 1984. Còn nữa, Lạc Long chỉ là một hội thề, không phải một tổ chức, một lực lượng.”

Long cười khẩy:

“Phụng Đạo bị anh tuyên bố giải tán chỉ là giải tán trên nguyên tắc, trên mặt hình

thức, vì anh sợ bị kết tội thành lập hội đoàn bất hợp pháp đối với nhà nước, chứ còn mặt trong, Phụng Đạo vẫn âm thầm sinh hoạt, có chết đâu! Bằng chứng là bản thân anh đó: vẫn còn ở kinh tế mới, làm việc từ thiện xã hội để mua chuộc lòng dân, gây uy tín trong hàng tăng ni và tín đồ Phật giáo, và để kết cấu với các tu sĩ phản động ở hải ngoại như Thích Nhất Hạnh! Phụng Đạo đã giải thể, nhân sự Phụng Đạo không còn sinh hoạt, nhưng cái tinh thần của Phụng Đạo vẫn còn sống đấy chứ! Phụng Đạo chính là anh đấy thôi! Anh mà còn thì Phụng Đạo vẫn cứ còn, rồi cái tinh thần Phụng Đạo ở trong anh mà các hoạt động phản động sẽ nảy sinh, để ra các lực lượng hay tổ chức khác! Cái mầm nó còn tốt quá thì làm sao không sinh hoa sinh trái!”

Tôi giật mình nghe Long nói vậy. Câu nói ấy, lời kết luận ấy, hình như tôi đã nghe một người bạn nào đó của tôi nói qua một lần, chỉ khác là ở cách nói và giọng nói, chứ nhận định thì chỉ là một. Tôi cố nhớ lại xem người nào đã nói với tôi câu

nói đó mà trong nhất thời không nhớ nổi. Tôi nhìn Long nói:

“Các anh đâu thể kết tội một cái mầm, mà cũng không thể nào bắt hay tiêu diệt được cái tinh thần. Cái tinh thần của Phụng Đạo đâu phải là do tôi nặn để ra hay cấy mầm nơi người khác. Nó đã có sẵn, đã tiềm tàng sẵn nơi mọi người rồi. Và lại, nếu cho rằng công việc cứu tế xã hội của Phụng Đạo là bất hợp pháp thì điều này hàm nghĩa nhà nước cấm đoán người dân thành lập hội đoàn, cấm đoán các việc làm từ thiện hữu ích cho nhân dân sao? Thế thì đâu là hiến pháp của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hả?”

“Anh đừng có lo! Chúng tôi đâu có bắt bớ gì mấy người linh tinh trong tổ chức Phụng Đạo! Chỉ vì anh là kẻ phạm tội phản cách mạng nên chúng tôi phải điều tra bất cứ cái gì và những ai liên quan trực tiếp đến các hoạt động của anh mà thôi. Ừ thì cứ cho là Phụng Đạo chẳng phải là thứ tổ chức gì quan trọng hoặc có liên quan đến các hành vi chính trị, nhưng cái gọi là Hội Lạc Long, anh bảo không phải là một tổ chức, vậy chứ nó là thứ gì

đây? Từ hai người trở lên, có cùng một lý tưởng và đường hướng hoạt động thì đã là tổ chức rồi. Đoàn này, Hội Lạc Long có những bảy người, kết nghĩa lập hội, thề thốt chống lại cộng sản, anh nghĩ nó là thứ gì đây?”

Tôi lại thêm một lần giật mình vì Long nói chính xác con số bảy người của Lạc Long. Điều này chứng tỏ trong số bảy người của hội thề ấy, có người là nội gián của công an. Người này phải tận tình báo cáo tất cả sinh hoạt của tôi, của những bằng hữu khác cho nên Long mới nắm vững vấn đề như vậy. Vấn đề còn tế nhị ở chỗ: trong ba tổ chức có mặt tôi, không phải tổ chức nào cũng có đủ mặt nhân sự của tổ chức kia. Những nhân sự theo tôi làm việc từ thiện xã hội trong Đoàn Phật Tử Phụng Đạo, không một ai biết gì về chuyện tôi lập Hội Lạc Long và liên kết với lực lượng Phục quốc của ông Trần Văn Lương; những người bạn kết nghĩa trong Hội Lạc Long với tôi, không ai là nhân sự của Đoàn Phật Tử Phụng Đạo và họ cũng chỉ biết rất mơ hồ về tổ chức từ thiện này; cùng tôi liên kết với lực lượng Phục quốc thì chỉ có hai người thuộc Hội Lạc Long; còn phía Phục quốc của ông Trần Văn Lương, ngay cả bản thân ông Lương, không ai biết gì về Đoàn Phật Tử Phụng Đạo và Hội Lạc Long cả. Vậy, kẻ nội gián này phải là người rất thân cận với tôi, biết rất rõ về các hoạt động của tôi từ năm 1981, khi Đoàn Phật Tử Phụng Đạo mới hình thành. Hân là ai? Hình ảnh những người của Hội Lạc Long lướt nhanh qua đầu tôi. Hiền, anh ruột của tôi, không biết gì về Phụng Đạo, chỉ biết về Lạc Long và Phục quốc, hiện đang ẩn lánh tại một vùng quê Nha Trang: không phải. Tâm Huy, người bạn tu cũng là bạn học cùng lớp tại chùa Già Lam, có tham gia Phụng

Đạo một thời gian ngắn, không liên can gì đến lực lượng Phục quốc, hiện đang ẩn trốn tại Sài Gòn: không thể nào. Nguyên Thế, người bạn tu vai em của tôi, từng chung sống với tôi ở chùa Linh Phong Nha Trang trước khi tôi vào Sài Gòn, có biết sơ về Phụng Đạo, không can hệ gì đến Phục quốc, hiện đang ẩn trốn ở đâu không biết: không phải. Thiện Lạc, một người bạn tu nhỏ tuổi khác của tôi, cùng sống chung với tôi ở chùa Hải Đức Nha Trang những năm cộng sản mới cầm quyền tại miền Nam, biết sơ về Phụng Đạo, không biết gì về Phục quốc, hiện đã hoàn tục và ẩn náu tại nhà một người thân: cũng không phải. Dũng, võ sư, một người bạn do Hân giới thiệu, rất nhiệt tình, ngay thẳng, không biết gì về Phụng Đạo, không biết gì về Phục quốc, hiện đang ở Sài Gòn: có lẽ cũng không phải. Và cuối cùng là Hân, người bạn tôi mới quen từ năm 1981, không tham gia nhưng biết rõ về sinh hoạt của Phụng Đạo (có lần anh ủng hộ tiền bạc cho tổ chức từ thiện này), cùng tôi hỗ trợ cho lực lượng Phục quốc. Phải rồi, Hân. Tự dừng đến lúc này, dù muốn dù không, tôi cũng phải nghĩ đến Hân. Hân là kẻ đáng ngờ nhất trong bảy người của Hội Lạc Long.

Từ mẩu chốt ấy, tôi lại sức nhớ ra, nhận định của Long về tinh thần Phụng Đạo, hình như trùng hợp với câu Hân nói với tôi từ hai năm trước. Chưa hết, từ khi tôi bỏ vùng kinh tế mới về Sài Gòn để đi ẩn trốn sự lùng bắt của công an tỉnh Đồng Nai, các bạn tôi ở thành phố ai cũng cảnh giác tôi hãy đề phòng Hân, vì trong thời gian tôi ẩn trốn, Hân là người ráo riết đi tìm tôi nhiều nhất (trong khi những bạn có liên hệ dù nhiều hay ít với tôi, đều thu

mình, ẩn lánh, không dám chường mặt ra đường). Rất có thể Hân chính là kẻ phản bội. Nhưng yếu tố này cũng chưa đủ kết luận là Hân có ý xấu. Tôi thoáng ôn lại những lời nói, cử chỉ, những hoài bão và quan niệm sống mà Hân từng trao đổi với tôi... Ô, có thể Hân ráo riết đi tìm tôi trong thời gian đó là muốn giúp tôi chỗ ẩn náu an toàn – như Hân đã giải thích cách đây vài ngày khi tôi tự động đến tìm gặp anh ấy... Tự dừng tôi muốn xua đi hết những điều nghi kỵ của mình. Khó có thể tin được rằng một con người hiểu biết nhiều, đối xử rất tốt với tôi như thế... lại là kẻ phản bội, bán đứng tôi và bằng hữu cho cộng sản... Ư mà cũng có thể lắm. Hân phản bội chứ không thể là ai khác. Tôi có vài luận cứ để tin như vậy...

Nhưng nếu cái nghi vấn của tôi về Hân là một sự thực, tôi nên giữ thái độ thế nào cho thích đáng trong khi khai cung với Long hoặc những công an khác? Một khi Hân, người bạn thân đã biết tất cả mọi hoạt động của tôi trước đây, lại làm việc cho công an, hoặc có thể chính Hân là một đảng viên cộng sản, thì tôi sẽ khai cung như thế nào? Chấp nhận hết hay là chối bỏ những gì mình đã làm? Và thế nào là anh hùng trong lao ngục?

Cái chết thường tình và hợp lý cho những kẻ làm cách mạng là cái chết trong lao tù. Và “cọc chết để da, người ta chết để tiếng” là thái độ thông thường của bao anh hùng đi trước. Tuy nhiên, trong một vài trường hợp, chữ anh hùng không bị ép khuôn trong phạm trù cương hay nhu của thái độ mà được thể hiện qua sự khôn khéo của trí thông minh và sự bền bỉ của ý chí. Chọn cái chết bất khuất đúng là thái độ anh hùng, nhưng chọn đường sống để tiếp tục đeo đuổi lý tưởng và mưu thành đại sự thì cũng là một nghĩa cử anh

hùng khác, không hơn không kém.

Nhưng đối với tôi bây giờ, sự việc không đơn giản như vậy. Tôi không cần làm anh hùng theo cách chết hoặc sống nói trên. Điều mà tôi phải cân nhắc lúc này chính là mối an nguy cho những người bạn khác của tôi đang còn ở ngoài xã hội mà thôi. Tôi chấp nhận vào tù hay chấp nhận cái chết không có nghĩa rằng tôi có quyền kéo theo những người khác vào hoàn cảnh của tôi. Tôi mà khai tất cả sự thật thì có thể nhiều người bạn khác của tôi cũng sẽ sa vào tù tội ngay. Nhưng khai dối thì cổ vè hèn quá. Hân biết tất cả về tôi. Sau lưng Long, là Hân. Tôi đang khai cung với Long nhưng cũng giống như tôi đang đối khẩu với Hân. Khai thực hay khai dối? Nếu tôi cứ chối quanh, chối co trước mặt Long thì còn gì hèn nhục bằng! Khai thực với hy vọng được ân giảm, khoan hồng là điều nhu nhược, thấp hèn. Nhưng khai dối, theo quan niệm của tôi, cũng có vẻ hèn nhất (vì từ hồi nhỏ, đọc cuốn Tâm Hồn Cao Thượng, tôi đã quen tôn thờ hình ảnh người học trò đứng dậy chịu lỗi thay cho bạn, đến nỗi đã có nhiều lần tôi nhận tội thay cho người khác, và nếu có lầm lỗi, tôi cũng nhận chứ không bào chữa). Ngoài ra, trường hợp khai dối còn mang một ý nghĩa tế nhị thâm trầm khác liên quan đến lĩnh vực luân lý, hay đúng hơn, lãnh vực giới luật của tôn giáo mà tôi thấm nhuần đến độ trở thành một thói quen, không cần cố gắng. Khai dối là gì nếu không phải là sự quanh co, vọng ngữ, có nói không, không nói có. Mà cái thói quen nói dối này, tôi đã từ bỏ khá lâu, từ khi mới xuất gia làm chú tiểu mười lăm năm trước. Không được nói dối là một điều răn cấm căn bản trong đạo đức của những môn đồ Phật giáo. Tuy thế,

Phật giáo vẫn cho phép việc nói dối trong điều kiện sự nói dối đó có mục đích cao cả, hoặc có lợi cho số đông, hoặc vì bảo vệ sinh mạng cho kẻ khác.

Các quan điểm mâu thuẫn, đối nghịch làm chông chênh đầu óc tôi. Lời khai của tôi chắc chắn là có liên can bất lợi cho người anh ruột của tôi và một số người khác. Anh tôi hiện vẫn còn lẫn trốn ở một nơi nào đó tại thành phố biển Nha Trang. Sự thành thật của tôi chính là việc mở cửa mời anh tôi vào tù. Nhưng nếu với sự tiếp tay của Hân, công an đã có đầy đủ chi tiết để kết tội hai anh em tôi thì việc tôi chối quanh là điều vô ích và cũng là tự phơi bày sự hèn nhát, run sợ của mình trước bạo lực.

Tóm lại, chỗ then chốt của vấn đề là làm sao đánh giá chính xác được rằng công an đã biết hay chưa biết gì về những đóng góp khác của tôi trong tổ chức Phục quốc. Hân đã cung cấp cho công an tất cả sự thật về tôi hay chỉ một phần sự thật? Và một phần sự thật mà Hân cung cấp cho công an là phần nào?

Tôi nhìn thẳng vào mắt Long, nói:

"Định nghĩa một tổ chức theo cách của anh thì nhân dân cả nước này chỉ còn sống như những thầy ma vất vưởng ly tán, chẳng có tinh thần hợp quần tương thân tương ái nữa. Chỉ có đảng cộng sản là được độc quyền thành lập, phát triển đến con số hai triệu đảng viên hoặc sẽ hơn nữa... còn người dân thì tụ họp hai người trở lên thì bị coi là lập hội bất hợp pháp?"

Long nghiêm giọng nói nhanh như học thuộc lòng:

"Hiến pháp nhà nước có qui định rõ rệt việc tự do thành lập các tổ chức và hội

đoàn, đâu phải không có, nhưng cũng phải có sự xét duyệt và thông qua của nhà nước, chứ đâu phải muốn lập cái hội nào thì lập để rồi xã hội lại rối beng cả lên như các xã hội Âu - Mỹ!"

Tôi lắc đầu nói:

"Các nhà nước Âu - Mỹ cũng đòi hỏi người dân xin phép chuyển lập hội hay tổ chức các sinh hoạt có tính cách tập thể đấy chứ! Nhưng để dân xin phép thì ắt nhà nước phải cho. Còn trong xã hội chủ nghĩa, người dân biết họ không thể nào được nhà nước cho lập hội nên họ không dám lập hội, và nếu thấy cần thiết phải lập, họ đành phải lập hội kín, lập hội kín thì bị bắt bớ, kết tội. Rồi loạn xã hội một phần cũng từ đó mà ra cả. Hiến pháp của nhà nước nói cho phép tự do này, tự do nọ, mà trên thực tế, người dân có hưởng được bất kỳ thứ tự do nào đâu! Nếu tôi xin phép nhà nước thành lập Đoàn Phật Tử Phụng Đạo để làm công tác từ thiện xã hội, giúp cho những nơi nghèo đói, anh thức lòng trả lời giùm cho một tiếng, có được nhà nước chấp thuận không vậy?"

Long hơi lúng túng một chút, rồi bỗng tự tin ngẩng mặt lên, nói như máy:

"Từ khi đất nước thống nhất, dưới sự lãnh đạo của đảng và nhà nước từ thượng tầng đến hạ tầng cơ sở, mọi sinh hoạt của nhân dân trong nước được tiến hành nhịp nhàng và đồng bộ trong guồng máy chỉ đạo chung, không nơi nào mà không có sự quan tâm của trung ương đảng; hạ tầng có chỗ nào bị thiếu hụt hay yếu kém thì lập tức có báo cáo trình lên trung ương, sau đó mọi vấn đề sẽ được giải quyết. Những tệ trạng bất công, bóc lột của chế độ phong kiến và tư bản đều bị chế độ ta quét sạch, nhân dân hồ hởi tiến lên xã hội chủ nghĩa vinh quang. Đảng và nhà nước hết lòng ban phát và bảo vệ đời sống

ấm no hạnh phúc cho dân, ngăn chặn và triệt tiêu mọi phần tử địa chủ, cường hào hà hiếp bóc lột sức lao động của người dân... Trong diễn trình đó, mỗi người dân đều được ổn định đời sống cơm áo, việc làm. Có cần thiết phải lập những tổ chức từ thiện nữa không nhỉ? Tổ chức từ thiện xã hội là kết quả tự nhiên thoát thai từ những xã hội tư bản bóc lột nhân dân đến tận xương tủy. Điển hình là nước Mỹ, hàng triệu người thất nghiệp, ăn xin, không nhà ở, lang thang đầy đường, cũng chỉ vì bị tư bản bóc lột. Rồi để xoa dịu sự căm phẫn của dân, họ mới bày đặt nặn đẻ ra các hội từ thiện này nọ mà thôi. Xã hội chủ nghĩa là một xã hội được hình thành từ giai cấp công nhân vô sản chống bất công, lại thêm sự lãnh đạo sáng suốt của đảng, làm gì có chuyện đối thiếu bóc lột nữa mà anh đòi lập hội từ thiện! Nếu có một gia đình nào, một người nào đói khổ, thiếu ăn, chẳng qua chỉ vì họ không chịu lao động đúng mức mà thôi."

Nghe đến đây thì máu huyết trong tôi sôi sục lên. Tôi muốn chỉ thẳng vào mặt Long để nói một câu gì đó, nhưng xét lại thấy cũng chẳng cần thiết, đành tự trấn tĩnh, thở dài:

"Thôi, khỏi bàn nữa. Nói tóm một câu, năm 1981 tôi đã lập Đoàn Phật Tử Phụng Đạo để làm việc từ thiện một cách 'bất hợp pháp'."

Long thêm vào:

"Chưa hết, anh còn lập Hội Lạc Long với chủ đích kết tập bằng hữu chống lại đảng và nhà nước, đây cũng là việc làm phạm pháp."

"Vâng, đối với các anh thì phạm pháp. Nhưng mục đích của Lạc Long không phải là chống lại đảng và nhà nước mà là đấu tranh để đòi hỏi tự do cho người dân. Nếu có chống thì chống lại bất kỳ chủ thuyết nào, phe phái nào, tập đoàn thống trị nào chà đạp lên quyền lợi của

dân tộc Việt Nam chứ không phải chỉ chống đảng cộng sản."

"Thì cứ nói đại là các anh chống cộng sản đi. Các anh lập hội thể ngay trên mảnh đất này, đúng vào giai đoạn này, cái giai đoạn mà chúng tôi đang nắm quyền, không phải nhằm vào chúng tôi thì nhằm vào ai! Các anh thù hận cộng sản nên mới làm thế!"

"Người theo Phật chúng tôi không thù hận bất cứ con người nào. Chúng tôi không có kẻ thù như những con người. Chúng tôi chỉ có kẻ thù là lòng tham lam, ích kỷ, thù hận, cố chấp, cuồng tín... Chúng tôi không thù hận các anh, nhưng sẽ chống các anh nếu các anh ôm ấp những tham lam, sân hận, cuồng tín mà gieo rắc khổ đau cho đất nước."

"Cũng chẳng có gì khác giữa cách nói này hay cách nói kia. Tóm lại là anh thù hận cộng sản, muốn chống lại cộng sản."

"Thù hận là tâm lý hèn mạt của những kẻ mà dù ở trong hoàn cảnh thuận lợi hay bất lợi cũng không vói tay được đến cái cao cả của đối phương nên mới lấy nó làm khí giới trả đũa. Tâm lý thù hận đó chỉ có trong xã hội cộng sản và trong lòng người cộng sản mà thôi. Thù hận thì không thể lắng nghe, không thể thông cảm, không thể thương yêu và xây dựng cho nhau được. Thù hận là tâm lý thành kiến một chiều, què quặt, tầm thường, chẳng làm nên trò trống gì cho cuộc đời dù có nắm quyền bính trong tay. Người theo Phật chúng tôi coi thường và thương hại cho những con người luôn mang tâm lý và thái độ thù hận, làm gì chúng tôi lại ôm lòng thù hận ai!"

Long vẫn ngoan cố:

"Đó là trên lý thuyết thôi, còn trên thực tế, các anh phải thù hận chúng tôi mới có thể chống đối chúng

tôi một cách hữu hiệu được."

"Tại sao anh lại muốn ép tôi phải nhận hai chữ thù hận ấy nhỉ? Có cần phải đồng hoá chúng tôi trở thành một đối thủ, một chiến sĩ cách mạng khác chính kiến nhưng cùng tâm lý thù hận nhỏ mọn không vậy? Để làm gì? Để dễ kết tội hơn sao? Chứ không phải rằng sự kết tội của các anh chỉ nhằm vào hành vi chứ không nhằm vào tâm lý à?"

Long giương mắt ngó tôi, giận dữ, nhưng anh cũng cố kìm hãm lại một lúc bằng cách lấy thuốc đưa lên môi, quẹt lửa. Phà một hơi thuốc, Long cúi xuống ghi gì đó vào biên bản. Xong, y ngược lên, nói gần:

"Còn nữa, dù anh khai rằng anh không đảm nhận bất cứ chức vụ nào trong lực lượng Phục quốc của ông Trần Văn Lương, nhưng việc anh giúp họ quay in truyền đơn, soạn viết các văn kiện của lực lượng... đều là các hành vi phạm tội chống đối chính quyền cách mạng. Anh có nhận rằng anh đã làm những việc ấy không?"

"Có."

"Câu hỏi chót: có sự liên hệ nào giữa Lực Lượng Việt Nam Tự Do của Tuệ Sỹ với các tổ chức Phụng Đạo, Lạc Long và Phục quốc? giữa cá nhân anh và ông Tuệ Sỹ?"

"Không có bất cứ sự liên hệ nào giữa các tổ chức. Còn về liên hệ cá nhân thì tôi là học trò của thầy ấy như bao nhiêu tăng sinh viên khác, vậy thôi."

"Tuệ Sỹ đánh giá anh cao lắm mà. Chẳng lẽ anh có tham dự lớp Già Lam do Tuệ Sỹ điều hành mà ông ấy chẳng kết nạp anh vào lực lượng của ông ấy sao?"

"Không. Tôi có con đường của tôi, thầy ấy có con đường của thầy ấy. Tôi đã rời bỏ chùa Già Lam từ năm 1982. Thầy Tuệ Sỹ làm việc gì tại Già Lam sau giai đoạn đó thì tôi không biết."

"Thế lúc anh còn ở chùa Già Lam thì sao? Ông ấy làm

gì và có mời anh cộng tác chứ?”

“Không hề. Thầy ấy chỉ vào lớp dạy học, và tôi học.”

“Thế khi ông ấy bị bắt vào năm 1984, chẳng phải ông ấy đã hóa thân thành anh để rồi ở bên ngoài, anh lại tiếp tục vận động tổ chức, thành lập các lực lượng đấu tranh khác hay sao?”

Tôi lại thêm một lần giật mình. Cách Long ví tôi như một hóa thân của thầy Tuệ Sỹ trong vấn đề tranh đấu tự đứng lại khiến trong tôi nảy lên một nỗi nghi hoặc buồn bã. Rõ ràng là cách ví ấy không phải chỉ là phỏng đoán hay thăm dò. Long biết cái liên hệ xa hơn giữa tôi và thầy Tuệ Sỹ trong vấn đề đấu tranh, chứ không phải chỉ là liên hệ thầy trò. Mà cái liên hệ đấu tranh đó, thực ra chỉ có những bạn bè thân của tôi, trong đó có Hân, mới biết được.

Đầu năm 1984, Tuệ Sỹ nhờ thầy Tâm Hải – một người bạn học của tôi ở chùa Già Lam, cũng là Đoàn phó Đoàn Phật Tử Phụng Đạo – lên kinh tế mới nhắn tôi về Sài Gòn gặp thầy. Tôi được sắp xếp để gặp riêng thầy Tuệ Sỹ tại một căn nhà của một Phật tử thân tín chùa Già Lam. Sau vài lời thăm hỏi, thầy Tuệ Sỹ nói ngay mục đích cuộc tiếp xúc này là muốn giao tôi đứng ra đảm nhận việc tổ chức và điều hành Lực Lượng Việt Nam Tự Do. Tôi hết sức ngạc nhiên, một mực khước từ, tự cho mình không đủ khả năng để đảm nhận việc ấy. Nhưng thầy đưa ra hai lý do khiến tôi không thể từ chối. Lý do thứ nhất: Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát đang bị công an để ý, theo dõi, không thể tiếp tục hoạt động. Họ muốn rời khỏi chùa Già Lam và rút vào một vùng rừng núi nào đó để ẩn cư; còn tôi thì thay mặt hai thầy ấy, đứng ra tiếp tục điều hành mọi hoạt động của Lực Lượng Việt Nam Tự Do trên mặt nổi. Cương lĩnh và đường hướng sinh hoạt sẽ do hai

thầy soạn thảo từ bên trong. Lý do thứ hai: tôi là tăng sĩ trẻ tuổi, chưa phải là đối tượng của công an, tôi có thể âm thầm hoạt động để mở rộng phong trào dễ dàng và hữu hiệu hơn hai thầy ấy. Cuối cùng, tôi đồng ý. Vậy là thầy Tuệ Sỹ sắp xếp cho tôi gặp cả thầy Lê Mạnh Thát để cùng thảo luận về những gì cần làm trong những ngày sắp tới. Tôi trở về vùng kinh tế mới, rồi đào một vòng quanh các cơ sở mà tôi có lúc ấy để thử tìm một chỗ tương đối kín đáo cho hai thầy ấy rút vào. Một khu đất sâu trong vùng núi ở vùng kinh tế mới Bầu Cạn; một mầu đất và một hang động của thầy Quảng Hiền trên núi Thị Vải; một cơ sở trồng điều ở Hồ Nai; một cơ sở trồng cà phê và điều ở chân núi Gia Lào; một cơ sở cà phê khác ở Long Khánh... Tôi chưa quyết định chọn cơ sở nào và cũng chưa kịp bàn kỹ về kế hoạch đưa hai thầy ấy rời chùa Già Lam để rút đi an toàn thì vào sáng sớm một ngày cuối tháng 3 năm 1984, công an bao vây chùa Già Lam, đọc lệnh bắt thầy Tuệ Sỹ, Mạnh Thát và Nguyên Giác. Một vài bạn bè thân của tôi tức tốc lên kinh tế mới báo tin và thúc tôi đi lánh sớm. Tôi tạm ẩn ở xã Ông Quế, Long Khánh. Một tuần sau thì được tin Hòa thượng Trí Thủ bị mất trong bệnh viện. Sáu tháng sau, tôi vận động bạn bè thân thành lập một lực lượng mới lấy tên Hội Lạc Long thay vì tiếp tục khai triển Lực Lượng Việt Nam Tự Do. Tôi không muốn sử dụng lại cương lĩnh và danh xưng của một lực lượng đã bị thất bại và bị truy tố ra tòa – vì điều này sẽ bồi thêm án nặng cho Tuệ Sỹ trong tù mà cũng bất lợi cho tôi trong khi hoạt động. Mặt khác, tôi không hề có ý làm hậu thân của một ai khác.

Cho nên, niềm tự hào, hay đúng hơn, một thứ tự ái

vật nào đó của tôi, không vừa lòng với lối ví von của Long. Từ lâu, tôi vốn kính trọng và ngưỡng mộ các vị cao tăng thực đức, hay bậc thức giả uyên bác và nghĩa khí như thầy Tuệ Sỹ, nhưng tôi chưa hề bao giờ muốn mình là cái bóng hay là cánh tay phải, tay trái, hậu huệ, hậu thân gì của ai cả. Tôi là tôi với lối đi tự tại và độc lập của tôi. Có chăng một sự tương đồng tương hợp nào, tôi nghĩ rằng, đó không phải là sự mô phỏng, nối gót của kẻ sau đối với người trước mà là sự động dụng tất nhiên của những kẻ từng thấm nhuần bồ đề tâm. Vâng, cái tâm bồ đề, nói như Hoà thượng Trí Thủ, khi đã kết thành hoa trái thì ở đâu cũng tìm thấy an lạc. Và một khi đã khởi phát, nó tự nảy ra những lối đi thênh thang của nó giống như những nụ mầm trên cùng một nhánh cây, tùy theo thời tiết và hoàn cảnh mà nở rộ những hoa lá tinh nguyên mới mẻ. Những hoa lá ấy, cái nào lại chẳng giống nhau, nhưng không phải hoa này là hậu thân của hoa kia, lá này là hoá thân của lá nọ. Chúng chỉ nở trước hoặc sau với cùng một thứ dưỡng chất do nhánh cây hút lên từ gốc rễ và dung hóa, nhào nặn thành.

Tôi không dám xác quyết rằng cái tâm lý nhột nhạt khó chịu khi bị ví như một thứ hậu thân nào đó có phải là thứ mặc cảm tự ái nhỏ nhen, hay đó là phản ứng của một tâm thức muốn vươn tới tự do. Mà cái tự do nào còn sót lại ở đây? Phải chăng nó lẫn quẩn loanh quanh giữa bốn vách của các phòng giam? Phải chăng nó đang la đà trước mặt những nhân viên công lực cặm cùi thực hiện chức năng bắt bớ, giam cầm những kẻ đòi hỏi đấu tranh cho nó? Tự do đâu? Có sự quan hệ nào giữa tự do và một cái hậu thân? Tôi ngược lên, nhìn thẳng vào mặt Long, và bất chợt, trong một

ngẫu nhiên khó hiểu, tôi bỗng nhớ đến câu nói lừng danh của thiền sư Lâm Tế: “Phùng Phật sát Phật, Phùng Tổ sát Tổ” (gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ). Tôi bật cười lên một tiếng.

“Anh cười cái gì?”

“Không, không có gì. Chẳng liên hệ gì.”

“Anh có nghe câu hỏi của tôi không? Có phải anh nổi gót ông Tuệ Sỹ để tiếp tục vận động mấy ông thầy chùa phản động chống lại chính quyền cách mạng không?”

Tôi khẳng định:

“Không làm gì có chuyện đó. Tôi chỉ làm công việc của tôi, theo tôi, chẳng liên hệ gì đến thầy ấy cả.”

“Thế anh có liên hệ gì với ông Tịch Quang mà thỉnh thoảng anh lại thăm ông ấy ở Ấn Quang? Tại sao ông ấy lại tiếp anh trong khi đóng cửa nhập thất?”

Rõ ràng là Long theo dõi tôi khá kỹ, hoặc là Hân đã báo cáo về tôi rất tường tận. Tôi hơi nản, nói:

“Tôi là đệ tử cầu thầy ấy làm y chỉ sư.”

“Y chỉ sư? Là thầy thế nào?”

“Là vị thầy mà tôi nương tựa để tu học khi bốn sư tôi mất hoặc ở quá xa.”

“Nghe nói ông ấy khó tính lắm mà, đâu có thân nhận đệ tử, sao lại nhận anh?”

“Không biết. Cái đó tùy nhân duyên tu học mà thôi, mà nhân duyên này thì chẳng dính nhập gì đến chuyện văn cung hôm nay cả.”

Im lặng một lúc, Long hỏi tiếp:

“Anh cầu ông Tịch Quang làm thầy, vậy chứ chuyện anh hoạt động chống phá cách mạng, bộ ông ấy không hay biết sao? Ông ấy có sai bảo anh làm không? Hoặc khi anh làm, có hỏi ý ông ấy không?”

“Không can dự gì đến thầy ấy cả.”

“Vậy chứ anh bái ông ấy

làm thầy để làm quái gì mà thầy trò ai làm việc này chẳng biết gì nhau hết vậy?”

“Có cần thiết là tôi phải trả lời câu hỏi không dính dự gì đến việc khai cung không vậy?”

“Có dính dự chứ sao không. Chúng tôi muốn điều tra về tất cả những ai có liên hệ với anh nếu xét thấy đó là đối tượng đáng tình nghi. Chúng tôi muốn biết anh được cái lợi ích gì khi bái ông ấy làm thầy để rồi anh hứng gì làm đó, chẳng thừa trình gì với ông ấy? Hay là mọi hành vi của anh đều do ông ấy chỉ đạo, cổ vũ?”

Tôi mỉm cười, đáp:

“Tăng sĩ Phật giáo chúng tôi hoàn toàn được tự do trọng vấn đề hành xử của mỗi cá nhân, không bị lệ thuộc vào vị thầy bốn sư hay bất cứ vị thầy y chỉ nào. Việc tôi làm, tôi đâu cần phải báo cáo mọi thứ cho thầy ấy như cách các anh báo cáo cấp lãnh đạo chỉ huy. Việc thầy ấy làm, tôi đâu nhất thiết phải biết đến tất cả.”

“Vậy thì đâu là lý do để có cái liên hệ thầy trò?”

Câu hỏi của Long đẩy tôi quay trở lại với câu nói thời danh của Lâm Tế. Gặp Phật giết Phật, Gặp Tổ giết Tổ. Đây là cái lý do, là chất keo trong liên hệ thầy trò? Cái liên hệ thầy trò trong Phật giáo là cái liên hệ bình đẳng trong căn để. Tiến trình giác ngộ giải thoát là tiến trình của sự dấn đạp, vượt qua. Không vượt qua được Phật, không vượt qua được Tổ, thì không làm sao có được giải thoát cả. Nhưng ý niệm này, thực ra, có cần thiết đối với biên bản khai cung, với ngục tù? Có. Tôi mỉm cười tự nhủ, cho dù những vách ngục của thế gian này có sụp đổ lên đầu lên cổ tôi, chìm sâu tôi vào nỗi thống khổ vô hạn của kiếp người, thì tâm thức tôi cũng phải vươn lên, dấn đạp, vượt qua, vượt qua tất cả, vượt qua mọi đối tượng,

mọi ảo tưởng, mọi thần tượng, mọi lý niệm, mọi ác niệm và thiện niệm, mọi bóng dáng của ác quý hay thiện thần, mọi thứ giá trị tinh thần và ngay cả cái tôn tượng mà tôi hằng quy kính là đức Phật... phải vượt qua hết. Bởi cái tâm thức này mà còn quy lụy, nổi gót, mô phỏng một cách trung thành những thứ trên thì dù có đóng kịch làm kẻ nhàn du rao giảng giáo lý nhiệm mầu thênh thang của đạo giác ngộ, thì vẫn cứ là tâm thức của một kẻ nô lệ mà thôi. Vậy thì, thà cứ bị giam trong bốn vách... Nhưng dù gì, tôi cũng phải trả lời câu hỏi của Long, anh công an đại diện cho pháp luật thế gian đang chờ đợi tôi:

“Anh muốn biết điều này làm sao? Anh muốn ghi vào biên bản không, thì đây, hãy ghi rằng tôi bái ông Tịch Quang làm thầy chỉ vì ông ấy quá siêu việt, và ngày nào tôi còn tin tưởng nơi sức mạnh tâm linh từ ông, từ cái diệu dụng của sự bất động nơi ông, thì ngày ấy chân lý còn tồn tại, không thể hủy diệt. Thế thôi.”

Long ngó sững tôi, hai mắt trợn ngược một lúc rồi bỗng dờ dẩn ra một cách khó hiểu. Tôi chẳng làm sao đoán được trong cái đầu thật lớn của y đang chứa đựng những ý tưởng u ám mê muội nào mà khiến đôi mắt trông ngây dại hẳn ra như vậy. Một chớp sau, Long chớp chớp đôi mắt rồi cúi xuống tờ biên bản, hí hoáy ghi. Biên bản viết rất sơ sài về Đoàn Phật Tử Phụng Đạo và Hội Lạc Long. Tôi có cảm tưởng là Long chỉ nhắm vào việc tôi có cộng tác với lực lượng Phục quốc của ông Trần Văn Lương mà thôi. Ừ, vậy thì tốt quá đi chứ. Các nhân sự Phụng Đạo và Lạc Long sẽ chẳng bị liên can gì đâu. Tôi yên lòng nghĩ vậy. Và tôi đặt bút ký vào biên bản.

*(hết Chương 7, mời đón đọc
Chương 8 vào kỳ tới)*